BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

NGỮ VĂN 10



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG (Chủ biên)
TRẦN NGỌC HIẾU – NGUYỄN THỊ DIỆU LINH – ĐẶNG LƯU – TRẦN HẠNH MAI
NGUYỄN THỊ NGỌC MINH – ĐỖ HẢI PHONG – NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

Chuyên đề học tập

NGỮ VĂN

(Tái bản lần thứ tư)



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn thân mến!

Bắt đầu từ lớp 10, việc học tập của các bạn bước vào một giai đoạn mới: giai đoạn định hướng nghề nghiệp gắn với việc tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn về nhóm môn học mình ưa thích. Với từng môn thuộc nhóm này, mỗi năm học, các bạn sẽ được học thêm ba chuyên đề có nội dung phong phú, tương thích với những gì đã được tiếp thu, vận dụng theo chương trình chính.

Đối với những bạn có định hướng theo đuổi các ngành Khoa học xã hội và nhân văn, ở lớp 10, môn Ngữ văn sẽ đưa các bạn đến với ba chuyên đề: (1) *Tập nghiên cứu và viết báo cáo về một vấn đề văn học dân gian*; (2) *Sân khấu hoá tác phẩm văn học*; (3) *Đọc, viết, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết*. Qua các chuyên đề này, chẳng những các bạn được dịp củng cố và hệ thống hoá kiến thức về một số vấn đề văn học (hiện tượng văn học, loại, thể loại văn học,...) mà còn có cơ hội vận dụng kiến thức đó vào việc thực hiện các đề tài, dự án đầy sáng tạo, làm ra những sản phẩm có ý nghĩa, thể hiện sinh động mối quan hệ hai chiều giữa văn học và cuộc sống.

Thời gian dành cho việc học tập một chuyên đề không nhiều, chỉ từ 10 đến 15 tiết. Trong khoảng thời gian đó, vấn đề quan trọng nhất đối với các bạn không phải là tiếp thu tri thức lí thuyết mà là vận dụng và thực hành. Những hướng dẫn hoạt động trong sách rất cụ thể, kèm theo nhiều ví dụ điển hình cho thấy rõ các thao tác cần thực hiện, giúp bạn có thể đạt được kết quả tốt. Các bạn sẽ thấy nhiều việc tưởng hết sức khó khăn hoá ra hoàn toàn có thể thực hiện được nếu có tình yêu văn học, biết làm đúng quy trình và biết vận dụng phương pháp phù hợp. Từ đó, hẳn các bạn sẽ thấy có thêm niềm vui và động lực học tốt môn Ngữ văn – môn học gần gũi với cuộc sống, có tác dụng làm phong phú thêm đời sống tinh thần của chúng ta.

Các bạn hãy đọc kĩ nội dung các chuyên đề, để sau đó, dưới sự hướng dẫn của thầy cô, chúng ta sẽ viết được những báo cáo nghiên cứu nhỏ về văn học dân gian; sân khấu hoá được một tác phẩm văn học yêu thích; giới thiệu được một tập thơ, tập truyện ngắn hay một tiểu thuyết từng khiến mình say mê... – những sản phẩm, thành quả mà việc học tập môn Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực luôn đòi hỏi.

Chúc các bạn có niềm hứng thú thật sự với *Chuyên đề học tập Ngữ văn 10*.

CÁC TÁC GIẢ

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa
để dành tặng các em học sinh lớp sau.

MỤC LỤC

CHUYÊN ĐỀ	NỘI DUNG	TRANG
1	**TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN**	**4**
Phần 1. Tập nghiên cứu	I. Xác định đề tài, vấn đề, mục tiêu, nội dung và lập kế hoạch nghiên cứu	**7**
	II. Thu thập thông tin	**11**
	III. Xử lí, tổng hợp thông tin	**17**
Phần 2. Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian	I. Cách triển khai báo cáo nghiên cứu theo từng loại đề tài	**19**
	II. Thuyết trình về kết quả nghiên cứu	**41**
2	**SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC**	**43**
Phần 1. Tìm hiểu về sân khấu hoá tác phẩm văn học	I. Đọc kịch bản sân khấu	**46**
	II. Xem vở diễn	**53**
Phần 2. Thực hành sân khấu hoá tác phẩm văn học	I. Đọc kịch bản sân khấu	**55**
	II. Những nhân tố cơ bản của hoạt động sân khấu hoá tác phẩm văn học	**61**
	III. Các bước sân khấu hoá tác phẩm văn học	**62**
	IV. Thực hành	**64**
3	**ĐỌC, VIẾT, GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT**	**67**
Phần 1. Đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết	I. Cách đọc	**70**
	II. Thực hành đọc	**75**
Phần 2. Viết bài về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết	I. Mục đích viết	**77**
	II. Một số hướng viết bài	**77**
	III. Thực hành viết	**87**
	IV. Báo cáo kết quả	**89**
Phần 3. Giới thiệu dưới hình thức nói về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết	I. Trình bày trước lớp	**91**
	II. Tổ chức sự kiện	**93**
Bảng tra cứu thuật ngữ		**95**
Bảng giải thích một số thuật ngữ		**98**
Bảng tra cứu một số yếu tố Hán Việt		**101**
Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài		**103**

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CHUYÊN ĐỀ 1

TẬP NGHIÊN CỨU VÀ VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

"Hãy đi sâu vào những sáng tác của nhân dân,
nó trong lành như nguồn nước ngọt ngào, tươi mát,
róc rách từ khe núi chảy ra."
Mắc-xim Go-rơ-ki (Maksim Gorky)

Yêu cầu cần đạt

- Biết các yêu cầu và cách thức nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.
- Biết viết một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian.
- Vận dụng được một số hiểu biết từ chuyên đề để đọc hiểu và viết về văn học dân gian.
- Biết thuyết trình về một vấn đề văn học dân gian.

TRI THỨC TỔNG QUÁT

Văn học dân gian

Văn học dân gian là những sáng tác nghệ thuật ngôn từ của nhân dân lao động, ra đời từ thuở xa xưa và vẫn tiếp tục phát triển cho đến hôm nay, được phổ biến chủ yếu bằng phương thức truyền miệng. Văn học dân gian có chức năng lưu giữ và truyền lại những tri thức về tự nhiên, xã hội, khám phá các phương diện khác nhau của cuộc sống, truyền tải những bài học nhân sinh cho các thế hệ, đồng thời thể hiện quan điểm thẩm mĩ mang tính cộng đồng qua những hình tượng nghệ thuật bình dị, sinh động, đầy sức gợi. Có thể chia các sáng tác phong phú của văn học dân gian thành nhiều loại khác nhau như tự sự, trữ tình, kịch.

Văn học dân gian có một số tính chất nổi bật sau: *tính nguyên hợp* (thể hiện cùng lúc tiếng nói của cả văn học lẫn tín ngưỡng, triết lí, đạo đức,... và là sản phẩm tổng hoà của nhiều chất liệu nghệ thuật khác nhau như ngôn từ, nhạc, vũ,...); *tính tập thể, tính truyền miệng* (nhiều người, nhiều thế hệ cùng tham gia vào quá trình sáng tạo và lưu truyền tác phẩm bằng phương thức truyền miệng); *tính diễn xướng* (gắn với việc biểu diễn trong những sinh hoạt mang tính cộng đồng); *tính dị bản* (nhiều văn bản giống nhau về chủ đề và nội dung chính, nhưng có sự khác nhau ở một số chi tiết hoặc lời văn);...

Văn học dân gian là kho báu tinh thần của một dân tộc, chứa đựng nhiều giá trị to lớn có ý nghĩa với muôn đời. Những câu chuyện "ngày xửa ngày xưa" với trí tưởng tượng bay bổng diệu kì, những câu ca ngọt ngào da diết, chan chứa yêu thương, những câu nói, những mẩu chuyện đời thường sâu sắc và hóm hỉnh vẫn còn mãi với thời gian và như vẫn đang hiện hữu trong cuộc sống của chúng ta hôm nay. Đi sâu tìm hiểu các sáng tác dân gian, chúng ta sẽ được khám phá vẻ đẹp, sức sống và giá trị trường tồn của một mạch ngầm "tát mãi không cạn, gọi mãi không cùng", nơi lưu giữ trí tuệ và tâm hồn của nhân dân trong suốt chiều dài lịch sử.

Đề tài, vấn đề nghiên cứu

Ở trường Trung học phổ thông, một đề tài, vấn đề nghiên cứu được lựa chọn cần thoả mãn các yêu cầu chính sau: là một nội dung học tập trong chương trình cần được tìm hiểu sâu khi có điều kiện về thời gian và sự hứng thú; vừa sức với học sinh cấp học này xét theo trình độ phân tích và khái quát, khả năng tập hợp tư liệu, thực hiện điều tra khảo sát; hỗ trợ học sinh thể hiện năng lực của mình ở nhiều phương diện (tư duy, khả năng trình bày, khả năng làm việc nhóm);...

Đề tài, vấn đề nghiên cứu về văn học dân gian có thể được xác định ở những phạm vi rộng hẹp khác nhau, liên quan đến nhiều đối tượng như: tác phẩm, hình tượng, chi tiết, mối liên hệ giữa tác phẩm với đời sống,... Do đối tượng nghiên cứu có những điểm đặc thù như tính truyền miệng, tính diễn xướng, tính dị bản,... nên khi nghiên cứu văn học dân gian, các phương pháp nghiên cứu thường được sử dụng là: sưu tầm tài liệu, điền dã/ trải nghiệm thực tiễn, phỏng vấn chuyên gia,...

Báo cáo nghiên cứu

Báo cáo nghiên cứu là loại văn bản trình bày kết quả tìm hiểu, khám phá sâu về một vấn đề đời sống hoặc văn học và những kiến giải riêng của người viết về vấn đề nghiên cứu đó trên cơ sở các thông tin phong phú thu thập được.

Báo cáo nghiên cứu thường hướng đến trả lời một số câu hỏi chính: Vấn đề này đã từng được nghiên cứu chưa? Những phương diện nào của vấn đề cần được làm sáng tỏ? Dữ liệu, thông tin nào cần sử dụng để chứng minh cho từng nhận xét, đánh giá? Những kết quả nổi bật là gì? Việc nghiên cứu về vấn đề nên được tiếp tục như thế nào?...

Yêu cầu của một báo cáo nghiên cứu

Nêu được đề tài nghiên cứu và vấn đề (hay câu hỏi nghiên cứu) được đặt ra trong báo cáo.

Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ và thông tin xác thực.

Khai thác được các nguồn tham khảo đáng tin cậy; sử dụng trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có.

Thể hiện được kiến giải riêng của người viết bằng ngôn ngữ khoa học, khách quan.

Tóm tắt được các ý chính đã triển khai để đưa vào phần kết của báo cáo, đồng thời gợi ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Có danh mục tài liệu tham khảo ở cuối báo cáo.

Thông thường, một báo cáo nghiên cứu có cấu trúc như sau:

Đặt vấn đề/ Mở đầu: Nêu vấn đề nghiên cứu; trình bày lí do, mục đích nghiên cứu.

Giải quyết vấn đề/ Nội dung: Trình bày những kết quả nghiên cứu nổi bật.

Kết thúc vấn đề/ Kết luận: Tóm tắt được các ý chính đã triển khai, gợi ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

Phụ lục (nếu có)

Báo cáo nghiên cứu có thể sử dụng sơ đồ, hình ảnh,... để trình bày vấn đề một cách trực quan, hấp dẫn.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Phần 1

TẬP NGHIÊN CỨU

Yêu cầu

- Nắm được các bước nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian theo một quy trình chặt chẽ, bắt đầu từ việc xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu; mục tiêu, nội dung nghiên cứu; lập kế hoạch nghiên cứu; lựa chọn phương pháp phù hợp để thu thập, xử lí và tổng hợp thông tin.
- Biết kết hợp những nội dung được học trong chương trình với những nội dung được mở rộng, đi sâu; sử dụng một phương pháp nghiên cứu phù hợp hoặc kết hợp các phương pháp nghiên cứu một cách hợp lí để đáp ứng được mục tiêu đặt ra.

I. XÁC ĐỊNH ĐỀ TÀI, VẤN ĐỀ, MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ LẬP KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU

1. Xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu

Đề tài, vấn đề nghiên cứu được chọn để triển khai cần gắn với một nội dung học tập trong chương trình, có thể tiếp tục mở rộng và khơi sâu. Bạn có thể tham khảo một số nội dung nghiên cứu về văn học dân gian sau đây để lựa chọn đề tài, vấn đề nghiên cứu:

– *Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian*: giá trị, nét đặc sắc hay sức hấp dẫn của tác phẩm trữ tình dân gian (ca dao) hay tự sự dân gian (truyện thần thoại, truyền thuyết, cổ tích,...).

– *Nghiên cứu một hình tượng, chi tiết trong các văn bản văn học dân gian*: hình tượng con cò (hoặc con thuyền, dòng sông,...) trong ca dao, dân ca; hình tượng người anh hùng (hoặc người dũng sĩ, người mồ côi,...) trong truyện cổ dân gian; chi tiết vật thiêng, sự hoá thân trong truyện cổ tích;...

– *Nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học dân gian với đời sống văn hoá dân tộc và văn học nghệ thuật hiện nay*: sức sống của văn học dân gian trong các lễ hội văn hoá truyền thống; sự tái sinh của văn học dân gian trong các loại hình nghệ thuật (điện ảnh, ngôn ngữ, văn học) hiện nay;...

Bạn có thể chọn đề tài, vấn đề nghiên cứu phù hợp với điểm mạnh, hứng thú của cá nhân hoặc của nhóm. Điểm mạnh của cá nhân hoặc nhóm thường thể hiện ở các phương diện sau: có nhiều nguồn tư liệu, thông tin, có chuyên gia để hỏi ý kiến;

đề tài, vấn đề đòi hỏi cách thực hiện phù hợp với phong cách học tập của cá nhân hoặc nhóm: học thiên về trực quan, học thiên về suy luận logic, học thiên về tưởng tượng và cảm xúc,...

Khi xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu, cần nêu rõ lí do lựa chọn. Về lí do khách quan, cần nói rõ: tầm quan trọng và tính cấp thiết của đề tài, vấn đề nghiên cứu; những kết quả nghiên cứu đã có về đề tài, vấn đề; những điều cần được tiếp tục mở rộng, đào sâu theo đòi hỏi của thực tế (trước hết là thực tế dạy học trong nhà trường phổ thông). Về lí do chủ quan, cần nêu được: ý nghĩa của đề tài, vấn đề đối với việc học tập và cuộc sống của cá nhân; nhu cầu, mong muốn được tìm hiểu về đề tài, vấn đề ở địa phương bạn đang sinh sống; điều kiện thuận lợi mà bạn có được khi triển khai đề tài, vấn đề;...

Tham khảo một số thông tin sau để lựa chọn đề tài, vấn đề nghiên cứu cho cá nhân:

(1) *Giá trị, sức hấp dẫn hay nét đặc sắc của một truyện cổ hay một nhóm truyện cổ, một bài ca dao hay một chùm ca dao*

Bạn có thể chọn truyền thuyết *Thánh Gióng*, truyện *Thạch Sanh*,... hay chùm ca dao về tình yêu quê hương đất nước, về lao động sản xuất,... Việc nghiên cứu theo hướng này giúp bạn có điều kiện tìm hiểu, khám phá toàn diện và sâu sắc về một tác phẩm cụ thể. Ngoài các tác phẩm văn học dân gian Việt Nam, bạn cũng có thể chọn một tác phẩm văn học dân gian nước ngoài thuộc hệ thống thần thoại Hy Lạp hay nằm trong loạt truyện cổ Gờ-rim (Grimm – Đức),... Việc tìm hiểu những tác phẩm dân gian nước ngoài sẽ giúp chúng ta hiểu thêm về vẻ đẹp, giá trị lịch sử, văn hoá, tinh thần của mỗi dân tộc.

(2) *Hình tượng người anh hùng (hoặc dũng sĩ, mồ côi,...) trong truyện cổ dân gian Việt Nam*

Đến với kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam, chúng ta sẽ được tiếp xúc với nhiều kiểu nhân vật. Đó là người anh hùng đã lập nên những chiến công hiển hách góp phần quan trọng vào công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc; đó là người dũng sĩ với những hành động phi thường, nghĩa hiệp, đem lại cuộc sống bình yên cho mọi người; đó còn là những con người nhỏ bé, mồ côi, xấu xí,... trải qua nhiều nhọc nhằn, gian truân nhưng cuối cùng vẫn có được kết thúc hạnh phúc, xem như một phần thưởng xứng đáng mà cuộc đời dành cho;... Trong mỗi hình tượng nhân vật của truyện cổ dân gian, ta "đọc thấy" bao gửi gắm, khát vọng của người xưa. Đồng thời, ta cũng nhận được từ đó nhiều bài học cuộc sống có ý nghĩa đối với con người hôm nay.

(3) *Hình tượng con cò (hoặc con thuyền, dòng sông,...) trong ca dao, dân ca Việt Nam*

Ca dao là một loại hình thơ trữ tình dân gian, thường được truyền miệng dưới dạng những câu hát dân ca với các làn điệu khác nhau. Thể thơ chính làm nên phần lời của ca dao là thể lục bát. Thế giới của ca dao là thế giới đầy hương sắc, chứa đựng các cung bậc tình cảm, cảm xúc rất đa dạng của con người trước thiên nhiên, trời đất và lòng người, được thể hiện bằng hình ảnh bình dị, gần gũi với không gian của làng quê xưa (con cò, con trâu, con thuyền, dòng sông, vầng trăng, cây đa, giếng nước,...) và được cất lên trong những giai điệu gắn bó với không gian lao động, sinh hoạt của mỗi vùng quê.

(4) *Sức sống của văn học dân gian trong các lễ hội văn hoá truyền thống của dân tộc*

Giữa văn học và văn hoá dân gian có mối quan hệ gắn kết. Rất nhiều lễ hội văn hoá của dân tộc bắt nguồn từ các câu chuyện cổ, các tích xưa. Bạn sẽ được trải nghiệm không khí của những lễ hội, tìm hiểu về nguồn gốc, nội dung và ý nghĩa của những câu chuyện, nhân vật, sự kiện trong các truyện truyền thuyết; những giai điệu đã trường tồn trong mạch nguồn lịch sử, văn học và vẫn hiển hiện trong cuộc sống hôm nay.

Một số lễ hội gắn với văn học dân gian có thể kể đến:

– Lễ hội Gióng (gắn với truyền thuyết về Thánh Gióng).

– Lễ hội đền Dạ Trạch (gắn với truyền thuyết về Chử Đồng Tử và Tiên Dung).

– Lễ hội Đền Hùng (gắn với truyền thuyết về Lạc Long Quân và Âu Cơ).

– Lễ hội Cổ Loa (gắn với truyền thuyết về An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thuỷ).

Bạn sẽ chọn đề tài, vấn đề nào được gợi ý ở trên? Hoặc bạn có thể đề xuất đề tài, vấn đề nào khác?

Để xác định đề tài, vấn đề nghiên cứu, bạn cần trả lời một số câu hỏi sau:

– Đề tài, vấn đề bạn lựa chọn có điểm gì hấp dẫn?

– Đề tài, vấn đề bạn lựa chọn có ý nghĩa gì đối với việc học tập của bạn?

– Bạn có điều kiện thực tế để tìm hiểu đề tài, vấn đề không?

– Đề tài, vấn đề bạn lựa chọn có phát huy sở trường học tập của bạn không?

2. Xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu

Một đề tài, vấn đề nghiên cứu bao giờ cũng hướng đến những mục tiêu cụ thể và mục tiêu đó sẽ định hướng những tri thức và kĩ năng mà người thực hiện cần huy động.

Chẳng hạn, mục tiêu nghiên cứu của đề tài, vấn đề (4): *Sức sống của văn học dân gian trong các lễ hội văn hoá truyền thống của dân tộc*:

– Phát triển năng lực nghiên cứu một đề tài, vấn đề văn học dân gian qua trải nghiệm thực tiễn tham dự một lễ hội và tìm hiểu tư liệu trong sách báo. Qua đó, mở rộng hiểu biết về sức sống và giá trị của văn học dân gian trong đời sống văn hoá của dân tộc hiện nay.

– Bồi dưỡng tình yêu đối với các giá trị văn hoá của dân tộc.

Cùng với việc xác định mục tiêu, bạn có thể dự kiến những nội dung trọng tâm cần nghiên cứu về vấn đề. Chẳng hạn, với đề tài, vấn đề (4), nội dung nghiên cứu trọng tâm có thể là:

– Những đặc điểm nổi bật của lễ hội.

– Dấu ấn của tác phẩm văn học dân gian thể hiện qua các hoạt động của lễ hội.

– Ý nghĩa, giá trị của lễ hội và tác phẩm văn học dân gian trong đời sống văn hoá tinh thần của cộng đồng.

Để xác định mục tiêu, nội dung của đề tài, vấn đề nghiên cứu, bạn cần trả lời một số câu hỏi sau:

– Bạn muốn được rèn luyện thêm điều gì về tư duy và các kĩ năng tìm hiểu, nghiên cứu một vấn đề?

– Việc tìm hiểu đề tài, vấn đề nghiên cứu giúp gì cho bạn trong việc mở rộng, nâng cao hiểu biết về văn học dân gian?

– Bạn dự kiến những nội dung trọng tâm của đề tài, vấn đề cần tìm hiểu là gì?

3. Lập kế hoạch nghiên cứu

Lập kế hoạch là bước quan trọng trong việc thực hiện một nhiệm vụ, qua đó, bạn có thể dự kiến, hình dung và sắp xếp các bước cần tiến hành theo một trình tự thời gian hợp lí để hoàn thành nhiệm vụ. Kế hoạch thường được trình bày dưới dạng bảng, thể hiện nội dung của từng công việc, cách thức tiến hành, thời gian dự kiến và người thực hiện.

Để lập được kế hoạch nghiên cứu, cần chia nhiệm vụ nghiên cứu thành nhiều hoạt động nhỏ, xác định nội dung chi tiết của từng hoạt động và dự kiến kết quả, sản phẩm đạt được của mỗi hoạt động.

Chẳng hạn, với đề tài, vấn đề (4), bạn có thể lập kế hoạch nghiên cứu theo bảng gợi ý sau:

Các hoạt động	Dự kiến kết quả, sản phẩm	Thời gian thực hiện	Người thực hiện hoặc phối hợp
Tìm hiểu về lễ hội dân gian qua tài liệu (sách báo, internet,…)	Các tài liệu được sưu tầm về lễ hội và tác phẩm văn học dân gian liên quan đến lễ hội	1 buổi	Cá nhân
Tham khảo ý kiến chuyên gia	Bản ghi chép ý kiến chuyên gia về lễ hội và tác phẩm văn học liên quan đến lễ hội	1 buổi	Nhóm

Tham gia lễ hội	Bản ghi chép về không khí, diễn biến của lễ hội và sức sống của lễ hội trong đời sống văn hoá của dân tộc	1 ngày	Nhóm
Xây dựng hồ sơ tài liệu nghiên cứu về tác phẩm văn học dân gian và lễ hội văn hoá	Danh mục tài liệu tham khảo gồm những công trình nghiên cứu (bài viết, sách,...) liên quan đến tác phẩm văn học dân gian và lễ hội văn hoá	1 ngày	Nhóm

Để lập kế hoạch nghiên cứu cho đề tài, vấn đề đã lựa chọn, bạn có thể dựa vào các câu hỏi gợi ý sau:

– Việc triển khai đề tài, vấn đề bao gồm những hoạt động nào?

– Các hoạt động được thực hiện ở đâu?

– Kết quả, sản phẩm của từng hoạt động và kết quả, sản phẩm cuối cùng là gì?

– Khi nào cần hoàn thành từng hoạt động?

– Ai được phân công thực hiện và cần phối hợp với ai?

II. THU THẬP THÔNG TIN

Để triển khai đề tài, vấn đề nghiên cứu và thực hiện các hoạt động theo kế hoạch đã dự kiến, bên cạnh vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã được học trong chương trình, việc thu thập thêm các thông tin đóng vai trò rất quan trọng trong việc tìm hiểu sâu rộng đề tài, vấn đề nghiên cứu.

Bạn có thể thu thập thông tin về đề tài, vấn đề đã lựa chọn theo một số hình thức sau:

1. Sưu tầm tài liệu

Tác phẩm văn học dân gian xưa được lưu truyền bằng con đường truyền miệng, nhưng hiện nay hầu hết đã được ghi chép lại trong các cuốn sách, tài liệu; đồng thời có rất nhiều công trình nghiên cứu về chúng. Do vậy, việc sưu tầm tài liệu là một trong những phương pháp thường dùng khi triển khai nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian, qua đó phát triển kĩ năng đọc, tìm kiếm thông tin trong nghiên cứu.

Việc sưu tầm tài liệu sẽ giúp bạn tìm được nhiều thông tin cần thiết để trả lời các câu hỏi: Vấn đề nghiên cứu liên quan đến những tác phẩm nào? Vấn đề này đã từng được nghiên cứu chưa? Dữ liệu, thông tin nào cần sử dụng để làm sáng tỏ các nội dung liên quan đến vấn đề?

Bạn có thể tìm đọc, sưu tầm tài liệu từ các nguồn sau:

Sách báo

Tìm đọc các tài liệu có liên quan đến đề tài, vấn đề bạn chọn trong thư viện của nhà trường hoặc thư viện ở địa phương: các tác phẩm văn học dân gian; các bài viết, sách nghiên cứu.

GHI CHÉP NHANH

- Tác phẩm văn học dân gian có liên quan đến đề tài lựa chọn.
- Bài viết đề cập tới đề tài, vấn đề nghiên cứu.
- Một số đường dẫn, trang thông tin.

Thông tin trên internet

– Truy cập internet để tìm kiếm thông tin bằng các từ khoá liên quan đến đề tài, vấn đề.

– Tra cứu thêm các trang tin khác có liên quan qua những đường dẫn do tác giả bài đăng cung cấp.

– Lưu lại những trang tin có nhiều thông tin tốt để dùng lại hoặc để giới thiệu cho người khác cùng sử dụng.

Lưu ý: Cần lưu giữ những thông tin về nguồn tài liệu để khi cần sẽ trích dẫn đúng quy định.

Bạn có thể tham khảo một số tài liệu sau để tìm các thông tin liên quan đến đề tài, vấn đề nghiên cứu về một vấn đề văn học dân gian:

1. Nguyễn Đổng Chi (2011), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, bộ sách 5 tập, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Đinh Gia Khánh (Chủ biên, 2009), *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Đỗ Quang Lưu (2000), *Tập nghiên cứu và bình luận chọn lọc về văn học dân gian Việt Nam*, NXB Hà Nội.
4. Phan Ngọc (1997), *Thần thoại Hy Lạp*, NXB Lao động, Hà Nội.
5. Bùi Mạnh Nhị (Chủ biên, 2003), *Văn học dân gian – những công trình nghiên cứu*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Bùi Mạnh Nhị (2012), *Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
7. Vũ Ngọc Phan (2000), *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.

2. Phỏng vấn, tham khảo ý kiến chuyên gia

Nhiều đề tài, vấn đề nghiên cứu đòi hỏi những tri thức sâu rộng, kinh nghiệm và trải nghiệm thực tiễn của người đi trước, do vậy, ngoài sự phối hợp với bạn bè cùng nhóm, việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu nhiều khi cần có sự hỗ trợ của các chuyên gia. Chuyên gia có thể là nghệ nhân dân gian, nhà nghiên cứu văn học dân gian hoặc giáo viên am hiểu về vấn đề bạn đang nghiên cứu,...

Khi phỏng vấn, cần chuẩn bị trước các câu hỏi, đánh dấu những vấn đề muốn được chỉ dẫn cụ thể nhằm khai thác thông tin có chiều sâu từ góc nhìn chuyên gia, giúp bạn có định hướng nghiên cứu phù hợp, đúng đắn. Cũng có thể xin ý kiến chuyên gia về ý tưởng bạn muốn đề xuất để xác nhận sự hợp lí hay chưa hợp lí của ý tưởng.

Việc phỏng vấn có thể được thực hiện qua gặp gỡ trực tiếp hoặc qua điện thoại, internet. Trong quá trình phỏng vấn, bạn cần bộc lộ được kĩ năng tương tác với người được phỏng vấn, tạo nên không khí thân thiện, thoải mái, thể hiện tinh thần cầu thị.

Chẳng hạn, với đề tài, vấn đề (4), bạn có thể phỏng vấn, xin ý kiến của một nhà nghiên cứu văn hoá ở địa phương về một số nội dung sau:

Nguồn gốc và những hoạt động chính của lễ hội	• Tóm tắt về lịch sử hình thành lễ hội. • Những hoạt động hoặc sự kiện chính của lễ hội.
Nội dung và ý nghĩa của văn bản văn học dân gian	• Nội dung văn học dân gian được phản ánh trong lễ hội. • Ý nghĩa của nhân vật hoặc hình tượng, sự kiện văn học trong lễ hội.
Mối quan hệ giữa văn học và lễ hội	• Những điểm kế thừa hoặc điểm mới của lễ hội trong thời hiện đại. • Giá trị văn hoá của văn học dân gian trong cuộc sống hôm nay.

Để chuẩn bị tốt cho cuộc phỏng vấn chuyên gia, có thể tham khảo các câu hỏi gợi ý sau:

– Mục đích của cuộc phỏng vấn là gì?
– Đối tượng được phỏng vấn là ai?
– Những câu hỏi nào sẽ được đặt ra trong cuộc phỏng vấn?
– Cuộc phỏng vấn được thực hiện theo cách thức nào (gặp trực tiếp, qua điện thoại, qua email,...)?

BÀI THAM KHẢO

Phỏng vấn nhà nghiên cứu văn hoá Nguyễn Hùng Vỹ(*) về hò khoan Lệ Thuỷ(**)

(Trích)

Diệu Hương

Những nét đẹp của hò khoan Lệ Thuỷ là gì, thưa ông?

– Là một hệ thống dân ca, hò khoan Lệ Thuỷ tập hợp một lúc nhiều giá trị làm nên đặc sắc văn hoá của nó. Tối thiểu là: Sự gắn bó tươi ròng của nó với mọi môi trường thực tiễn và tình thân nhân dân. Tính trữ tình vô cùng đậm đà trong âm nhạc, lời ca và diễn xướng dù gắn chặt với lao động trực tiếp. Tính phổ biến toàn dân, nhân dân yêu quý, bảo tồn, quảng bá. Khả năng bao dung nhiều phong cách khác trong tiếp biến văn hoá vì hò khoan Lệ Thuỷ có một nội lực mạnh mẽ, cũng giống như quan họ Bắc Ninh đủ sức bao dung xẩm, chèo, tuồng, văn, đúm, lí,... vào hệ thống của mình.

Câu hỏi muốn chuyên gia đưa ra một nhận định khái quát về đối tượng.

Sự đa dạng các mái hò, các phong cách hát ở các nghệ nhân khác nhau. Khả năng tạo sinh mạnh mẽ trên mọi mặt. Đặc biệt là khả năng tạo nên các tổ hợp trình diễn để mở rộng dung lượng, khả năng làm chất liệu cho sáng tác ca khúc mới, khả năng sân khấu hoá trong môi trường hiện đại,... khiến hò khoan Lệ Thuỷ như một hệ thống thẩm mĩ đa dạng, phong phú.

Theo ông, vì sao hò khoan Lệ Thuỷ được bảo tồn và phát triển cho đến hôm nay?

– Thứ nhất là nhân dân yêu quý những sáng tạo tinh thần của mình một cách bền vững. Có những nghệ nhân suốt đời lưu giữ, bảo vệ nó như một tín đồ, ví dụ như Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Thị Lý (Đại Phong) là con người hiếm hoi tôi từng gặp trong cả nước chứ không riêng Lệ Thuỷ. Thứ hai, cuộc Cách mạng tháng Tám của chúng ta là một cuộc cách mạng dân chủ nhân dân, thiết chế chính trị mới ngay từ đầu đã hướng đến nhân dân.

Câu hỏi muốn chuyên gia cắt nghĩa sâu hơn về lí do khiến hò khoan Lệ Thuỷ có sức sống bền lâu.

(*) Nguyễn Hùng Vỹ sinh năm 1956, quê ở tỉnh Nghệ An, là nhà nghiên cứu và giảng dạy về văn hoá, văn học dân gian Việt Nam.

(**) *Lệ Thuỷ*: một vùng đất ở Quảng Bình, nay thuộc tỉnh Quảng Trị.

Văn hoá là hướng đến dân gian. Đó là điều xuyên suốt chính sách văn hoá với tinh thần dân tộc, đại chúng. Các cấp chính quyền luôn đưa nhiệm vụ bảo tồn văn hoá truyền thống vào chương trình hành động của mình. Không phải quốc gia nào cũng làm được đâu nhé! Thứ ba, cuộc sống đã trở lại thời bình, nhu cầu hát, quyền được hát ngày càng cao, tạo nên một môi trường thuận lợi. Mà bạn biết đấy, những gì sâu rễ, bền gốc, giá trị cao, chấp nhận phát triển,... sẽ tồn tại lâu dài!

(Theo *https://baoquangbinh.vn*, ngày 17/9/2017)

3. Tìm hiểu, trải nghiệm thực tiễn

Văn học dân gian gắn liền với đời sống lao động của nhân dân và được lưu truyền trong dân gian với nhiều dị bản. Vì thế, các hoạt động trải nghiệm thực tiễn rất quan trọng đối với việc nghiên cứu một vấn đề văn học dân gian.

Khi tìm hiểu, nghiên cứu về các đặc trưng của văn học dân gian, bạn có thể xem các chương trình sân khấu hoá tác phẩm văn học dân gian, các lễ hội văn hoá, hoặc nhớ về những trải nghiệm tuổi thơ khi được nghe hát ru, nghe kể truyện cổ tích,...

Chẳng hạn, với đề tài, vấn đề (4), khi tham gia lễ hội, bạn cần quan sát kĩ không khí, quang cảnh lễ hội; diễn biến và ý nghĩa của lễ hội; những sự kiện, nhân vật trung tâm được vinh danh, tưởng tượng và tái tạo từ tác phẩm văn học dân gian. Có thể kết hợp quan sát và ghi chép; chú ý ghi hình thực tế sinh động để xây dựng được một bộ dữ liệu phong phú phục vụ cho việc nghiên cứu.

Để việc trải nghiệm và quan sát hiệu quả, bạn có thể xây dựng một phiếu ghi chép trải nghiệm theo gợi ý sau:

PHIẾU GHI CHÉP TRẢI NGHIỆM

- Mục đích trải nghiệm:
- Nội dung cần trải nghiệm:
- Địa điểm và thời gian:
- Cách ghi chép và thu thập tư liệu:
- Kết quả dự kiến:

BÀI THAM KHẢO

Hội Gióng ở đền Phù Đổng (Trải nghiệm lễ hội văn hoá thể hiện qua một ghi chép cụ thể)

Hội Gióng ở đền Phù Đổng gắn với truyền thuyết về một cậu bé được mẹ sinh ra một cách kì lạ ở làng Phù Đổng. Khôi ngô, tuấn tú nhưng lên ba mà vẫn chưa biết nói, biết cười, suốt ngày cậu chỉ nằm trong thúng treo trên gióng tre, vì thế được đặt tên là Gióng. Vậy mà khi nghe thấy lời kêu gọi của nhà vua tìm người tài giỏi đánh giặc ngoại xâm, Gióng bỗng lớn nhanh như thổi, rồi xung phong ra trận cứu nước, cứu dân. Sau khi dẹp tan quân giặc, ngài về núi Sóc rồi cưỡi ngựa bay lên trời.

Nhắc gợi về truyền thuyết gắn liền với lễ hội mà người viết có tham gia.

Để tổ chức hội Gióng ở đền Phù Đổng, những gia đình có vinh dự được chọn người đóng những vai quan trọng như các vai Ông Hiệu (Hiệu cờ, Hiệu trống, Hiệu chiêng, Hiệu Trung quân, Hiệu Tiểu cổ), Cô Tướng hay các phường Áo đen, phường Áo đỏ..., tuỳ theo vai vế, khả năng kinh tế mà chuẩn bị những điều kiện vật chất và người được chọn vai sinh hoạt kiêng cữ từ hàng tháng trước ngày lễ hội. Vào chính hội, trước tiên dân làng tổ chức các nghi thức tế Thánh, sau đó là lễ rước nước lau rửa tự khí từ giếng đền Mẫu (đền Hạ) với ý nguyện được mưa thuận, gió hoà, lễ rước cờ "lệnh" từ đền Mẫu lên đền Thượng, tiếp đến là lễ khám đường, lễ duyệt tướng,... Ngày chính hội mùng 9 tháng Tư, hội Gióng diễn ra trang trọng, linh thiêng và náo nhiệt thể hiện truyền thống hiếu nghĩa đối với tổ tiên, các vị anh hùng dân tộc và tinh thần khoan dung, nhân đạo của dân tộc Việt Nam.

Ghi lại những thông tin cơ bản về thời gian, địa điểm, cách thức tổ chức và diễn biến của lễ hội.

(Theo *https://dsvh.gov.vn*)

III. XỬ LÍ, TỔNG HỢP THÔNG TIN

Những thông tin đã thu thập qua việc đọc tài liệu, hỏi ý kiến chuyên gia hay qua trải nghiệm thực tiễn cần được xử lí, tổng hợp, để từ đó có thể xác định được khung vấn đề nghiên cứu. Công việc này cũng có thể được thực hiện ngay trong quá trình thu thập thông tin. Sau đây là một số cách xử lí, tổng hợp thông tin.

1. Ghi chú bên lề tài liệu

Là cách ghi lại những thông tin cần thiết có liên quan đến nội dung của đề tài, vấn đề bạn đang tìm hiểu. Việc ghi chú giúp tóm lược những nội dung cần thiết, nêu những ý nhận xét, cảm nhận hoặc lưu ý, nhấn mạnh những điểm quan trọng có liên quan đến đề tài, vấn đề nghiên cứu ngay trong quá trình đọc tài liệu.

Để việc ghi chú được rõ ràng, dễ tra cứu, bạn có thể sử dụng các loại giấy ghi nhớ có màu sắc khác nhau dán vào mép lề trang tài liệu đang đọc.

2. Sử dụng sơ đồ tư duy

Là cách xử lí thông tin theo hình thức sơ đồ, thể hiện được tương quan giữa các đối tượng, sự vật, qua đó, bạn có thể nắm bắt được vấn đề một cách bao quát và hệ thống.

Việc xử lí thông tin theo sơ đồ tư duy sẽ giúp bạn:

- **Ghi nhớ tốt** hơn vì chỉ sử dụng các từ khoá.
- **Sáng tạo hơn**, vì có thể viết, vẽ tuỳ theo ý bạn.
- **Nâng cao** khả năng tư duy vì bạn sẽ sử dụng được cả hai bán **cầu não cùng một lúc.**
- **Có thể đưa** ra các giải pháp để giải quyết một vấn đề.
- **Thấy được** "bức tranh tổng thể" của nội dung cần ghi nhớ.

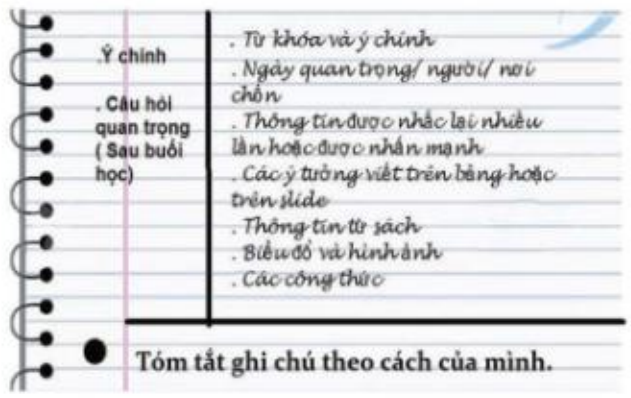
3. Sử dụng phương pháp ghi chú của Co-neo (Cornell)

Là cách xử lí thông tin theo hình thức chia trang giấy thành ba phần:

– Cột bên phải: ghi lại thông tin, kiến thức cụ thể.

– Cột bên trái: ghi lại các câu hỏi, ghi chú, gợi ý hoặc nội dung cần nhấn mạnh.

– Hàng cuối của trang: ghi nội dung tổng kết về kiến thức, kĩ năng.



Hình minh hoạ phương pháp Co-neo

Việc tổng hợp thông tin theo phương pháp Co-neo giúp bạn:

– Thấy được mối quan hệ giữa những nội dung cụ thể và nội dung khái quát về vấn đề.

– Có thể dễ dàng điều chỉnh, bổ sung thông tin trong từng cột.

4. Lập hồ sơ tài liệu

Là việc tổng hợp và sắp xếp văn bản, tài liệu có được trong quá trình tìm hiểu đề tài, vấn đề thành hồ sơ theo những nguyên tắc, phương pháp nhất định và mục tiêu nghiên cứu đã xác định.

Hồ sơ có thể là kết quả của hoạt động cá nhân hoặc nhóm. Chẳng hạn, hồ sơ tài liệu nghiên cứu về đề tài, vấn đề (4) có thể bao gồm:

– Các tác phẩm văn học dân gian được sưu tầm có liên quan đến lễ hội;

– Các bài viết có liên quan đến tác phẩm văn học dân gian và lễ hội;

– Sổ tay hoặc phiếu ghi chép các thông tin và nội dung tìm hiểu;

– Tranh ảnh, sản phẩm nghệ thuật liên quan được thực hiện qua hoạt động trải nghiệm thực tiễn.

Sau khi tập hợp các tài liệu, cần lập được hồ sơ về các tài liệu tham khảo. Ví dụ, với một cuốn sách cần có các thông tin như: tên tác giả, tên tác phẩm, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản, nội dung chính, một số chi tiết, hình ảnh đặc sắc, những nhận xét, bình luận mang tính phản hồi cá nhân đối với những văn bản đã đọc,...

Hồ sơ tài liệu về vấn đề bạn đang tìm hiểu, bao gồm:

– Các tác phẩm có liên quan

– Danh mục tài liệu tham khảo

– Các tranh ảnh, số liệu, bảng biểu

– Các nội dung ghi chép

– Các minh chứng khác

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Phần 2

VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ VĂN HỌC DÂN GIAN

Yêu cầu

- Huy động được các tri thức, kĩ năng đã học, rèn luyện ở Phần 1 của Chuyên đề 1, phối hợp với việc lựa chọn đề tài, vấn đề đích đáng và vận dụng được các thao tác nghiên cứu phù hợp.
- Cần đặc biệt lưu ý những đặc trưng của văn học dân gian như: tính nguyên hợp, tính tập thể, tính truyền miệng, tính diễn xướng, tính dị bản.
- Cần biết tập hợp thông tin từ nhiều nguồn để phục vụ cho việc viết bài.
- Tuỳ theo điều kiện và sở thích cá nhân, bạn có thể lựa chọn một trong các kiểu bài viết sau:

– Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian;

– Nghiên cứu một loại hình tượng hoặc một loại chi tiết trong tác phẩm văn học dân gian;

– Nghiên cứu một lễ hội dân gian.

I. CÁCH TRIỂN KHAI BÁO CÁO NGHIÊN CỨU THEO TỪNG LOẠI ĐỀ TÀI

1. Nghiên cứu một tác phẩm văn học dân gian

a. Nghiên cứu một truyện cổ dân gian

Chuẩn bị

– Rà soát hồ sơ tài liệu để kiểm tra lại các văn bản tác phẩm đã tìm được, đánh dấu những phần cần trích dẫn.

– Soát lại từng tài liệu tham khảo cụ thể, đánh dấu vào những đoạn cần phát triển, trao đổi hoặc trích dẫn.

– Diễn đạt thật chính xác tên đề tài (Ví dụ: *Giá trị đặc sắc của truyện "Thạch Sanh"* hay *Sức hấp dẫn của truyện "Thạch Sanh"*).

Tìm ý, lập đề cương

Tìm ý

Để tìm ý cho báo cáo nghiên cứu về một truyện cổ dân gian, bạn cần đặt ra một số câu hỏi sau:

– Vì sao truyện này được chọn để nghiên cứu? Truyện được lấy từ nguồn nào (từ một tuyển tập truyện cổ dân gian đã được in, từ internet, được nghe ai đó kể lại,...)?

– Có thể tìm thấy bao nhiêu bản kể của truyện này (cùng một truyện cổ dân gian có thể có nhiều bản kể khác nhau về chi tiết, lời kể,... ví dụ: truyện *Thánh Gióng* có bản kể của Nguyễn Đổng Chi, có bản kể của Lê Trí Viễn,...)? Có gì khác biệt giữa các bản kể? Vì sao bản kể này lại được chọn để nghiên cứu?

– Truyện thuộc thể loại nào (thần thoại, truyền thuyết, cổ tích,...)? Những dấu hiệu nào trong truyện thể hiện đặc trưng của thể loại đó?

– Truyện đã được nghiên cứu, đánh giá như thế nào? Có những nhận định gì đáng chú ý?

– Câu chuyện đã diễn biến như thế nào? Những chi tiết, sự kiện nào cần đặc biệt chú ý? (Ví dụ: chi tiết cây đàn thần, niêu cơm ăn hết lại đầy trong truyện *Thạch Sanh*,...)

– Nhân vật chính trong truyện là ai? Thuộc kiểu nhân vật nào? (Ví dụ: Thánh Gióng là nhân vật anh hùng, Thạch Sanh là nhân vật dũng sĩ, Tấm là nhân vật người con mồ côi,...) Tác giả dân gian muốn nói lên điều gì qua việc kể về hành động, phẩm chất, số phận của nhân vật?

– Các nhân vật khác trong truyện là người như thế nào? Nhân vật nào đáng chú ý? Vì sao?

– Truyện có nét đặc sắc gì về phương diện nghệ thuật?

– Những truyện nào có thể xếp cùng loại với truyện được chọn nghiên cứu? Sự gần gũi và khác biệt giữa các truyện cùng loại này nói lên điều gì?

– Truyện có được "tái sinh" trong sân khấu, phim ảnh, văn học,... hiện nay không? Biểu hiện cụ thể của sự "tái sinh" đó là gì? Hiện tượng truyện được "tái sinh" nói lên điều gì?

Lập đề cương

Dựa vào các tài liệu đã chuẩn bị và các ý đã tìm được ở phần trên, bạn hãy lập đề cương chi tiết cho các phần của bài nghiên cứu về truyện cổ dân gian:

Đặt vấn đề:

– Nêu lí do chọn tác phẩm (Ví dụ: *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*; *Thánh Gióng*; *Thạch Sanh*;...).

– Trình bày xuất xứ của tác phẩm (Ví dụ: *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* của Nguyễn Đổng Chi, *Truyện cổ nước Nam* của Nguyễn Văn Ngọc,...).

Giải quyết vấn đề:

– Chọn lọc, sắp xếp và triển khai các ý đã tìm được thành hệ thống luận điểm.

– Tập hợp, so sánh các bản kể.

– Trình bày những nhận định đã có của giới nghiên cứu (nếu có).

– Phân tích tác phẩm.

– Nhận xét, đánh giá sức sống của tác phẩm trong đời sống hiện đại.

Kết luận:

– Khẳng định ý nghĩa của truyện cổ.

– Nêu những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo:

Nêu danh mục những tài liệu đã được tham khảo trong quá trình viết bài nghiên cứu hoặc được trích dẫn (chú ý sắp xếp đúng quy cách, theo yêu cầu của một sản phẩm nghiên cứu khoa học).

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đổng Chi (2000), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (tập 1), NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Lê Chí Quế (Chủ biên, 1996), *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Hoàng Tiến Tựu (1998), *Bình giảng truyện dân gian*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

Viết

– Triển khai các ý đã hình thành ở đề cương thành những đoạn văn, sắp xếp các đoạn văn theo trình tự hợp lí và liên kết thành bài nghiên cứu hoàn chỉnh. Chú ý sử dụng kết hợp một số bảng biểu, tranh ảnh.

– Khi sử dụng tài liệu tham khảo để trích dẫn (trực tiếp hoặc gián tiếp) phải chú thích nguồn theo đúng quy cách.

– Chọn cách diễn đạt chính xác, phù hợp với văn phong khoa học.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đối chiếu với đề cương đã xây dựng, tự rà soát bài viết theo các tiêu chí sau:

– Đảm bảo trình bày rõ những ý kiến, phát hiện về truyện cổ dân gian.

– Tuân thủ những quy định về trích dẫn và chú thích nguồn tài liệu.

– Đảm bảo dùng từ, đặt câu chính xác và viết đúng chính tả.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

b. Nghiên cứu một bài hoặc một chùm ca dao

Chuẩn bị

– Soát lại hồ sơ tài liệu để hình dung tổng thể về thông tin thu thập được.

– Kiểm tra lại văn bản tác phẩm.

– Xác định những tài liệu cần được trích dẫn, diễn giải hay lược thuật.

Tìm ý, lập đề cương

Tìm ý

Để tìm ý cho báo cáo nghiên cứu về một bài hoặc chùm bài ca dao, có thể đặt một số câu hỏi sau:

– Bài, chùm bài ca dao được chọn nghiên cứu có vị trí như thế nào trong đời sống tinh thần của người bình dân xưa? Có thể xếp chúng vào loại nào (theo các tiêu chí: chủ đề, đặc điểm hình tượng, kết cấu ngôn từ,...)?

– Đã có những nghiên cứu nào đáng chú ý về bài, chùm bài ca dao ấy? Những phương diện giá trị nào của chúng đã được tìm hiểu sâu, những phương diện giá trị nào cần được tiếp tục nghiên cứu?

– Có thể hình dung như thế nào về hoàn cảnh diễn xướng của bài, chùm bài ca dao này? Nếu không đặt vào bối cảnh diễn xướng, việc đánh giá về bài, chùm bài ca dao sẽ gặp những khó khăn gì?

– Nhân vật trữ tình trong bài, chùm bài ca dao là ai? Nội dung tình cảm được thổ lộ là gì?

– Thời gian, không gian trong bài, chùm bài ca dao có gì đặc biệt?

– Những đặc trưng nghệ thuật nào của thể loại ca dao in đậm dấu ấn ở bài, chùm bài ca dao này?

Lập đề cương

Dựa vào các tài liệu đã chuẩn bị và các ý đã tìm được ở phần trên, lập đề cương chi tiết cho các phần của bài nghiên cứu tác phẩm ca dao:

Đặt vấn đề:

– Nêu lí do chọn bài ca dao (Ví dụ: bài đáng chú ý nhất trong chùm bài ca dao về quê hương đất nước, bài có nhiều cách diễn giải, bài hát ru quen thuộc,...).

– Trình bày xuất xứ của bài ca dao (từ cuốn sách, tài liệu nào).

Giải quyết vấn đề:

– Giới thiệu các dị bản, chỉ ra những điểm khác biệt, giải thích lí do.

– Trình bày ý kiến của giới nghiên cứu (những điểm đồng thuận, những điểm chưa nhất trí).

– Trình bày ý kiến của bạn khi phân tích bài ca dao (từ ngữ, hình ảnh, kết cấu, chủ đề,...) để bày tỏ sự đồng cảm, chia sẻ hoặc bổ sung, phản bác,...

– Nhận xét, đánh giá sức sống của bài ca dao trong đời sống hiện nay (diễn xướng ở lễ hội, ở sân khấu ca nhạc, hát ru,...).

Kết luận:

– Khẳng định ý nghĩa của bài ca dao.

– Nêu những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo:

Nêu danh mục những tài liệu đã được tham khảo trong quá trình viết bài nghiên cứu hoặc được trích dẫn (chú ý sắp xếp đúng quy cách, theo yêu cầu của một sản phẩm nghiên cứu khoa học).

Viết

– Triển khai các ý đã hình thành ở đề cương thành những đoạn văn, sắp xếp các đoạn văn theo trình tự hợp lí và liên kết thành bài nghiên cứu hoàn chỉnh.

– Chọn cách diễn đạt phù hợp với văn phong khoa học.

– Sắp xếp các sơ đồ, tranh ảnh minh hoạ đã chuẩn bị vào đúng vị trí, phù hợp với nội dung từng phần viết.

– Liệt kê các tài liệu tham khảo (sắp xếp theo quy chuẩn).

– Đưa các phụ lục vào cuối bài (nếu có).

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đối chiếu với đề cương đã xây dựng, tự rà soát bài viết theo các tiêu chí sau:

– Đảm bảo trình bày rõ ràng những ý kiến, phát hiện về bài ca dao.

– Tuân thủ những quy định về trích dẫn và chú thích nguồn tài liệu.

– Đảm bảo dùng từ, đặt câu chính xác và viết đúng chính tả.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI THAM KHẢO

Về bài ca dao "Trong đầm gì đẹp bằng sen"(*)

(Trích)

Hoàng Tiến Tựu

Không rõ bài ca dao này xuất hiện từ lúc nào và tại đâu, hiện tại chỉ thấy có hai dị bản:

Trình bày và giới thiệu các dị bản.

Dị bản 1

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng, bông trắng, lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Dị bản 2

Đố ai mà được như sen
Chung quanh cánh đỏ, giữa chen nhị vàng
Nhị vàng, bông thắm, lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Có ý kiến cho rằng, dị bản 2 có thể là tiền thân (ra đời trước), cho nên không được gọt giũa, trau chuốt bằng dị bản 1. Điều đó có thể đúng mà cũng có thể sai. Vì sự biến dị của sáng tác dân gian truyền miệng rất phức tạp và có nhiều ngoại lệ. Đa số trường hợp vận động, biến đổi theo chiều hướng tích cực, ngày càng hay hơn, hoàn hảo hơn. Nhưng cũng không ít trường hợp biến dị theo chiều hướng ngược lại.

Màu sắc nghiên cứu của bài viết đã được thể hiện như thế nào qua những nhận xét ban đầu này?

Có người lại dựa vào hai từ "bông trắng" để đoán rằng dị bản 1 là dị bản của miền Nam, vì miền Nam có nhiều giống sen hoa trắng và nhân dân thường dùng từ "bông" thay cho từ "hoa". Như vậy thì dị bản 2 là của miền nào? (Nam hay Bắc), vì ở dị bản này cũng có từ "bông" nhưng lại là "bông thắm" (tức giống sen hoa đỏ)? Quả thực việc xác định thời điểm và địa điểm ra đời của tuyệt đại bộ phận ca dao thật là nan giải và nói chung, đang là vấn đề tồn đọng chưa thể giải quyết.

(*) Nhan đề do người biên soạn sách giáo khoa đặt.

Tuy chỉ khác nhau về một số chi tiết cụ thể ở hai câu đầu, nhưng tính hình tượng và giá trị thẩm mĩ của dị bản 1 vượt dị bản 2 rất xa.

Với dị bản 1, bài ca dao đạt đến độ hoàn mĩ hiếm có trong loại ca dao vịnh tả cảnh vật mang tính ngụ ngôn, triết lí.

Cảnh vật ở đây là cây sen ở trong đầm. Hình tượng cây sen trong đầm được giới thiệu, miêu tả cụ thể, chính xác, vừa chân thực, sống động, vừa mang tính tượng trưng và khái quát rất cao. Ở đây, nội dung thẩm mĩ và ý nghĩa triết lí, nhân sinh, gắn liền với nội dung sinh vật học tạo ra sự đa dạng, phong phú và vẻ đẹp tuyệt vời của một bài ca dao ngắn.

Trong nghiên cứu về ca dao, việc so sánh các dị bản có ý nghĩa gì?

Rất nhiều người ca ngợi câu thứ tư: "Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn". Huy Cận đặc biệt nhấn mạnh vào sự diệu kì của câu thứ ba: "Nhị vàng, bông trắng, lá xanh". Thực ra cả bốn câu đều rất hay, nhưng mỗi câu hay một cách.

Câu thứ nhất, tác giả khẳng định và tuyệt đối hoá cao độ vẻ đẹp không gì sánh nổi của cây sen ở trong đầm.

Trong đầm gì đẹp bằng sen

Khẳng định và tuyệt đối hoá cao độ như vậy nhưng tại sao người nghe, người đọc lại không có cảm giác chối tai, khó chịu về sự cực đoan, khiên cưỡng và võ đoán của tác giả? Vì tác giả bài ca dao đã khéo léo trình bày sự khẳng định dưới hình thức nghi vấn, hình thức thách đố để cho người nghe được suy nghĩ tự do. Và sự tuyệt đối hoá ở đây cũng được trình bày trong một phạm vi có giới hạn cụ thể. Trạng ngữ "trong đầm" đã hạn chế sự tuyệt đối hoá trong câu ca dao, làm cho nó trở thành tương đối và có tính thuyết phục.

Câu thứ hai:

Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng

Tác giả miêu tả vẻ đẹp của từng bộ phận cụ thể trong cây sen để chứng minh cho câu thứ nhất. Từ "lá xanh" qua "bông trắng" đến "nhị vàng", tức là quan sát từ ngoài vào trong, rất tự nhiên, hợp lí. Từ "lại" được dùng rất đắt, có tác dụng nhấn mạnh sự đa dạng nhiều thành phần và màu sắc đáng chú ý của cây sen. Từ "chen" nói lên sự kết chặt giữa hoa và nhị, chứng tỏ đây là một bông hoa sen vừa mới nở.

Câu thứ ba:

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh

Có vị trí đặc biệt trong toàn bài. Đó là câu chuyển (chuyển vần, chuyển nhịp, chuyển ý) để chuẩn bị cho câu kết.

Từ câu thứ hai sang câu thứ ba, vần chuyển đột ngột nhịp nhàng lên khác thường, mà sao vẫn dễ nhớ, dễ đọc, khiến cho nhiều người không để ý. Không để ý vì thấy rất tự nhiên, bình thường và hợp lí. Về điều này, Huy Cận đã phát hiện đúng nhưng sự lí giải của ông chưa thật rõ và có chỗ còn hơi khiên cưỡng, chưa phù hợp lắm. Ông viết: "Tại sao lại đổi vần đột ngột? Sau biết bao nhiêu lần đã đọc, chúng ta thử cùng nhau đọc lại một lần nữa xem:

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh

Đổi vần có khác nào như dòng nước đang chảy xuôi ta dựng lên một cái đập hoặc buộc dòng nước đổi chiều. Đổi vần để bắt ta phải chú ý chỗ dòng thơ cuộn lên, buộc ta phải quan sát, phải chứng kiến một sự kiện gì đây, nhịp thơ dồn dập khẩn trương:

Nhị vàng, bông trắng, lá xanh

Tưởng có gì mới! Té ra tác giả nhắc lại câu thơ thứ hai (tám chữ) "Lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng", chỉ có điều là đã lật ngược lại thứ tự các hình tượng: nhị vàng ở cuối câu nay lại để ở đầu câu. Nhưng chính cái mới lại nằm trong chi tiết ấy".

Phát hiện đúng, nhưng phân tích như trên thì chẳng những chưa lí giải được mà còn mâu thuẫn với điều mà Huy Cận đã nhận xét là: "Hầu như bạn (và tôi) không bao giờ để ý bài thơ đã đổi vần đột ngột. Người tác giả vô danh đã chấn động sâu mạnh trong cảm xúc của bạn mà bạn cứ tiếp thu hồn nhiên như không".

Việc đối thoại với các ý kiến đánh giá khác về đối tượng nghiên cứu có ý nghĩa gì?

Nếu nói "Đổi vần có khác nào như dòng nước đang chảy xuôi ta dựng lên một cái đập hoặc buộc dòng nước phải đổi chiều [...] để bắt ta phải chú ý chỗ dòng thơ cuộn lên" thì có thể đúng với những trường hợp đổi vần trong những bài thơ khác, chứ không đúng và ngược lại với sự đổi vần ở đây. Bởi vì ở đây sự đổi vần rất độc đáo và tài tình, chẳng những không gây ra điều gì trở ngại đặc biệt để bắt ta phải chú ý mà hơn thế nữa, còn làm cho ta "không bao giờ để ý" và "cứ tiếp thu hồn nhiên như không".

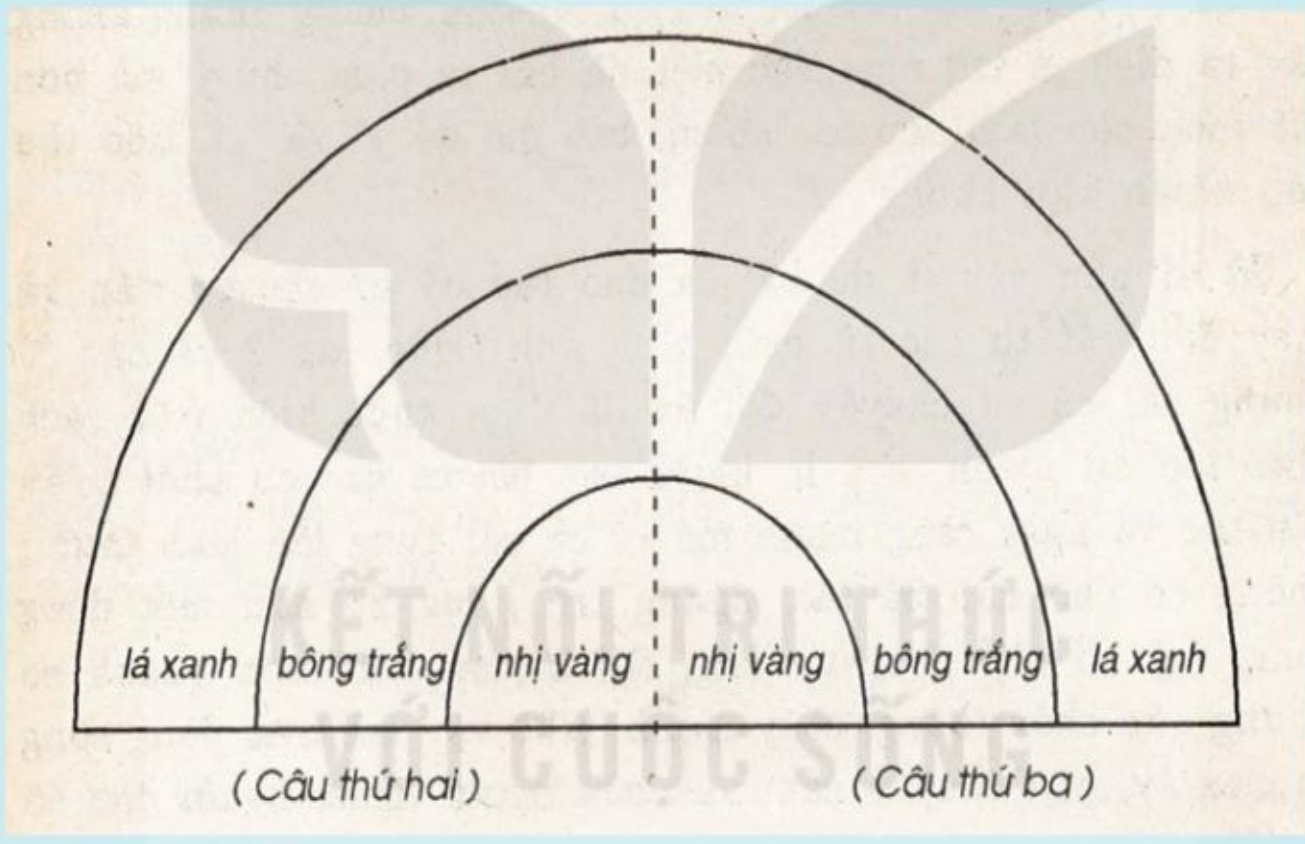
Sở dĩ như vậy là do bài ca dao tuy đã có sự chuyển vần và thay đổi trật tự các từ ngữ, hình ảnh (giữa câu thứ hai và câu thứ ba) nhưng tất cả sự chuyển đổi ấy đã được thực hiện một cách khéo léo, tự nhiên, hợp lí, khiến cho bài ca dao cứ phát triển liên tục và ngày càng mạnh mẽ về cả nội dung lẫn hình thức; không có chỗ nào bế tắc, ngưng trệ; tựa hồ như một dòng sông, tuy có chỗ chuyển dòng, đổi hướng uốn lượn quanh co nhưng vẫn chảy thông, chảy mạnh. Nhờ vậy mà trên dòng sông ca dao ấy, con thuyền cảm xúc của người nghe, người đọc đã đi tới đỉnh một cách nhanh chóng và thuận lợi.

Hai chữ "nhị vàng" ở cuối câu trên và đầu câu dưới, tuy cách xa nhau (khi viết), nhưng lại rất gần nhau và liền nhau (khi nghe, khi đọc), phản ánh rất rõ tính liên tục và sự liền mạch trong tư duy cũng như trong sự diễn đạt, thể hiện bằng lời của tác giả.

Đó chính là cơ sở và nguyên nhân chính yếu khiến cho người nghe, người đọc không có và không thể có cảm giác về sự gián đoạn, thiếu liên tục và thiếu tự nhiên của bài ca dao.

Câu đầu và câu cuối là sự nhận định, đánh giá, suy tưởng về vẻ đẹp và phẩm chất cao quý của loài sen. Hai câu giữa là sự phản ánh thực thể sống động, hấp dẫn của từng cây sen cụ thể. Đó là phần cốt lõi của bài ca dao. Thiếu nó thì bài ca dao không đứng được. Thiếu câu này thì câu kia cũng sẽ đơn độc, chông chênh, kém hay, kém vững, như người thiếu mất một chân.

Sự sắp đặt thứ tự các hình tượng và từ ngữ trong hai câu thơ trên chẳng những phản ánh được quá trình quan sát, tư duy, cảm xúc và thể hiện, diễn đạt thành lời của tác giả mà còn phản ánh được cả mô hình cấu trúc tổng quát của mỗi cây sen. Hình vẽ đơn giản dưới đây có thể góp phần minh hoạ cho điều đó.



Câu thứ tư:

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Có thể coi đây là cái nút của toàn bài ca dao. Thiếu hai câu giữa thì bài ca dao không đứng được, thiếu câu này thì hình tượng hoa sen vẫn đứng, vẫn tồn tại, nhưng không có linh hồn, tư tưởng [...]. Cho nên câu thứ tư, mặc dù đứng ở vị trí cuối cùng trong sự diễn đạt, vẫn là cái "đầu" đích thực của toàn bộ bài ca dao này. Nó tựa hồ như một cái cửa kì diệu đặc biệt, khép nghĩa đen lại và mở nghĩa bóng ra một cách thần tình dẫn người nghe, người đọc đi từ nghĩa đen sang nghĩa bóng, từ hình tượng bông sen của tự nhiên sang hình tượng bông sen trong xã hội một cách thông suốt, nhẹ nhàng, khiến cho không một ai cảm thấy có sự ngăn cách và do đó cũng không biết rõ đâu là giới hạn.

Đọc đến câu này, hầu như không mấy ai dừng lâu để suy nghĩ nhiều về nghĩa đen, nghĩa trực tiếp của nó. Phần nhiều đều chuyển ngay sang nghĩa bóng, sang hình tượng con người và ý nghĩa triết lí nhân sinh trong đó. Và thế là "sen" hoá thành người, bùn trong thiên nhiên hoá thành "bùn" trong xã hội, rồi cả cái "đầm" và mùi "hôi tanh" cũng được coi là hình ảnh tượng trưng ẩn dụ và được hiểu theo nghĩa bóng với những mức độ rộng hẹp, xa gần khác nhau. Huy Cận nghĩ đến những nhà Nho sống thanh bạch trong xã hội phong kiến: "Ngẫm cho kĩ, cái tiếng nói trong bốn câu ca dao trên có lẽ là tiếng nói của một nhà Nho nào đó tự hào đã giữ được bản chất trong trắng của mình giữa cuộc sống đầy rẫy những bùn nhơ của bọn buôn danh bán lợi. Tiếng nói vừa thanh cao vừa có chút gì đáng thương để phân trần với mọi người xung quanh trong một xã hội mà những gì trong trắng không dễ gì được người tin".

Có thể hiểu như vậy, nhưng không vì thế mà coi nhẹ hoặc thu hẹp tính quần chúng nhân dân của bài ca dao. Nói chung, sen trong ca dao trước hết và chủ yếu vẫn là sen của nhân dân. Nhân dân lao động, đặc biệt nông dân là những người gần sen, hiểu sen, yêu sen và giống sen nhiều nhất. Họ đã đưa sen vào ca dao biết bao nhiêu lần, mỗi lần một cách, mà lần nào cũng hay, cũng đẹp, nhất là sen trong ca dao tình yêu. Ví dụ:

Việc đặt bài ca dao vào trong những tương quan khác nhau có thể giúp người viết khám phá được điều thú vị gì ở tác phẩm?

Búp hoa sen lai láng giữa hồ
Đưa tay định hái, sợ trong chùa có sư.
Có sư thì mặc có sư
Mời anh cứ hái, có hư em đền.

Xét về nội dung và ý nghĩa tượng trưng, ẩn dụ thì hình tượng sen trong nhiều bài ca dao nói chung, cũng như câu "Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn" nói riêng nhằm phản ánh trung thực dưới hình thức cách điệu và thi vị hoá sự sống và lẽ sống cao đẹp của con người Việt Nam từ ngàn đời nay.

Tính chất nghiên cứu của bài viết đã được thể hiện như thế nào qua sự đánh giá tổng hợp về giá trị tác phẩm?

Về mặt cấu tứ, tác giả của bài ca dao đã sử dụng kết hợp với mức độ khác nhau của hai lối cấu tứ truyền thống của ca dao (thể phú, thể tỉ), trong đó thể phú được sử dụng nhiều nhất, thể tỉ được kết hợp sử dụng ở câu đầu và câu cuối.

Xét về thủ pháp nghệ thuật, bài ca dao vừa dùng lối tả chân, vừa dùng phép tượng trưng, ẩn dụ. Tính chất ẩn dụ, tượng trưng nổi bật nhất ở câu cuối cùng, nhưng ngay ở câu này trước hết vẫn là sự tả thực về cây sen ở trong đầm. Câu một giới thiệu chung về cây sen trong đầm. Câu hai và câu ba đặc tả cấu trúc hình sắc của các bộ phận trong cây sen. Câu bốn nói đến mùi hương của sen, nhưng lại nói một cách gián tiếp (qua sự

so sánh với mùi bùn), khiến cho tính chất tượng trưng, ẩn dụ nổi lên làm lấn át, lu mờ cả sự tả thực, và do đó mà nghĩa đen cũng lui xuống và khép lại để cho nghĩa bóng mở ra và lan toả, bừng sáng mãi trong tâm trí người nghe, người đọc. Đó cũng chính là lí do khiến cho chúng ta, dù đọc và nghe bài ca dao đến bao nhiêu lần vẫn cảm thấy như chưa hiểu hết cái hay, cái đẹp, cái sâu sắc, cao thượng, chí lí, chí tình trong nó và do nó gợi ra.

(Hoàng Tiến Tựu, *Bình giảng ca dao*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996, tr. 64 – 70)

2. Nghiên cứu một loại hình tượng hoặc một loại chi tiết trong tác phẩm văn học dân gian

a. Nghiên cứu một loại hình tượng nhân vật trong truyện cổ dân gian

Chuẩn bị

Soát lại hồ sơ tài liệu để hình dung tổng thể:

– Loại hình tượng làm bạn chú ý (Ví dụ: hình tượng nhân vật anh hùng, dũng sĩ, người xấu xí, người mồ côi, người em út,...).

– Xác định chính xác tên của đề tài nghiên cứu.

– Các văn bản có loại hình tượng muốn nghiên cứu (Ví dụ: các truyện *Thánh Gióng, An Dương Vương*,... có nhân vật anh hùng; các truyện *Tấm Cám, Thạch Sanh*,... có nhân vật mồ côi;...).

– Các bài nghiên cứu có liên quan, đánh dấu vào những phần cần trích dẫn.

Tìm ý, lập đề cương

Tìm ý

Để có được các ý làm rõ đặc điểm và ý nghĩa của hình tượng nhân vật, bạn cần đặt ra một số câu hỏi sau:

– Có những nhân vật nào thuộc loại hình tượng sẽ được đề cập trong bài nghiên cứu?

– Vì sao có thể xác định tên loại hình tượng nhân vật như vậy?

– Trong các công trình nghiên cứu đã tập hợp được, bạn có thể trích dẫn những ý kiến nào? Ý kiến nào bạn muốn bàn luận thêm?

– Những điểm giống nhau giữa các nhân vật là gì? (hoàn cảnh xuất thân, hình dáng, hành động, số phận,...)

– Tuy cùng thuộc một loại hình tượng nhưng ở mỗi tác phẩm cụ thể, các nhân vật có những đặc điểm khác nhau. Đó là những đặc điểm gì?

– Những đặc điểm của loại nhân vật đó thể hiện ý nghĩa gì? (thực tại xã hội, tín ngưỡng, kiểu tư duy nghệ thuật,...)

– Số phận nhân vật thể hiện ý nghĩa gì? (khát vọng hạnh phúc của nhân dân, ước mơ công lí,...)

– Loại hình tượng nhân vật này gợi cho bạn suy nghĩ gì?

– Các hình tượng nhân vật này đã được "tái sinh" trong tác phẩm sân khấu, điện ảnh, văn học như thế nào?

Lập đề cương

Dựa vào các tài liệu đã chuẩn bị và các ý đã tìm được ở phần trên, bạn hãy lập đề cương chi tiết cho các phần của bài nghiên cứu:

Đặt vấn đề:

– Nêu lí do chọn loại nhân vật.

– Giải thích tên gọi (nếu bạn tự đặt tên cho loại nhân vật).

– Kể tên các nhân vật cùng loại (kèm tên tác phẩm).

Giải quyết vấn đề:

– Trình bày ý kiến của giới nghiên cứu (lược thuật, trích dẫn).

– Phân tích đặc điểm của hình tượng nhân vật. (Mỗi kiểu hình tượng nhân vật mang đặc trưng của thể loại. Ví dụ: hình tượng nhân vật anh hùng trong truyền thuyết thường có sự ra đời thần kì, hình dáng đặc biệt, hành động phi thường, chiến công hiển hách, hoá Thánh; hình tượng nhân vật dũng sĩ trong truyện cổ tích thường có xuất thân nghèo khó, bản tính lương thiện, sức khoẻ phi phàm, có tinh thần dũng cảm, vị tha, được thần linh trợ giúp, lập chiến công, hưởng hạnh phúc;...)

– Phân tích ý nghĩa của hình tượng nhân vật (Ví dụ: phản ánh đời sống lao động và chiến đấu, khát vọng hạnh phúc, ước mơ công lí của nhân dân,...).

– Nhận xét, đánh giá sức sống của hình tượng trong đời sống hiện nay (trong lễ hội, tín ngưỡng; trong ngôn ngữ, văn học, phim, kịch;...).

Kết luận:

– Khẳng định giá trị đặc sắc của hình tượng.

– Đề xuất những hướng nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo:

Nêu danh mục những tài liệu đã được tham khảo trong quá trình viết bài nghiên cứu hoặc được trích dẫn (chú ý sắp xếp đúng quy cách, theo yêu cầu của một sản phẩm nghiên cứu khoa học).

Viết

– Triển khai các ý đã hình thành ở đề cương thành những đoạn văn, sắp xếp các đoạn văn theo trình tự hợp lí và liên kết thành bài nghiên cứu hoàn chỉnh.

– Chọn cách diễn đạt phù hợp với nội dung từng phần.

– Trích dẫn chính xác và chú thích nguồn đúng quy định.

– Sử dụng kết hợp hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu để minh chứng.

– Lập danh mục tài liệu tham khảo đúng quy định.

– Trình bày phụ lục (nếu có).

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đối chiếu với đề cương đã xây dựng, tự rà soát bài viết theo các tiêu chí sau:

– Đảm bảo trình bày rõ ràng những ý kiến, phát hiện về loại hình tượng trong truyện cổ dân gian đã chọn.

– Tuân thủ những quy định về trích dẫn và chú thích nguồn tài liệu.

– Đảm bảo dùng từ, đặt câu chính xác và viết đúng chính tả.

b. Nghiên cứu một loại hình tượng trong thơ ca dân gian

Chuẩn bị

Đọc lại hồ sơ tài liệu:

– Hình dung tổng thể về những thông tin thu thập được và yêu cầu, cách thức triển khai.

– Kiểm tra tên đề tài và điều chỉnh cho phù hợp với nội dung nghiên cứu sắp triển khai.

– Tập hợp các bài ca dao có chứa hình tượng (hoặc những dị bản gần gũi).

– Soát lại các công trình nghiên cứu có liên quan, đánh dấu những phần có thể trích dẫn hoặc bàn luận.

Tìm ý, lập đề cương

Tìm ý

Để tìm ý cho bài nghiên cứu một loại hình tượng trong thơ ca dân gian, làm rõ được đặc điểm và ý nghĩa của hình tượng, bạn cần đặt ra câu hỏi sau:

– Bạn tìm được bao nhiêu bài có hình tượng đó? Những nhận xét có thể rút ra từ kết quả khảo sát này là gì?

– Hình tượng đó có những nghĩa nào (nghĩa thực, nghĩa tượng trưng,...)? Cần lập bảng thống kê về vấn đề này như thế nào? Bạn có nhận xét gì về bảng thống kê đó?

– Hình tượng đó đã được bình luận, diễn giải như thế nào trong các công trình nghiên cứu?

– Hình tượng đó có ý nghĩa như thế nào trong việc diễn tả cảm xúc của từng bài ca dao?

– Bạn có cảm nghĩ gì về hình tượng đó?

– Hình tượng đó có xuất hiện trong văn học viết không? Bạn biết những trường hợp nào? Bạn có cảm nghĩ gì về hiện tượng đó?

Lập đề cương

Dựa vào các tài liệu đã chuẩn bị và những ý đã tìm được ở phần trên, bạn hãy lập đề cương chi tiết cho các phần của bài:

Đặt vấn đề:

– Nêu lí do chọn hình tượng (đặc sắc, xuất hiện nhiều lần, gợi những cách nhìn nhận, đánh giá khác nhau,...).

– Trình bày phạm vi tìm kiếm bài ca dao có hình tượng.

Giải quyết vấn đề:

– Xác định tên gọi hình tượng (Ví dụ: hình tượng con cò, hình tượng cặp đôi bến – thuyền, hình tượng chiếc áo, có thể mở rộng với các biến thể khăn, yếm,...).

– Phân tích ý kiến của các nhà nghiên cứu (ý kiến gợi mở, cần trao đổi).

– Trình bày kết quả khảo sát, thống kê: lập bảng thống kê để phân tích số lượng, nhận diện các loại hình tượng.

– Phân tích các ý nghĩa của hình tượng (Ví dụ: con cò – thiên nhiên đất nước, con cò – người phụ nữ tần tảo, con cò – số phận bất hạnh,...).

– Nhận xét, đánh giá sức sống của hình tượng được tái sinh trong thơ ca hiện đại, chẳng hạn hình tượng con cò trong bài thơ *Con cò* của Chế Lan Viên.

Kết luận:

– Khẳng định giá trị đặc sắc của hình tượng.

– Đề xuất những hướng nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo:

Nêu danh mục những tài liệu đã được tham khảo trong quá trình viết bài nghiên cứu hoặc được trích dẫn (chú ý sắp xếp đúng quy cách, theo yêu cầu của một sản phẩm nghiên cứu khoa học).

Viết

– Triển khai các ý đã hình thành ở đề cương thành những đoạn văn, sắp xếp các đoạn văn theo trình tự hợp lí và liên kết thành bài nghiên cứu hoàn chỉnh.

– Chọn cách diễn đạt phù hợp với văn phong khoa học.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đối chiếu với đề cương đã xây dựng, tự rà soát bài viết theo các tiêu chí sau:

– Đảm bảo trình bày rõ ràng những ý kiến, phát hiện về loại hình tượng trong thơ ca dân gian đã chọn nghiên cứu.

– Tuân thủ những quy định về các trích dẫn và chú thích nguồn tài liệu.

– Đảm bảo dùng từ, đặt câu chính xác và viết đúng chính tả.

c. Nghiên cứu một loại chi tiết trong truyện cổ dân gian

Chuẩn bị

– Soát lại hồ sơ tài liệu để hình dung tổng thể về đề tài, vấn đề nghiên cứu.

– Tinh chỉnh tên gọi loại chi tiết mà bạn đã chọn (Ví dụ: Chi tiết vật thiêng hay vật thần kì? Phép thần hay là phép màu? Sự hoá thân hay là phép biến hoá? Trong truyện cổ dân gian nói chung hay trong thần thoại, truyền thuyết, cổ tích nói riêng? Trong truyện của tất cả các dân tộc trên đất nước Việt Nam hay truyện của riêng dân tộc Kinh, Thái, Mông, Ê-đê,...?).

– Điều chỉnh phạm vi nghiên cứu cho phù hợp (có thể giới hạn trong 3 – 4 truyện).

– Soát lại các tài liệu tham khảo, đánh dấu vào những phần sẽ trích dẫn.

Tìm ý, lập đề cương

Tìm ý

Bạn có thể tìm ý cho bài phân tích một loại chi tiết trong truyện cổ dân gian bằng việc đặt ra một số câu hỏi sau:

– Vì sao bạn chọn loại chi tiết này?

– Vì sao bạn đặt tên loại chi tiết như vậy?

– Loại chi tiết đó có nhiều dạng không? Lập bảng liệt kê với các thông tin: tên tác phẩm, tên loại chi tiết, bối cảnh xuất hiện, tác dụng, ý nghĩa.

– Sự kiện quen thuộc nào thường xuất hiện cùng với loại chi tiết đó?

– Ý nghĩa của loại chi tiết đó là gì? (Ví dụ: phản ánh thực tế đời sống sinh hoạt; thể hiện dấu ấn tôn giáo, tín ngưỡng; bộc lộ ước mơ về cuộc sống công bằng, hạnh phúc;...)

– Loại chi tiết đó có những biến thể gì trong các tác phẩm khác nhau?

– Loại chi tiết đó có hiện diện trong những loại hình sáng tác nghệ thuật khác (như văn học hiện đại, sân khấu, điện ảnh,...) không? Nếu có, bạn hãy làm rõ những điểm giống nhau và khác nhau.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Lập đề cương

Dựa vào các tài liệu đã chuẩn bị và các ý đã tìm được ở phần trên, bạn hãy lập đề cương chi tiết cho các phần của bài viết:

Đặt vấn đề:

– Nêu lí do chọn chi tiết.

– Trình bày phạm vi truyện cổ có chứa chi tiết.

Giải quyết vấn đề:

– Xác định tên loại chi tiết.

– Phân tích ý kiến của các nhà nghiên cứu.

– Trình bày kết quả khảo sát, thống kê: lập bảng thống kê để phân tích số lượng, nhận diện các loại chi tiết.

– Phân tích ý nghĩa của loại chi tiết.

– Nhận xét, đánh giá sức sống của chi tiết trong những loại hình nghệ thuật khác.

Kết luận:

– Khẳng định giá trị đặc sắc của chi tiết.

– Đề xuất những hướng nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo:

Nêu danh mục những tài liệu đã được tham khảo trong quá trình viết bài nghiên cứu hoặc được trích dẫn (chú ý sắp xếp đúng quy cách, theo yêu cầu của một sản phẩm nghiên cứu khoa học).

Viết

– Triển khai các ý đã hình thành ở đề cương thành những đoạn văn, sắp xếp các đoạn văn theo trình tự hợp lí và liên kết thành bài nghiên cứu hoàn chỉnh. Chú ý đưa các bảng thống kê, sơ đồ, tranh ảnh vào bài.

– Chọn cách diễn đạt phù hợp với văn phong khoa học.

– Hoàn chỉnh danh mục tài liệu tham khảo đúng quy cách.

– Lập phụ lục giới thiệu các tác phẩm truyện đã khảo sát.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đối chiếu với đề cương đã xây dựng, tự rà soát bài viết theo các tiêu chí sau:

– Đảm bảo trình bày rõ ràng những ý kiến, phát hiện của bạn về loại chi tiết trong truyện cổ dân gian.

– Tuân thủ những quy định về các trích dẫn và chú thích nguồn tài liệu.

– Đảm bảo dùng từ, đặt câu chính xác và viết đúng chính tả.

3. Nghiên cứu một lễ hội dân gian

Chuẩn bị

– Soát lại hồ sơ tài liệu để hình dung tổng thể về đề tài, vấn đề nghiên cứu.

– Kiểm tra tên đề tài và điều chỉnh cho phù hợp với nội dung nghiên cứu sắp triển khai.

– Huy động những trải nghiệm và sự hiểu biết của bạn về lễ hội dân gian và tác phẩm văn học dân gian có liên quan.

– Xem lại các tài liệu có liên quan và đánh dấu vào những phần cần trích dẫn.

Tìm ý, lập đề cương

Tìm ý

Để tìm ý cho bài nghiên cứu về một lễ hội dân gian, bạn cần đặt ra một số câu hỏi sau:

– Vì sao bạn biết lễ hội này?

– Lễ hội này diễn ra vào thời điểm nào? Ở đâu? Có các hoạt động chính gì?

– Nhân vật được phụng thờ trong lễ hội là ai?

– Ý nghĩa của các hoạt động trong lễ hội là gì? (phản ánh đời sống sinh hoạt, lao động, chiến đấu; gợi nhắc tín ngưỡng cổ xưa, lưu truyền bài học lịch sử;...)

– Để hiểu được ý nghĩa đó, bạn đã phải tìm đọc những sách báo, tài liệu nào?

– Theo bạn, ý kiến nào có thể trích dẫn, lược thuật được? Ý kiến nào còn gây băn khoăn?

– Những chi tiết, hình ảnh, sự việc nào trong tác phẩm văn học dân gian được tái hiện ở lễ hội?

– Loại chi tiết, hình ảnh, sự việc đó có hiện diện trong những loại hình sáng tác nghệ thuật khác không? Nếu có, bạn hãy làm rõ những điểm giống nhau và khác nhau.

Lập đề cương

Dựa vào các tài liệu đã chuẩn bị và các ý đã tìm được ở phần trên, bạn hãy lập đề cương chi tiết cho các phần của bài viết:

Đặt vấn đề:

– Nêu tên, tầm quan trọng của lễ hội trong đời sống tinh thần cộng đồng.

– Trình bày lí do khiến bạn chọn viết về lễ hội dân gian này.

Giải quyết vấn đề:

– Phân tích về lễ hội trên các phương diện: ý nghĩa của việc chọn thời gian và địa điểm.

– Phân tích lí do tổ chức các hoạt động tín ngưỡng và vui chơi.

– Làm rõ dấu ấn của các tác phẩm văn học dân gian được thể hiện qua những hoạt động trong lễ hội.

– Nhận xét, đánh giá chiều sâu văn hoá – lịch sử của lễ hội và các giá trị sống của con người Việt Nam được thể hiện qua lễ hội.

– Nêu những khuyến nghị đối với việc tổ chức lễ hội.

Kết luận:

Đánh giá tổng quát về lễ hội, nêu những bài học có được qua nghiên cứu về lễ hội.

Tài liệu tham khảo:

Nêu danh mục những tài liệu đã được tham khảo trong quá trình viết bài nghiên cứu hoặc được trích dẫn (chú ý sắp xếp đúng quy cách, theo yêu cầu của một sản phẩm nghiên cứu khoa học).

Viết

– Triển khai các ý đã hình thành ở đề cương thành những đoạn văn, sắp xếp các đoạn văn theo trình tự hợp lí và liên kết thành bài nghiên cứu hoàn chỉnh.

– Chọn cách diễn đạt phù hợp với văn phong khoa học.

– Trích dẫn tài liệu đúng quy cách.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

Đối chiếu với đề cương đã xây dựng, tự rà soát bài viết theo các tiêu chí sau:

– Đảm bảo trình bày rõ những ý kiến, phát hiện của bạn về lễ hội dân gian.

– Tuân thủ những quy định về các trích dẫn và chú thích nguồn tài liệu.

– Đảm bảo dùng từ, đặt câu chính xác và viết đúng chính tả.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BÀI THAM KHẢO

Hội Gióng
và nghệ thuật diễn xướng anh hùng ca(*)

(Trích)

Cao Huy Đỉnh

[...] Hội Gióng tập trung tất cả những khả năng nghệ thuật của nhân dân thời cổ để diễn tả uy lực của người anh hùng làng Gióng và cuộc chiến đấu thần kì của nhân dân chống giặc Ân.

Nhận định chung về hội Gióng.

(*) Trong văn bản nguồn, Cao Huy Đỉnh viết là *Hội Dóng và nghệ thuật diễn xướng anh hùng ca*.

Chiến tranh nhân dân chống xâm lược là chủ đề nổi bật [...] được diễn tả bằng hình thức sinh động, cụ thể, theo đặc trưng của diễn xuất sân khấu vừa có tính chất tự nhiên vừa có tính chất tượng trưng. Tự nhiên ở chỗ: quần chúng, quân đội, chiến trường tả in như thật. Tượng trưng ở chỗ: uy lực của người anh hùng được diễn tả bằng sự phối hợp âm thanh, màu sắc của khí cụ và động tác cách điệu hoá của con người (cờ, chiêng, trống, các cách hoá trang và các điệu múa hổ, múa trống, múa cờ,...). Tượng trưng ở chỗ các lực lượng thù địch của người cổ ở trong tự nhiên như bão, lụt, thú dữ và ở trong xã hội như giặc ngoại xâm được thay bằng những biểu tượng *nước, hổ* (do người hoá trang) và *các vai đóng tướng giặc Ân*.

Phân tích tính chất và ý nghĩa của các hoạt động trong lễ hội.

Đề tài chiến đấu là chính, nhưng rõ ràng không phải đơn thuần như thế. Các mặt sản xuất, chinh phục tự nhiên của con người thời cổ đều được kết hợp với đề tài chiến đấu dưới hình thức nghi lễ chuẩn bị (như *Rước nước*), hay dưới hình thức diễn trò có đối thoại hài hước và múa, hát, nhạc kèm theo (như điệu *múa bắt hổ*) để làm vui cho ngày hội và để đề cao uy lực của người anh hùng đối với tự nhiên nữa (hổ phải phục tùng cả thánh). Rõ ràng đây là một màn hài kịch và là hình thức sân khấu cổ của chúng ta và phường Ải Lao hay "phường Tùng Choặc" cũng là một tổ chức văn nghệ cổ đáng chú ý.

Về nguồn gốc tên phường Ải Lao, có hai thuyết:

1. Do nước Ai Lao cung cấp phường múa hát hằng năm cho nhà Lý trong thời kì vương quyền Ai Lao hàng phục nhà Lý, nên phường múa hát ấy lấy tên là Ải Lao. Sau thời kì đó, nước Ai Lao không cung cấp nữa nên nhân dân tổng Phù Đổng phải tổ chức trai trẻ trong làng Hội Xá chuyên trách.

2. Theo từ Hán thì Ải Lao có nghĩa là buộc trâu bò, nhắc lại chi tiết: đoàn trẻ chăn trâu vội vàng buộc trâu bò, theo Ông Gióng đánh giặc. Sau khi Gióng lên Trời, bà mẹ Gióng buồn, vì không thấy con về nữa, nên đoàn trẻ chăn trâu ấy đến múa hát cho bà vui. Do đó mà có phường múa hát Ải Lao[1].

Theo chúng tôi nghĩ thì Ải Lao có thể có nghĩa là buộc trâu bò, nhưng là để làm lễ "tế cờ", là một loại hiến tế trong chiến tranh bộ lạc. Ngày xưa trước khi xuất quân đánh giặc, các tướng sĩ thường làm lễ ấy. Nếu trước đó họ lùng bắt được tên do thám hay tay sai của giặc thì họ thường buộc tên ấy vào cọc chém đầu để tế cờ và uống máu ăn thề trước ba quân, sau đó mới dóng trống phất cờ tiến quân. Trường hợp không lùng bắt được người bên địch, hoặc đến lúc tục giết tù binh được thay thế bằng việc bắt tù binh làm nô lệ, thì họ giết trâu bò để thay thế và tượng trưng cho việc giết tù binh. Khi thắng trận trở về họ cũng thường làm lễ "tế cờ" như vậy. Và tất nhiên trong lễ "tế cờ", quân lính tướng sĩ đều có múa nhảy hát xướng chúc thắng lợi (trước khi tiến quân) hoặc mừng thắng lợi (sau khi dẹp giặc trở về). Ở nhiều dân tộc cổ, lễ này còn gọi là lễ "săn đầu giặc".

Nêu kết quả khảo sát, tìm hiểu nguồn gốc của một số danh xưng và hoạt động có liên quan đến hội Gióng.

[1] Vũ Tuân Sán, *Sự tích Thánh Gióng qua các truyền thuyết*, tạp chí *Truyền thống Thủ đô*, số 6/1968.

Căn cứ vào những nghi thức và những động tác cách điệu hoá của lễ múa cờ tế Gióng, tiết mục múa kiếm dâng "thủ cấp" tượng trưng lên bàn thờ Gióng ở cuối hội Gióng, chúng ta càng có thể giả định rằng cái tên Ải Lao gợi lại vết tích của những lễ tục cổ ấy thời chiến tranh bộ lạc.

Lễ "tế cờ" còn để lại dấu vết rất lâu trong thời phong kiến. Cho đến thời kì Cần Vương, lễ ấy vẫn còn để khích lệ ba quân, ra oai hàng tướng soái, răn kẻ nịnh thần và cảnh cáo bọn phản bội.

Phường Ải Lao còn được gọi bằng một tên nôm na là phường "Tùng Choặc". Cái tên "Tùng Choặc" lại càng cổ hơn.

"Tùng Choặc" bắt chước âm thanh của trống (có nơi dùng từ "tùng cắc") gõ lên mặt ("tùng") và gõ lên tang ("choặc", hay "cắc"). Gọi là "Tùng Choặc" có lẽ vì người ta dùng trống để múa hát trong lúc làm lễ "tế cờ".

Nêu giả thuyết khoa học dựa vào suy luận logic, tham khảo nhiều nguồn tài liệu liên quan và khảo sát thực địa.

Tướng giặc là "nữ" cũng đặt ra những nghi vấn:

Chế độ xã hội bên phía kẻ thù có lẽ là mẫu hệ chăng? Tướng nữ (là "Thạch Linh Thần Tướng", theo tên Hán trong các thần phả sau này) dùng ngựa đá để cưỡi, như cốt truyện đã nói, là một hình tượng phản ánh thời kì đồ đá và tín ngưỡng đá chăng?

Những hiện tượng trên có giá trị hiện thực lịch sử không? Nó có thể giúp ta xác minh được "giặc Ân"và tìm hiểu quan hệ giữa nước Văn Lang ta với nước "Ân" ấy không?

Tình hình nghiên cứu hiện nay chưa cho phép chúng tôi mở rộng vấn đề. Nhưng rõ ràng không thể giải thích rằng nhân dân Phù Đổng chọn vai nữ đóng giặc Ân trong hội Gióng là ngụ ý bên phía giặc là "tà, âm". "Tướng nữ" phản ánh một chế độ xã hội nào đó cũng như hình tượng Gióng phản ánh quá trình các bộ lạc tập hợp thành bộ tộc, rồi dân tộc ở trên đất nước ta, với công cụ bằng sắt, chế độ phụ quyền và thời đại anh hùng.

Hội Gióng một lần nữa cung cấp thêm cho ta những tài liệu về chiến tranh bộ lạc thời cổ. Đồng thời nó cũng giúp ta xác nhận thêm rằng, cốt truyện *Ông Gióng* và ý nghĩa của nó đã mở rộng, nâng cao và đi tới tương đối ổn định vào thời nhà Lý, hay đúng hơn là thời phong kiến tự chủ [...]. Điều này cũng dễ nhận thấy qua các hình thức diễn xướng (mặc dầu có tính chất tượng trưng) của hội Gióng.

Nêu nhận định về thời điểm định hình cốt truyện "Ông Gióng" hoặc "Thánh Gióng".

Việc Gióng phải đánh nhau với giặc hai lần (ván thuận và ván nghịch), mỗi lần ba hiệp (ba đợt múa cờ) chứng tỏ rằng quân ta, nhân dân ta đã trải qua nhiều cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm gay go, ác liệt. Điều đó đã là một sự thực lịch sử từ khi dựng nước cho đến khi giành được độc lập ở thế kỉ X, XI.

Việc chém đầu phanh thây hai tên tướng đầu sỏ của giặc Ân, đồng thời tha chết cho bọn tuỳ tòng; việc truy lùng giặc Ân đến tận cùng không để sót một tên (trong lễ *Rước cắm cờ* chấm dứt ngày hội) đi đôi với việc cho bọn giặc đã đầu hàng cùng

quân ta dự tiệc khao quân. Các việc đó chứng tỏ nhân dân ta có tinh thần cảnh giác thường xuyên đối với địch, lòng quyết tâm tiêu diệt địch đi liền với thái độ rộng lượng, khoan dung đối với những tên giặc biết cải tà quy chính. Đó cũng là một sự thực lịch sử nữa, một cách xử sự truyền thống của nhân dân ta trong lịch sử chiến đấu chống ngoại xâm.

Phát hiện, suy đoán về mối liên hệ giữa những hoạt động trong lễ hội với những sự kiện đã xảy ra trong lịch sử xa xưa của dân tộc.

Việc người câu cá, người săn hổ, đoàn trẻ chăn trâu và các tướng theo Gióng đánh giặc được kể ở trong truyền thuyết dân gian đã trở thành những nhân vật của cuộc diễn xướng anh hùng ca, mà chủ yếu là do quần chúng đóng vai và diễn xuất từ thời Lý càng làm tăng thêm nội dung chính trị, lịch sử của hội Gióng với chủ đề đoàn kết dân tộc, càng khẳng định cốt truyện mở rộng của anh hùng ca và tính cách tập thể của hình tượng Gióng.

Dưới những hình thức tín ngưỡng dân gian, hội Gióng cũng đã thực hiện được sự thống nhất hữu cơ của hai chủ đề sản xuất và chiến đấu vốn có ở trong cốt truyện mà chúng ta đã sơ bộ nêu lên ở các chương trên.

Thần thoại cổ về Ông Gióng tượng trưng cho lực lượng tự nhiên, khổng lồ như dông, bão, sấm chớp đã về hái cà và giẫm chân lên vườn cà của mẹ Gióng và do đó mà Ông Gióng ra đời... Trước và trong ngày hội Gióng, người ta hồi hộp đón chờ những lực lượng đó "về hái cà", người ta "cúng cỗ chay" nghĩa là "cơm cà" cho Ông Đổng, người ta cắm "que bông cà" để "giữ lấy cà" kẻo Ông Đổng hái mất,... Cũng trong những ngày đó, những ngày cuối xuân sang hè (tháng Ba và đầu tháng Tư âm lịch), sấm, chớp, mây, mưa, gió phải về cùng Ông Đổng – người ta tin như vậy và quả có thực, vì thời tiết tự nhiên cuối tháng Ba đầu tháng Tư âm lịch là như vậy, qua bao đời đã cho người ta một kinh nghiệm thực tiễn và "Sấm ra cà trổ" đã thành tục ngữ. Nếu những cái đó không "về" tức là "nghịch", dân làm ăn sẽ xúi quẩy. Rõ ràng đây là những nghi lễ có tính chất ma thuật và dính liền với thần thoại Ông Đổng, xuất phát từ niềm hi vọng và kết quả trồng trọt rất thực tiễn của người Việt cổ đã bước sang nền nông nghiệp định cư ở trên đồng bằng Bắc Bộ. Nền nông nghiệp đó đã quy định cả những sinh hoạt văn hoá của người nông dân rất sôi nổi vào các dịp hội mùa, vào những lúc chuyển thời tiết,...

Phát hiện chiều sâu văn hoá, lễ nghi của những hoạt động đời thường ở một vùng đất cổ.

Nhưng đã từ lâu rồi, thần thoại Ông Đổng và chuyện anh hùng đánh giặc, chuyện làm ăn của con người không còn phân biệt được nữa. Việc thờ cúng và truyện kể lẫn lộn với nhau, nghi lễ và diễn xuất pha trộn với nhau, mục đích trần thế đã trở thành mục đích tín ngưỡng và văn nghệ tượng trưng. Đó là một sự hỗn hợp không tránh khỏi trong đời sống văn hoá Việt Nam ở thời cổ và trong xã hội phong kiến.

Đổng và Ông Gióng cũng từ đó mà nhập làm một và có uy lực vạn năng, đặc biệt là đánh giặc và làm mưa như tất cả các thiên thần và nhân thần mà người Việt xưa thờ cúng.

Kỉ niệm anh hùng và lễ đảo vũ thường được kết hợp ở trong nhiều đền, nhiều hội, chứ không riêng gì ở hội Gióng. Điều này suy nghĩ đến cùng xuất phát từ hai yêu cầu thực tiễn nhất và lâu đời nhất của người Việt là chống giặc và điều hoà thuỷ lợi.

Về nguồn gốc nghệ thuật, hội Gióng là một môi trường rất thuận lợi cho ta nghiên cứu. *Trống, cờ* vừa là công cụ kéo quân và nghi lễ, lại vừa là công cụ nghệ thuật, nhưng trong hội Gióng, chức năng nghệ thuật của nó còn nổi lên rất đậm. Chúng ta có những điệu *múa trống, múa cờ* rõ ràng, không phải chỉ là hình thức hành lễ, hành quân mà còn là biểu diễn nghệ thuật.

Đưa ra những nhận định khái quát về văn hoá – lịch sử Việt Nam từ những quan sát mở rộng về hội Gióng.

Người ta tin ở thần lực của ba thứ đó. Nó thoát thai từ sự bắt chước tự nhiên và sự sáng tạo của con người để chinh phục tự nhiên, dù là "trong trí tưởng tượng và bằng trí tưởng tượng" như Mác (Marx) nói. Người Phù Đổng cũng như ở nhiều nơi khác quan niệm "trống" là bắt chước tiếng sấm. Họ tin rằng con người tạo ra được một âm thanh (tiếng trống) giống như tự nhiên (sấm) thì cái hiệu lực của nó cũng giống như hiệu lực của trời vậy. Cho nên người ta gọi là trống sấm và đồn rằng ngày xưa ở Phù Đổng và nhiều nơi ở Bắc Ninh (đình Sấm, đình Chờ,...) có những chiếc trống to bằng gian nhà "vang rền như sấm" dùng trong các buổi lễ cầu đảo. Hiện nay còn câu nói: "Trống Chờ, chiêng Chõ, mõ Phù Lưu".

Cái trống và nhất là cái trống đồng xưa rất quan trọng với đời sống bộ lạc. Tiếng trống chỉ dùng để báo hiệu hai sự kiện quan trọng nhất: chống bão lụt hay hạn hán và chống giặc ngoại xâm. Tiếng trống vang lên thúc giục mọi người ra trận chống kẻ thù thiên nhiên hay kẻ thù ngoại xâm. Nó kích động sức mạnh của tập thể, đoàn kết bộ lạc lại để tiêu diệt kẻ thù. Vì vậy, nó không thể thiếu được trong sinh hoạt văn nghệ quần chúng. Câu chuyện "trống sấm" sẽ rất lí thú đối với các nhà nghiên cứu lịch sử nghệ thuật Việt Nam, nhưng không phải là trọng tâm vấn đề cần bàn ở đây.

Hội Gióng cũng quan niệm *cờ* là mây gió. "Mây" ấy với "sấm" ấy sẽ làm ra mưa. Nhưng uy lực của thiên nhiên lại chuyển thành uy lực của con người chống thiên nhiên. Điệu múa *cờ lệnh* tượng trưng cho sức mạnh vượt qua ngàn cây nội cỏ, bạt núi, quét mây của Ông Đổng, đồng thời cho cả ý chí và sức mạnh diệt giặc của Ông Gióng nữa.

Đây là kết quả của một quá trình xã hội hoá thiên nhiên, thông qua kinh nghiệm và nhận thức của người lao động. Nhân dân ta hay nói:

– Đánh trống qua cửa nhà sấm.

– Cờ mở gió bay.

– Lúa chiêm lấp ló bên bờ

Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên.

Tiếng "trống sấm" và ngọn "cờ gió" của con người đã thách thức, gọi dậy tiếng sấm trời và ngọn gió trời để làm mưa tưới mát lúa chiêm. Ý chí khắc phục và cải tạo tự nhiên cũng là ý chí chiến thắng kẻ thù của người cổ. Nếu như tính cách Ông Đổng và Ông Gióng đã đồng nhất, thì lễ múa trống, múa cờ lệnh đều mang hai ý nghĩa kết hợp thắng lụt, hạn để cho mùa màng tươi tốt và thắng giặc để cho người bình yên. Trống, cờ đã tạo ra không khí oai nghiêm trong nghi lễ thần thánh, thì trong chiến trận, nó tạo nên hùng khí và sức mạnh chiến đấu cho quần chúng.

Tóm lại, hội Gióng là một nguồn tài liệu phong phú về văn hoá cổ Việt Nam. Nó có tính chất tổng hợp mà cốt lõi là chủ đề anh hùng dân tộc:

Đưa ra nhận định tổng hợp về hội Gióng và nêu định hướng chung đối với việc nghiên cứu một lễ hội văn hoá dân gian.

a. Phần quan trọng nhất của cốt truyện Gióng là cuộc chiến đấu thần kì chống giặc Ân được diễn lại với một niềm tin vào thắng lợi vĩnh viễn của dân tộc, đồng thời là vương quyền phong kiến. Đây là nội dung lịch sử nổi bật nhất.

b. Những khả năng nghệ thuật thời cổ của bộ lạc xưa và của dân tộc sau này (múa, hát, nhạc, thơ) đều được vận dụng trong khuôn khổ sân khấu tự nhiên và tượng trưng để thực hiện hai chủ đề lịch sử quan trọng vào bậc nhất và luôn kết hợp với nhau là làm ăn và đánh giặc.

c. Những nghi lễ, tín ngưỡng và tập tục cổ sống lại trong thực hành cụ thể, theo thế giới quan duy tâm, nó càng ngày càng xa rời mục đích thực tiễn, vì sinh hoạt tâm lí và xã hội của người nông dân ta đã bị uy lực của thần thành hoàng địa phương và uy lực của vương quyền quốc gia phong kiến chi phối.

(Cao Huy Đỉnh, *Tuyển tập tác phẩm*,
NXB Lao động – Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2004, tr. 543 – 548)

II. THUYẾT TRÌNH VỀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Báo cáo nghiên cứu của bạn có thể được công bố trên các phương tiện truyền thông (trang web của trường, lớp, trang cá nhân của bạn trên mạng xã hội, các tạp chí chuyên ngành,...) hoặc được trình bày trực tiếp tại các diễn đàn (lớp học, câu lạc bộ, hội thảo khoa học,...). Nếu được thuyết trình kết quả nghiên cứu của mình, bạn cần chú ý một số điểm sau:

1. Chuẩn bị

– Đọc lại báo cáo nghiên cứu đã viết, tóm lược nó dưới dạng một đề cương hoặc sơ đồ, chú ý đánh dấu những luận điểm, lí lẽ và bằng chứng không thể không nhắc tới.

– Lập một sơ đồ mô tả các nội dung chính sẽ trình bày, slide trình chiếu,...

– Chuẩn bị các bảng biểu, tranh ảnh, video minh hoạ,...

2. Trình bày

– Thể hiện những nội dung cơ bản sau:

+ Tên báo cáo nghiên cứu đã hoàn thành.

+ Lí do chọn đề tài nghiên cứu.

+ Mục đích, đối tượng nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu đã vận dụng.

+ Quá trình thực hiện báo cáo nghiên cứu theo kế hoạch (sưu tầm, tổng hợp, xử lí tài liệu; viết; chỉnh sửa và hoàn thiện).

+ Những kết quả nghiên cứu chính đã đạt được (các nhận định, đánh giá; các tài liệu mới sưu tầm được;...).

+ Những kiến nghị, đề xuất về hướng nghiên cứu tiếp theo.

(Lưu ý: diễn đạt rõ ràng, chính xác, tốc độ nói và âm lượng vừa phải, dễ nghe.)

– Phối hợp các phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ một cách hợp lí.

– Lựa chọn tác phong phù hợp (đĩnh đạc, tự tin, thân thiện).

– Để làm tăng sức hấp dẫn của bài báo cáo kết quả nghiên cứu, có thể biểu diễn một phần tác phẩm chính được nghiên cứu trong bài viết (hát dân ca, kể chuyện) hoặc trình chiếu một số đoạn video về lễ hội (nếu báo cáo nghiên cứu viết về lễ hội).

– Chủ động tương tác với người nghe và phản hồi trên tinh thần khách quan, tôn trọng sự khác biệt.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

CHUYÊN ĐỀ 2

SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

Yêu cầu cần đạt

- Hiểu thế nào là sân khấu hoá tác phẩm văn học.
- Biết cách tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học.
- Biết đóng vai các nhân vật và biểu diễn.
- Nhận biết được sự khác biệt giữa ngôn ngữ trong văn bản văn học và ngôn ngữ sân khấu.

TRI THỨC TỔNG QUÁT

Sân khấu hoá tác phẩm văn học

Sân khấu hoá tác phẩm văn học là một hoạt động phổ biến trong cả không gian của nghệ thuật chuyên nghiệp lẫn không gian học đường.

Văn học được coi là nghệ thuật ngôn từ. Mặc dù có những khả năng biểu đạt rộng lớn nhưng chất liệu ngôn từ không cho phép văn học xây dựng những hình tượng trực quan. Một nhu cầu phổ biến của người đọc là biến văn bản hình tượng trên trang sách trở thành một thế giới hiện diện sống động trước mắt mình. Sân khấu hoá tác phẩm văn học, do đó, có thể được hiểu là nỗ lực khai thác ngôn ngữ và phương thức biểu hiện của các loại hình sân khấu nhằm chuyển tác phẩm văn học thành kịch bản sân khấu để trình diễn.

Theo cách hiểu chặt chẽ nhất, sân khấu hoá tác phẩm văn học là hoạt động chuyển thể một tác phẩm văn học để đem biểu diễn dưới hình thức một vở kịch, vở chèo, vở cải lương, vở tuồng hay một tiết mục thuộc các loại hình nghệ thuật khác như múa, múa rối, nhạc kịch,...

Theo nghĩa rộng, sân khấu hoá tác phẩm văn học còn bao gồm các hoạt động trình diễn như ngâm thơ, biểu diễn ca khúc hay vũ đạo lấy cảm hứng từ tác phẩm văn học. Hiện nay, tác phẩm văn học được sân khấu hoá còn có thể có đời sống trên những nền tảng đa phương tiện như video clip, web drama (tiểu phẩm công chiếu trên mạng),...

Những cách hiểu trên gắn liền với nhận thức về ý niệm "sân khấu". Sân khấu là không gian được thiết kế một cách đặc biệt để dành cho hoạt động trình diễn. Sân khấu vừa là không gian dành cho các diễn viên, những người đóng vai trò trực quan hoá thế giới hình tượng của văn bản ngôn từ, vừa là không gian dành cho khán giả thưởng thức phần trình diễn.

Hiểu theo nghĩa linh hoạt, sân khấu còn là không gian tạm thời, được thiết lập tuỳ thời điểm ở một vị trí thích hợp nào đó, phục vụ cho nhu cầu thưởng thức nghệ thuật

của một nhóm khán giả nhất định. Chẳng hạn, bục cao trong sân trường vốn dành cho các hoạt động hội họp có thể được bài trí, sắp đặt thêm hệ thống âm thanh, ánh sáng để trở thành không gian sân khấu.

Các hướng sân khấu hoá tác phẩm văn học

Sân khấu hoá tác phẩm văn học có thể được xem như một hình thức đặc biệt của tiếp nhận văn học. Tiếp nhận văn học là hoạt động chủ động, tích cực từ người đọc để chiếm lĩnh tác phẩm văn học. Người đọc phát huy trí tưởng tượng, cảm xúc, vốn sống, vốn đọc của mình để làm sống dậy thế giới hình tượng trên trang sách, thể hiện phản ứng, sự đánh giá đối với nhân vật, câu chuyện, tư tưởng của tác phẩm, đưa ra cách cắt nghĩa, kiến giải riêng về tác phẩm.

Với hình thức sân khấu hoá, hoạt động tiếp nhận tác phẩm văn học được trực quan hoá qua sự trình diễn của những người tham gia vào vở diễn.

Về cơ bản, có thể chia ra hai hướng sân khấu hoá tác phẩm văn học:

Sân khấu hoá để minh hoạ tác phẩm văn học: Đây là cách dùng ngôn ngữ sân khấu để trực quan hoá các tác phẩm văn học. Các yếu tố của ngôn ngữ sân khấu cần được huy động để sân khấu hoá tác phẩm văn học bao gồm: bối cảnh, âm thanh, ánh sáng, diễn xuất. Trong đó, diễn xuất đóng vai trò quan trọng nhất. Diễn xuất sân khấu đòi hỏi diễn viên phải có khả năng biểu cảm bằng giọng nói, cử chỉ, dáng điệu. Với hoạt động sân khấu hoá ở học đường, giọng nói là phương diện cần phải dụng công nhất.

Sân khấu hoá để phóng tác tác phẩm văn học: Việc dùng ngôn ngữ sân khấu không chỉ nhằm minh hoạ cốt truyện, nhân vật của tác phẩm văn học mà có thể xem là cách diễn giải tác phẩm văn học. Nói rộng hơn, sân khấu hoá là cơ hội để những người làm công việc này, trong tư cách độc giả, có thể đối thoại, tranh luận, nghĩ khác và nghĩ tiếp với tác phẩm văn học.

Ý nghĩa của hoạt động sân khấu hoá

Sân khấu hoá tác phẩm văn học chính là hoạt động mở rộng đời sống của tác phẩm văn học, làm cho tác phẩm văn học được sống trong hình thức một loại hình nghệ thuật khác, có thể hiện hữu trong một không gian – thời gian khác. Về cơ bản, không thể sân khấu hoá tác phẩm văn học nếu người thực hiện công việc này không có hứng thú và khả năng cảm thụ, diễn giải tác phẩm văn học. Như thế có nghĩa là hoạt động sân khấu hoá tác phẩm vừa tích cực hoá việc nhận thức, cảm thụ tác phẩm văn học, vừa làm giàu có hiểu biết của người học về các loại hình nghệ thuật sân khấu.

Hoạt động này có thể phát huy năng lực sáng tạo và rèn luyện khả năng làm việc tập thể, tạo ra những hình thức học tập gắn liền với vui chơi, nơi tích luỹ tri thức, hình thành kĩ năng và rèn luyện phẩm chất ở học sinh thống nhất với nhau.

Phần 1

TÌM HIỂU VỀ SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

Nói đến sức sống của *Truyện Kiều*, người ta thường nghĩ trước hết đến văn bản ngôn từ do đại thi hào Nguyễn Du viết nên và khả năng làm lay động tâm trí bao thế hệ độc giả Việt Nam của nó, bất kể việc tầm nguyên bản gốc *Truyện Kiều* là câu chuyện vô cùng phức tạp. Nhưng vấn đề cần được nhìn nhận sâu hơn nữa với những quan sát mở rộng về hàng loạt tác phẩm thuộc nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau vốn lấy cảm hứng từ *Truyện Kiều*. Có thể nói, có một *Truyện Kiều* khác, hay đúng hơn, nhiều *Truyện Kiều* khác, tồn tại không chỉ trong các sáng tác ngôn từ mà còn trong cả hội hoạ, âm nhạc và đặc biệt trong nhiều vở diễn trên sân khấu. Đã có không ít vở chèo, cải lương, kịch nói được dàn dựng căn cứ vào những kịch bản chuyển thể truyện thơ của Nguyễn Du. Điều thú vị khác là hiện nay, *Truyện Kiều* còn gợi nguồn cảm hứng cho điện ảnh – loại hình nghệ thuật hiện đại nhất, tuy ra đời muộn nhưng lại có sức hấp dẫn lớn đối với người xem đương đại.

Không chỉ *Truyện Kiều*, những tác phẩm văn học lớn nhất của nhân loại đều có đời sống rộng hơn trang sách, trong đó, có đời sống trên sân khấu. Các tiểu thuyết *Những người khốn khổ* và *Nhà thờ Đức Bà Pa-ri (Paris)* của Vích-to Huy-gô (Victor Hugo) đã được đưa lên sân khấu toàn thế giới và luôn nhận được sự hưởng ứng rộng rãi của công chúng. Năm 2020, Nhà hát Nhạc vũ kịch Việt Nam đã công diễn vở nhạc kịch *Những người khốn khổ*. Chương trình biểu diễn này được xem là một trong những sự kiện văn hoá nổi bật của năm.

1. Ngoài tồn tại dưới dạng văn bản ngôn từ, tác phẩm văn học còn có thể tồn tại dưới dạng thức nào khác?
2. Những dạng thức tồn tại khác đó có ý nghĩa gì đối với đời sống của tác phẩm văn chương?

I. ĐỌC KỊCH BẢN SÂN KHẤU

BÀI THAM KHẢO

Lời nói dối cuối cùng

(Trích)

Lưu Quang Vũ

Tóm tắt vở kịch: Công tử Lãn phải lòng cô Lụa, cô gái xinh đẹp và nổi tiếng vì dệt lụa khéo ở làng. Công tử giao cho Bờm, người hầu của mình, trong vòng mười ngày, phải làm cho cô Lụa thích mình. Cuội – kẻ nói dối nổi tiếng – cũng phải lòng cô Lụa. Cuội đã mách cho Bờm một cách để giúp công tử Lãn tán tỉnh cô Lụa là để công tử đứng ở bãi cỏ trước nhà Lụa rồi Cuội nấp ở bụi cây phía sau, cất lời yêu thương và thổi sáo để làm Lụa rung động. Sáng hôm sau, khi gia nhân nhà cụ Chánh đến đòi nợ thì cậu Lãn lại xuất hiện ra tay cứu giúp và hỏi cưới cô Lụa. Vào ngày cưới của công tử Lãn và cô Lụa, Cuội đóng giả làm Thành hoàng làng để nói sự thật cho cô Lụa biết, bắt cóc mẹ cô Lụa, đề nghị cô đi trốn cùng mình và rủ cả Bờm đi theo.

Đến kinh thành, Cuội lấy bánh đa của Nha và hứa với Nha sẽ trả nợ sau bằng cách cho Nha làm vua như ước nguyện của chú. Bằng tài nói dối của mình, Cuội đã vào được cung vua giả làm quan ngự y để chữa bệnh vô sinh cho nhà vua và hoàng hậu. Bờm giả làm người hầu của Cuội, cô Lụa giả làm học trò của Cuội dưới cái tên Nam Trang tài nhân, còn mẹ của Lụa giả làm Bạch mao tiên cô.

Trong thời gian ở trong cung, em gái hoàng hậu là Quận chúa Kim Hoa đem lòng si mê Cuội, còn người hầu của Quận chúa là Sim lại phải lòng Nam Trang tài nhân. Theo lời khuyên của Cuội là phải trọng âm nhạc, nhà vua đã triệu Điền, người gảy đàn nguyệt nổi tiếng Long Thành vào cung, nhà vua không hiểu được tiếng đàn của Điền, mà chỉ thích nghe ông đàn thùng biểu diễn. Cuội bày mưu để nhà vua và hoàng hậu nhận Nha, cậu bán bánh đa, là thế tử giáng trần. Nhưng không muốn sống trong sự xa hoa dối trá, Nha bỏ ngôi vị thế tử để về quê tiếp tục bán bánh đa, Điền cũng bỏ cung vua để trở về làm người gảy đàn nguyệt như xưa. Quận chúa đến gặp Cuội để báo rằng ngày mai, cùng lễ kết hôn của Quận chúa và quan ngự y (Cuội), Sim cũng được gả cho Nam Trang tài nhân. Lụa đến gặp Cuội báo tin mẹ cô đã mất, cô cũng quyết định sẽ rời bỏ cung vua.

HỒI X

(Hoàng cung, nơi ở của Đại Đức thiền sư Cuội, Nha và Cuội)

Nha: Ông Cuội! Ông Cuội! Tôi chán cảnh ở đây lắm rồi! Ông bảo họ thả cho tôi về!

Cuội: Khẽ mồm chứ! Về là thế nào! Làm vua không muốn, muốn làm thằng bán bánh đa ngoài chợ.

Chú ý ngôn ngữ đối thoại giữa hai nhân vật.

Nha: Bán bánh đa cũng được. Bán bánh đa thích hơn. Ngoài chợ vui tha hồ chạy chơi thoải mái, muốn đánh khăng, đánh đáo, muốn nhảy ùm xuống sông bơi tuỳ ý. Ở đây chán lắm, toàn các ông quan mặt như bị thịt, chỉ khéo nịnh, chẳng có bạn nào chơi cả,… Lúc nào cũng bị canh giữ, như tù ấy,…

Cuội: Ai bảo chú định trốn, tôi mới xin vua cho lính canh giữ chú. Này, đừng điên! Có phải ai cũng được làm thế tử đâu, không khéo rồi chẳng mấy chốc làm vua như bỡn, "mèo mù vớ cá rán". Tôi nợ chú có xâu bánh đa, tôi trả chú bằng cái ngai vua, sướng thế còn đòi gì nữa.

Nha: Tôi cho ông xâu bánh đa đấy! Tôi cóc thích ở đây! Tôi về với mẹ tôi cơ. Tôi không thích làm vua.

Cuội: Ngốc ạ, không thích cũng phải làm. Tao có thích làm quan ngự y đâu, mà vẫn phải làm.

Nha: Tôi sẽ trốn.

Cuội: Này, liệu hồn. Chiều nay là lễ lên ngôi thế tử. Cả triều đình đã sửa soạn, đừng có vớ vẩn! Đừng hòng trốn. *(Quát to)* Lính đâu! *(Lính ra)* Sao để thế tử đi chơi lang thang thế này, đã đến giờ phải học Tứ thư, đưa người về lầu! Mau!

(Lính "Dạ" và xông đến bế thốc Nha lên. Nha giãy giụa, tru tréo… Lính lôi Nha đi khuất. Anh Điền thập thò ngoài cửa rồi bước đến gần Cuội, tay anh cầm cây đàn, vai đeo tay nải.)

Cuội: *(Ngạc nhiên)* Anh Điền nữa, quan nhạc sư, đi đâu thế này?

Chú ý các chỉ dẫn ngôn ngữ hình thể, cách diễn xuất cho diễn viên.

Điền: Thưa ông, đến hôm nay thì tôi phải thưa thật với ông: tôi biết ông thương tôi, giúp tôi nhiều, nhưng đến hôm nay thì…

Cuội: Thì sao?

Điền: Tôi ở đây đã gần một tháng, phải nói nhờ ơn ông bày mẹo, vẽ trò, tôi đã được nhiều bổng lộc, được vua quý, lại được cả phẩm hàm chức tước nữa,… Toàn những thứ xưa kia kẻ đánh đàn nghèo khổ này chẳng bao giờ được hưởng. Nhưng… Vâng,

tôi đã nghĩ kĩ rồi ông ạ… Thân tôi đã được an nhàn no ấm, nhưng tôi lại chẳng được là người gảy đàn nguyệt nữa – người gảy đàn nguyệt nổi tiếng ở Long Thành. Không đánh đàn thì tôi cũng chẳng biết sống để làm gì, buồn lắm. Giờ tôi chỉ là lão đốt pháo bông, pháo đùng mua vui cho nhà vua, là thằng hề, là kẻ bịp bợm không hơn không kém. Mà Điền này đâu phải kẻ như thế! Xin ông, cho tôi được trở về nhà, làm người gảy đàn nguyệt nghèo khổ như cũ, nghèo khổ nhưng trong sạch, thảnh thơi thế lại hơn… Tôi xin trả lại ông "cây đàn pháo", trả lại chức nhạc sư… Tôi xin về…

Cuội: Sao anh lại?

Điền: Ông cứ xin vua trao chức nhạc sư cho ông đàn thùng, ông ấy mang cái đàn thùng vào, tặng luôn ông ấy cái đàn pháo nữa, vua sẽ rất quý ông ấy, tôi chẳng muốn cướp bát cơm của bác hàng thùng. Tôi là người gảy đàn, tôi trở về với nghề của tôi. Tôi đã quyết rồi, không ai ngăn tôi được… Chào ông! *(Cầm đàn, xốc tay nải đi khuất. Cuội buồn rầu nhìn theo thì Quận chúa Kim Hoa và cô Sim xuất hiện.)*

Quận chúa: *(nũng nịu)* Chàng ở đây mà để em đi tìm mãi. Sao trông chàng ngơ ngẩn thế kia. Ôi, ngày mai đã là lễ xe duyên của chúng mình. Quận chúa Kim Hoa kết hôn cùng quan ngự y trẻ tuổi… Ôi, chàng có vui không? Chàng có nhớ thiếp không?

Chú ý ngôn ngữ đối thoại giữa hai nhân vật Quận chúa và Cuội.

Cuội: Nhớ lắm. Tôi nhớ nàng lắm Quận chúa ạ. [...]

Quận chúa: Ôi chàng ơi, em muốn báo chàng một tin này… Sim, lại đây em! Chàng ạ, việc này em đã tâu với Đức vua, người rất hài lòng, nhưng em cũng phải nói qua với chàng. Ngày mai, ngày cưới của chúng mình… Em muốn ngày vui ấy thêm thật trọn vẹn… Sim, con hầu của em, nó sẽ còn theo hầu chúng ta mãi… Nó rất ngoan… Lâu nay nó nặng lòng yêu thầm nhớ vụng Nam Trang tài nhân, Nam Trang tài nhân cũng đang đơn lẻ, chưa người hầu hạ sớm hôm. Em đã xin với Đức vua, gả Sim cho Nam Trang tài nhân.

Cuội: Sao? Cô Sim… lấy… tài nhân.

Quận chúa: Ừ, ngày mai, lễ cưới của chúng mình, cũng là lễ xe duyên cho đôi trẻ. Chàng thấy không được sao? Chàng không mừng sao?

Cuội: Nhưng mà… Ừm, mừng, mừng! *(Lầu bầu)* Khỉ thật! Sao mà lắm chuyện rắc rối thế này!

Quận chúa: Ôi, chàng nhìn kìa: cái Sim nó đang đỏ mặt và sung sướng… Thôi, em về lầu đây, còn phải thử đôi hài mới. Lão thợ hài đóng sai hết… [...] (*Quận chúa cùng Sim đi khuất. Lụa xuất hiện, nhìn theo Quận chúa Kim Hoa.*)

Lụa: Mừng anh. Thế là anh sung sướng nhé: sắp được làm chồng bà Quận chúa, sắp làm em rể nhà vua.

Cuội: Kìa, Lụa!

Lụa: Tôi biết rồi cuối cùng sẽ là như thế này, những trò mưu mẹo gian dối của anh cuối cùng cũng là để đạt đến như thế này. Anh thoả mãn nhé, ông em rể của Đức vua, chồng của bà Quận chúa cao sang…

Cuội: Không! Không thể thế được, bởi vì… Chẳng lẽ Lụa không biết tôi yêu Lụa, bao lâu nay, tôi chỉ yêu Lụa, làm tất cả những việc này cũng là vì Lụa.

Lụa: Vì tôi?

Cuội: Vâng, tôi nói thật lòng. Tôi xin thề.

Lụa: Lời thề của chú Cuội! Buồn cười chưa: chú Cuội nói thật lòng!

Cuội: *(Sầm mặt)* Tôi biết: cũng như mọi người, Lụa khinh rẻ, ghét bỏ tôi. Không ai cho thằng Cuội được thành thật. Mỗi khi tôi thành thật, Lụa có nghe đâu, có tin đâu. Ai tin thằng Cuội, đến nỗi tôi chỉ còn biết nói dối. Tôi là tên bịp bợm đáng ghét. Tôi là thằng Cuội!

Chú ý ngôn ngữ đối thoại giữa hai nhân vật Lụa và Cuội.

Lụa: Không, Cuội, tôi biết: anh vẫn không phải kẻ gian dối lừa lọc, xưa anh cũng là người trung hậu chất phác như Bờm. Nhưng anh đã chọn cho mình con đường gian dối mưu mẹo. Mới đầu chỉ là dối ít thôi để sống, rồi quen đi, cứ dấn mãi vào, không khác được. Cái mặt nạ gian dối anh mang mãi, nó trở thành gương mặt thật của anh, xấu xa, đáng ghét.

Cuội: Nhưng Lụa phải biết tôi làm những việc như vậy để làm gì? Tôi muốn mang lại điều tốt, điều lành cho người khác, dù có phải mưu mẹo, lừa lọc.

Lụa: Không thể có được điều tốt lành bằng những cách thức xấu xa. Anh lừa bịp bọn ác bọn xấu, thật ra cũng là anh dựa vào chúng nó. Sẽ không ai cần điều tốt lành có được bằng cách ấy… Đối với tôi, thế là đủ rồi. Tôi đến đây lần cuối, để chào từ biệt anh… Cũng có lúc tôi thầm quý mến anh đấy, nhưng bây giờ thì… Tiếp tục ở đây, rồi tôi cũng sẽ không còn là tôi nữa mất thôi. Anh cứ việc ở lại với những điều gian dối của anh, tôi đi…

Cuội: Lụa, nhưng còn mẹ?

Lụa: *(Khẽ)* Mẹ tôi… đã chết rồi, đã chết đêm qua…

Cuội: Sao?

Lụa: Bà buồn nhớ quê nhà và không quen cảnh sống mà anh giam hãm mẹ tôi vào… Thôi, anh ở lại… Chúc anh vui sướng… Vĩnh biệt *(Ra nhanh)*.

Cuội: *(Gọi theo)* Lụa! Lụa!

([…] Cuội một mình, buồn bã, Bờm xuất hiện.)

Bờm: Anh Cuội ơi, thế tử đã trốn đi… Cô Lụa cũng đã bỏ đi… Đi hẳn…

Cuội: Ta biết rồi. Thế là chỉ còn lại hai ta thôi. Thằng Cuội, thằng Bờm. Chỉ còn hai ta thôi, Bờm nhỉ?

Bờm: Thưa anh… Em định đến xin với anh… Đã lâu lắm em không về quê, không hiểu ruộng nương nhà cửa thế nào, thầy u em ra sao… Em phải về. Nể anh, em đã ở đây lâu quá.

Cuội: Cả chú cũng… Bờm, ở đây với ta, chú được sung sướng cơ mà.

Bờm: Vâng, em được ăn no mặc ấm, nhưng sung sướng thì… Em không biết nói dối, vì anh mà em đã phải gian dối đôi ba lần. Em sợ rồi quen thân đi. Nhưng… anh Cuội ạ, có khác gì đâu: trước em là thằng hầu của công tử Lãn, giờ em là thằng hầu của quan ngự y. Trước là thằng hầu, nay vẫn là thằng hầu. Mà em thì vốn là một tay lực điền khá cơ đấy… Em còn ruộng vườn ở quê… Xin phép anh em về… Nếu anh có gặp cô Sim, em gửi lời chào. Cô bé ngoan quá, giá em lấy được một cô vợ như thế… nhưng em lại chỉ là thằng Bờm… thằng Bờm có cái quạt mo… Thôi, xin chào anh… Em sẽ không bao giờ quên anh, anh Cuội ạ.

Chú ý đến ngôn ngữ đối thoại giữa hai nhân vật Bờm và Cuội.

(Bờm đi khuất.)

Cuội: Sao? Mọi người đều bỏ ta mà đi… Chẳng còn ai… Chẳng còn gì… Không! Lụa ơi! Bờm ơi! Hãy nghe tôi! Nghe tôi nói thật! Cho tôi được nói thật. *(Ôm mặt)* Muộn quá rồi… Tất cả đã đi… Không ai cần mày, mày không làm được gì cho ai… Ở trên đời, có ai khổ như mày không, thằng Cuội? *(Như muốn oà khóc. Đèn tắt.)*

HỒI XI

(Đoạn kết.

Bãi sông. Những lùm cây. Kinh kì phía xa.

Lụa một mình, đứng nhìn về phía kinh thành.)

Lụa: Thôi, thế là từ giã đất Kẻ Chợ, cái kinh thành gian dối, lừa lọc, hỗn độn, ta đi… Từ biệt con người ta đã ở gần trong những ngày qua – anh chàng Cuội. Anh ở lại vui sướng với chức tước giàu sang, với bà vợ dòng dõi… Cô Lụa lại trở về là cô Lụa… Từ biệt Nam Trang tài nhân…

(Bờm từ dưới sông lên, tay cầm mái chèo.)

Bờm: Thuyền đã sẵn sàng rồi chị Lụa ạ. Thuận gió, buồm căng, sẽ chẳng mấy buổi là về đến làng quê em… Đất ở đó trù phú, tha hồ cày cuốc trồng trọt… *(Nhìn về phía kinh thành, chạnh buồn.)*. Lúc đến Kẻ Chợ, có u của chị, có anh Cuội, giờ thì… bác không còn mà cũng chẳng có anh Cuội… Tối nay anh Cuội sẽ thui thủi một mình…

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Lụa: Bờm, chú không bao giờ được nhắc đến cái tên ấy trước mặt ta nữa, nếu chú muốn nhận ta là chị gái của chú, nhớ chưa?

Bờm: *(Thở dài)* Nhớ ạ. Xin phép chị, em xuống thuyền trước. *(Bờm đi khuất xuống sông. Có tiếng gọi: "Nam Trang tài nhân! Nam Trang tài nhân!". Rồi Sim xuất hiện.)*

Sim: Nam Trang tài nhân! Chàng đi? Sao chàng nỡ đột ngột bỏ kinh thành mà đi, không nói gì với em?

Lụa: Cô Sim… Tôi phải đi, cô Sim đáng mến ạ.

Sim: Chàng đi đâu, Nam Trang tài nhân? Em đã không ở với bà Quận chúa nữa, cho em đi với chàng… Chàng đừng cười, hoa chạy theo tìm bướm, thật không ra sao phải không chàng, nhưng em… em không giấu… em không biết nói dối, em là đứa con gái quê mùa dại dột… Sao mà em yêu chàng!

Lụa: Ôi cô bé, tội nghiệp cô. Ta không thể yêu em được, mà em cũng không thể yêu ta được, bởi vì… ta không phải Nam Trang tài nhân, ta không phải trai, ta cũng là gái như em thôi *(Bỏ khăn đầu, mái tóc dài xoã xuống lưng.)*

Sim: *(Kinh ngạc sững sờ)* Sao thế này… Nam Trang tài nhân?

Lụa: Em tốt lắm. Em đừng ở lại nơi đó nữa. Đó là nơi biến người tốt thành kẻ xấu, người trung thực thành kẻ giả dối, chỉ lọc lừa gian trá mới sống được nơi ấy. Em muốn có người trai đáng cho mình yêu dấu ư? Cô bé ngốc ngếch, sao cô lại theo đuổi một người gái giả trai, biết đâu ở bên cô có một người trai khác, cũng tốt, cũng trung hậu, yêu mến cô vô cùng… Người trai ấy kia!

(Bờm xuất hiện, tay cầm mái chèo.)

Bờm: Cô Sim.

Sim: Anh Bờm!

(Cùng lúc ấy vang lên tiếng sáo, tiếng sáo mà đêm nào Cuội đã thổi trước cửa sổ nhà Lụa, tiếng sáo thiết tha trìu mến, thổn thức, rồi tiếng nói cất lên: "Tôi nhớ mãi lần đầu gặp Lụa. Khi đó Lụa không để ý đến tôi đâu, nhưng tôi đã đứng lặng nhìn em mãi… Nụ cười dịu dàng, cái nhìn trong trẻo, đôi mắt soi vào đâu ở đó chỉ có ánh sáng và niềm vui. Ước gì tôi còn nguyên vẹn cuộc đời tốt lành, trong trắng để trao em…". Cuội xuất hiện từ sau bụi cây.)

Cuội: Lụa, tôi không thể ở lại một mình. Tôi không thể sống không có Lụa, không thể sống với điều gian dối. Tôi biết, em vẫn còn khinh ghét tôi nhiều lắm, nhưng hãy cho tôi được đi cùng, chúng ta sẽ tìm đến một cuộc sống không cần đến điều dối trá. Tôi muốn được nhìn thấy em, ở bên em… Lụa!

(Nha và lũ trẻ con chạy ùa ra.)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Lũ trẻ: *(Nhao nhao)* Anh Cuội!

Cuội: Các em ạ, anh sắp phải đi.

Lũ trẻ: Đi đâu?

Cuội: Đi lên giời. Anh nhất quyết rồi. Anh sẽ lên mặt trăng ở với cô Hằng, chăn trâu ở đó. Mỗi đêm rằm, các em nhìn lên mặt trăng, sẽ thấy anh. Mặt trăng tròn sáng vô cùng, như tấm gương soi rọi tâm hồn con người, sẽ có hình anh ở đó. (*Với khán giả*) Đấy là lời nói dối cuối cùng, câu chuyện dối trá cuối cùng của chú Cuội.

(Tiếng sóng nước. Cánh buồm căng lên.)

BÀI HÁT KẾT THÚC

Từ giã những điều gian dối

Ta về với đồng ruộng quê hương

Với những bàn tay làm lụng

Những con người chân thật

Những tâm hồn biết ca hát và yêu nhau…

HẾT

(Lưu Quang Vũ, *Nàng Xi-ta (Sita) và những vở kịch khai thác tích truyện dân gian*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2008, tr. 171 – 181)

Lưu Quang Vũ (1948 – 1988) là nhà thơ, nhà văn và nhà soạn kịch nổi tiếng của Việt Nam thời kì hiện đại. Ông đã viết gần 50 vở kịch. Các vở kịch do ông viết đều được dàn dựng và biểu diễn trên sân khấu của các đoàn nghệ thuật trong cả nước, gây được tiếng vang với cả công chúng và giới nghiên cứu, phê bình. Năm 2000, Lưu Quang Vũ được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật.



Lưu Quang Vũ,
kí hoạ của Bùi Xuân Phái

Kịch bản ***Lời nói dối cuối cùng*** được in trong tuyển tập *Nàng Xi-ta và những vở kịch khai thác tích truyện dân gian*. Đây là tuyển tập bao gồm 5 vở kịch khai thác từ tích truyện dân gian: *Nàng Xi-ta*; *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*; *Ông vua hoá hổ*; *Linh hồn của đá* và *Lời nói dối cuối cùng*. Vở kịch được biên soạn dựa trên những câu chuyện dân gian về nhân vật Cuội như *Nói dối như Cuội*, *Sự tích chú Cuội cung trăng*. Ngoài ra, Lưu Quang Vũ còn khai thác các chất liệu dân gian khác như bài ca dao *Thằng Bờm có cái quạt mo*,…

Trả lời câu hỏi

1. Tìm đọc các truyện dân gian *Nói dối như Cuội*, *Sự tích chú Cuội cung trăng* và cho biết: Có những nhân vật mới nào trong kịch bản của Lưu Quang Vũ so với truyện dân gian? Các nhân vật đó đóng vai trò gì trong vở kịch?
2. Khi xây dựng hình tượng nhân vật Cuội, tác giả đã tiếp thu và cải biên những gì ở truyện dân gian? Sự tiếp thu và cải biên đó có thuyết phục hay không? Vì sao?
3. Cuộc đối thoại giữa Lụa và Cuội thể hiện mâu thuẫn gì? Các mâu thuẫn đó được thể hiện bằng ngôn ngữ như thế nào? Ngôn ngữ đó có gì khác so với ngôn ngữ giao tiếp thông thường?
4. Có thể xem việc tác giả đưa vào vở kịch nhân vật Bờm (vốn ở trong một bài ca dao không nằm trong chùm truyện dân gian về Cuội) là một phá cách, sáng tạo hay không? Vì sao?
5. Ở đoạn kết của vở kịch, Cuội đã quyết định bay lên trời. Theo bạn, quyết định này có mâu thuẫn với các lời nói và hành động của Cuội trong các đoạn trên hay không? Vì sao?
6. So sánh đoạn kết của truyện dân gian *Sự tích chú Cuội cung trăng* với đoạn kết vở kịch *Lời nói dối cuối cùng*, bạn thấy có điểm gì khác nhau? Ý nghĩa của sự khác nhau đó là gì?
7. Thông qua vở kịch, Lưu Quang Vũ đã đề cập vấn đề gì trong đời sống đương đại?
8. Nếu muốn biểu diễn vở kịch này, bạn sẽ làm gì để kịch bản của Lưu Quang Vũ gần gũi hơn với đời sống đương đại?

II. XEM VỞ DIỄN

Vở kịch *Lời nói dối cuối cùng* được Lưu Quang Vũ sáng tác vào năm 1985, sau đó được công diễn trên sân khấu Nhà hát Tuổi trẻ trong những năm 1986, 1987. Năm 2016, nhân kỉ niệm 28 năm ngày mất của Lưu Quang Vũ, vở kịch đã được dàn dựng lại trên sân khấu Nhà hát Tuổi trẻ, do Nghệ sĩ Ưu tú Chí Trung làm đạo diễn.

Nếu không có điều kiện xem trực tiếp vở diễn *Lời nói dối cuối cùng* trên sân khấu, bạn có thể xem các video về vở diễn này trên internet.

Tuỳ điều kiện từng nơi, bạn có thể xem những vở diễn khác dựa trên kịch bản chuyển thể một tác phẩm văn học nào đó mà bạn đã quen biết. Khi xem, hãy chú ý so sánh đời sống trên sân khấu và đời sống trong văn bản ngôn từ gốc của một tác phẩm văn học, từ đó, rút ra những nhận xét cần thiết về vấn đề sân khấu hoá tác phẩm văn học.

Trả lời câu hỏi

1. Đọc thông tin về ê-kíp sản xuất của vở kịch *Lời nói dối cuối cùng* năm 2016 và cho biết vai trò của mỗi thành phần tham gia vở kịch.

   Tác giả: Lưu Quang Vũ

   Đạo diễn: Nghệ sĩ Ưu tú Chí Trung

   Hoạ sĩ: Nghệ sĩ Ưu tú Doãn Bằng

   Nhạc sĩ: Quốc Trung

   Thiết kế ánh sáng: Xuân Khánh

   Biên đạo múa: Nghệ sĩ Ưu tú Cao Ngọc Ánh

   Trợ lí đạo diễn: Quỳnh Dương

   Truyền thông: am5

   Chỉ đạo thực hiện chương trình: Giám đốc Trương Nhuận

   Âm thanh: Ngọc Long – Anh Tuấn

   Ánh sáng: Hoài Anh

   Chỉ huy buổi biểu diễn: Nghệ sĩ Quỳnh Dương, nghệ sĩ Ngọc Quang

2. Bạn nhận xét như thế nào về cách sử dụng ngôn ngữ hình thể của diễn viên trên sân khấu? Ngôn ngữ hình thể ấy đóng vai trò gì trong việc thể hiện nhân vật?

3. Ngôn ngữ của người Việt nơi thôn quê xưa đã được thể hiện qua những yếu tố nào trong các lời đối thoại trên sân khấu?

4. Không gian sân khấu khác không gian đời thực ở điểm nào? Làm thế nào để có thể vừa truyền tải được thông điệp nghệ thuật, vừa đem lại cho người xem cảm giác sống động, tự nhiên nhất?

5. Các yếu tố như ánh sáng, âm thanh, đạo cụ có tác dụng gì?

6. So sánh kịch bản sân khấu và vở diễn, bạn có nhận xét gì về những cải biên của đạo diễn và diễn viên?

7. Làm thế nào để một vở diễn vốn được dàn dựng dựa trên truyện cổ dân gian và được viết từ hơn hai mươi năm trước lại có thể gần gũi và hấp dẫn những người xem đương đại?

8. Việc sân khấu hoá có tác động như thế nào tới số phận của tác phẩm văn chương?

Phần 2

THỰC HÀNH SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. ĐỌC KỊCH BẢN SÂN KHẤU

- Nếu được yêu cầu chuyển thể một tác phẩm văn học lên sân khấu, bạn sẽ chọn tác phẩm nào? Vì sao?
- Đọc truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài và cho biết: Nếu chuyển thể tác phẩm này thành một tiểu phẩm sân khấu, bạn sẽ lựa chọn cảnh nào? Hãy cho biết lí do lựa chọn của bạn.

BÀI THAM KHẢO

Mị cởi trói cho A Phủ

(Chuyển thể một đoạn trong *Vợ chồng A Phủ* – Tô Hoài)

Mị cởi trói cho A Phủ là kịch bản chuyển thể hai trường đoạn trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* (1952) của nhà văn Tô Hoài sang ngôn ngữ sân khấu. Bối cảnh được xác định là một đêm mùa xuân với hai nhân vật chính, một nữ, một nam – những người đang lâm vào cảnh sống địa ngục ở nhà thống lí Pá Tra. Mị (nhân vật nữ) phải chịu thân phận đau khổ của người con dâu gạt nợ, tuy vậy, giấc mơ về cuộc sống tự do không hề lụi tắt, chỉ chờ dịp là bùng lên. Còn A Phủ (nhân vật nam) là một con ở gạt nợ, lúc này đang chịu hình phạt nặng nề, bị trói đứng vào cột để chờ chết. Hai người có thể đồng cảm được với nhau trong nhận thức về thân phận, cảnh ngộ và tình thế hay không? Nếu có, sự đồng cảm này sẽ dẫn họ đến những hành động gì? Rõ ràng, đây là những câu hỏi thể hiện kịch tính của sự việc[1].

Kịch bản dưới đây đã hợp nhất và chuyển thể hai trường đoạn đặc sắc trong truyện ngắn sang hình thức nhạc kịch, có thể được dàn dựng để biểu diễn trên nền ngôn ngữ của âm nhạc và vũ đạo.

---

[1] Xem đoạn trích truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ*, trang 65 – 66 trong sách này.

CẢNH LỄ HỘI

Một khung nhà có cửa sổ bên phải sân khấu (4 người giữ).

10 người (bao gồm MỊ QUÁ KHỨ) nhảy múa trên nền nhạc dân tộc.

(biểu cảm: vui tươi, tràn đầy sức sống)

Có tiếng sáo, tiếng nói cười.

MỊ HIỆN TẠI *(ngồi trong nhà, nhìn cảnh lễ hội qua cửa sổ).*

Chuyển cảnh: Mọi người rời đi.

MỊ QUÁ KHỨ *(ở lại – bên trái sân khấu, vẫy tay chào tạm biệt)*

CẢNH MỊ QUÁ KHỨ VÀ MỊ HIỆN TẠI

Một khung nhà có cửa sổ bên phải sân khấu (giữ nguyên).

Chia đôi sân khấu.

MỊ HIỆN TẠI

(Đi ra khỏi khung nhà một cách vội vã, đưa tay ra như muốn nắm lấy gì đó, nhưng lại rụt tay lại; hai tay để trước ngực.)

MỊ QUÁ KHỨ

(Sau khi tạm biệt đám người, múa cùng MỊ HIỆN TẠI.)

MỊ HIỆN TẠI

(Biểu cảm nuối tiếc, đau đớn mắt ngước cao nhìn trời.)

(Hát)

Tôi mơ về nơi tình yêu nhân thế[1]

Khi xung quanh đây chẳng còn cõi lầm than

Tôi mơ về nơi tình yêu không chết

Khi xuân đang sang và tiếng sáo bình an

Khi tâm hồn đây còn chưa tăm tối

Ngập trong màn đêm, quạnh hiu chốn chiều hôm

Thanh âm mênh mang buồng không heo hắt

Vùi sâu thật sâu địa ngục chốn trần gian.

(Đưa tay lên ngực, nhìn sang phía MỊ QUÁ KHỨ

MỊ QUÁ KHỨ đang múa.)

Chú ý đến các chỉ dẫn sân khấu (âm thanh, ánh sáng, hành động của các nhân vật,...).

Chú ý đến diễn xuất của các diễn viên. Cho biết diễn xuất đó thể hiện cảm xúc gì của nhân vật.

(1) Lời bài hát được mô phỏng theo ca khúc *I dreamed a dream* (Tôi mơ một giấc mơ) trong vở nhạc kịch *Những người khốn khổ* được công diễn lần đầu vào năm 1980 tại Pháp.

CẢNH MỊ CỞI TRÓI CHO A PHỦ

ÁNH SÁNG

Ánh sáng tự nhiên/ ánh sáng xanh 50%, đèn phía trên và phía trước chiếu vào A Phủ ở đoạn "Tôi mơ…".

Đèn phía trước chiếu vào Mị khi đi vào, ánh sáng tự nhiên 60% (để nhìn thấy diễn viên phụ).

Ánh sáng mạnh dần lên khi Mị tiến tới chỗ A Phủ.

Đèn phía trên chiếu vào A Phủ, đèn phía trên và phía trước chiếu vào Mị.

Chú ý đến hiệu ứng ánh sáng và diễn xuất của diễn viên.

Ánh sáng xanh cảnh cởi trói.

Ánh sáng tự nhiên 50%, đèn phía trước chiếu vào A Phủ và Mị.

Đèn tắt toàn bộ.

Ánh sáng bật chỉ tập trung vào A Phủ bị trói và Mị.

A PHỦ

(Hướng mặt về phía xa xăm

Các bóng ma múa hình tượng dây thừng xuất hiện

Biểu cảm sợ sệt

Cố gắng phản kháng nhưng không thể.)

(Hát)

Tôi mơ về nơi bình minh đang tới

Tan bao vinh quang của ngày tháng còn đâu

Bơ vơ tôi mơ tình yêu đã chết

Không gian hoang vu chỉ còn có mình ta

Màn đêm tới không chút hi vọng

Vờn những bóng ma lang dại còn vương

Hoà trong tiếng âm u nơi này

Cùng giết chết tâm hồn héo hon.

MỊ

(Hát đuổi cùng lúc với A Phủ)

Hoà trong tiếng âm u nơi này

Cùng giết chết tâm hồn héo hon… ôi tôi dâng lấy

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MỊ

(Ôm nồi cơm bước ra từ cánh gà.

Đặt lên bếp thổi lửa.

Biểu cảm buồn chán, không cảm xúc.

Liếc nhìn A Phủ rồi lại làm việc.)

A PHỦ

(Sự vùng vẫy yếu dần, buông thõng tay bất lực.)

(Hát)

Lặng thinh nhìn căn phòng hoang heo hắt

MỊ *(hát đuổi)*

... Máu xiết lấy tấm thân gầy

A PHỦ

Ôi… tâm hồn ta, lìa xác với trần gian

MỊ *(hát đuổi)*

... Loài người tàn ác một đời

A PHỦ

Tôi dang đôi tay ghì chặt thân thể

MỊ *(hát đuổi)*

... Mơ tình yêu nhân thế

A PHỦ

Mang bao âu lo tôi dâng tặng người

MỊ *(hát đuổi)*

... Tan bao âu lo trong lòng này

MỊ

Như bao thanh âm lạc trong đêm tối

Thanh xuân chơi vơi hoà tiếng sáo còn vang

Nhen lên trong tim là bao mơ ước

Tương lai không giam người trong kiếp khổ đau.

(Toan lại gần cứu thì bị cản lại bởi bóng ma

Múa hình tượng dây trói của chính Mị

Bật ra khỏi bóng ma

Chạy đến bên A Phủ

Chú ý đến chỉ dẫn về diễn xuất và lời thoại của diễn viên.

Chú ý chỉ dẫn diễn xuất.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Đưa tay nâng mặt A Phủ lên, nhìn một lúc rồi đặt xuống

Nhìn ngó xung quanh, sờ vào dây trói xung quanh A Phủ

Biểu cảm xót thương, lo lắng

Giọng hổn hển.)

Chúng nó thật độc ác, chúng nó bắt trói người ta thâm tím cả mình mẩy. Chỉ đêm mai thôi là người kia chết. Chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Nhưng lỡ như cha con thống lí biết ta đã cởi trói cho hắn, ta cũng sẽ chết trên cái cọc ấy. Đến chết số phận cũng gắn vào một cái cọc, chết dưới lằn dây hung hãn của một lũ ác độc.

Chú ý sự thay đổi trong hình thức lời thoại của nhân vật so với đoạn đầu.

(Cúi đầu suy nghĩ

Đứng thẳng dậy, hít một hơi lấy dũng khí

Giọng quả quyết.)

Không, A Phủ không thể chết được. Ta phải cứu lấy hắn, phải cứu lấy một mảnh đời bi thảm như ta.

(Chạy lại gỡ từng cánh tay đang tạo hình dây thừng ôm lấy A Phủ

Ánh sáng dần lan khắp sân khấu.)

A PHỦ

(Đổ rạp xuống vì mất sức.)

MỊ

(Dìu A Phủ dậy, thúc giục, lay cho tỉnh

Giọng vội vã.)

A Phủ chạy, chạy đi...

A PHỦ

(Ngoảnh nhìn Mị

Biểu cảm thương xót lo lắng

Giọng hổn hển.)

Còn cô… cô thì sao?

MỊ

(Lắc đầu, tiếp tục lay A Phủ dậy

Giọng vội vã.)

Đừng lo cho tôi, chạy… chạy đi...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

A PHỦ

(Nhìn Mị một thoáng rồi vùng chạy nhanh

Đang chạy thì hơi ngã khuỵu vì đau, tay ôm bắp đùi.)

MỊ

(Cúi đầu suy nghĩ

Ngẩng bật dậy

Giọng quả quyết, vội vã, hét.)

A Phủ cho tôi theo với

(Đứng dậy vừa chạy đến vừa nói.)

Cho tôi… cho tôi theo với

(Nắm lấy cánh tay A Phủ.)

Ở lại đây thì chết mất.

A PHỦ

(Nhìn Mị một hồi

Gật đầu dứt khoát

Hít một hơi lấy dũng khí

Cầm tay Mị chạy khỏi sân khấu.)

Dẫn chuyện: Sau khi vượt qua muôn vàn khó khăn trắc trở, A Phủ và Mị đến được Phiềng Sa. Từ phía xa, họ đã nhìn thấy vẻ đẹp trù phú của rừng núi nơi đây cùng với những người dân chân chất đang hăng say lao động. Một tương lai mới đang vẫy chào hai người.

(Tập thể lớp M49, khoá 2017 – 2020, Trường Trung học phổ thông Chuyên Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội)

Trả lời câu hỏi

1. Kịch bản sân khấu đã có thay đổi như thế nào về bố cục so với tác phẩm văn học? Sự thay đổi đó có thuyết phục không? Vì sao?
2. Những đoạn miêu tả nội tâm trong truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* đã được chuyển thể thành những yếu tố nào trong kịch bản sân khấu? Cách chuyển thể đó tạo nên hiệu ứng gì đối với người xem?
3. Các yếu tố như âm thanh, ánh sáng, đạo cụ,... đã được sử dụng như thế nào trong kịch bản sân khấu? Nếu biểu diễn vở kịch, bạn sẽ điều chỉnh những yếu tố đó ra sao để phù hợp với điều kiện hiện có của mình?

4. Những chỉ dẫn diễn xuất có phù hợp với lời thoại của nhân vật và với nội dung, thông điệp của kịch bản hay không? Nếu được viết lại, bạn muốn thay đổi những gì?

5. Theo bạn, khi chuyển thể một tác phẩm văn học sang một kịch bản sân khấu, có thể sáng tạo những gì? Đâu là điều không thể thay đổi?

6. Hãy nhận xét về cách chuyển thể của tác giả trong kịch bản và đề xuất những thay đổi để vở kịch có thể gần gũi hơn với khán giả dựa trên gợi ý sau:

NHẬN XÉT VỀ KỊCH BẢN		
Hạng mục	**Đánh giá**	**Đề xuất thay đổi**
Bố cục		
Nhân vật		
Lời thoại		
Âm thanh		
Ánh sáng		

II. NHỮNG NHÂN TỐ CƠ BẢN CỦA HOẠT ĐỘNG SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Kịch bản

Kịch bản thể hiện ý tưởng chi phối quá trình sân khấu hoá. Kịch bản đòi hỏi người viết phải cân nhắc về thời gian và điều kiện khả thi. Thành tố quan trọng nhất của kịch bản là hành động và lời thoại.

Hành động trên sân khấu không chỉ là động tác diễn viên thể hiện mà còn là sự biểu lộ ra bên ngoài mục đích, động cơ, lí tưởng của nhân vật để đạt được một kết quả nào đó. Hành động thường được biểu hiện một cách ước lệ. Ví dụ, trên sân khấu chèo, diễn viên có thể sử dụng chiếc quạt như một đạo cụ để thể hiện các hành động như đọc tờ lệnh của nhà vua (diễn viên xoè quạt ra, nhìn vào đó đọc chăm chú) hoặc trừng trị kẻ có tội (diễn viên cúp quạt vào rồi lại xoè quạt ra),...

Lời thoại trong kịch bản sân khấu có thể là lời đối thoại, tức lời các nhân vật nói với nhau, hoặc lời độc thoại, tức là lời nội tâm của nhân vật được thể hiện công khai trước khán giả. Bên cạnh đó, còn có thể nói tới bàng thoại – tức lời nhân vật nói với khán giả. Chẳng hạn, trong kịch của Béc-tôn Bờ-rếch (Bertolt Brecht), thường có hiện tượng các nhân vật đang trò chuyện với nhau thì bỗng một nhân vật tiến về phía khán giả,

nói với họ một vài câu để giải thích tình huống, chia sẻ một bí mật và giả định các nhân vật khác (trên sân khấu) không nghe thấy lời nói của mình. Thoại trong kịch bản sân khấu hoá cần phải là một thứ ngôn ngữ sắc sảo, gây ấn tượng mạnh bởi sự rõ ràng của quan điểm cá nhân hoặc những cách nói đặc biệt, dễ ghi sâu vào trí nhớ của người xem và lời thoại không nên là những lời tản mạn, vu vơ, thiếu tính biểu cảm.

2. Dàn dựng

Nghệ thuật sân khấu vốn dĩ là loại hình nghệ thuật mang tính tập thể cao, nên việc sân khấu hoá tác phẩm văn học, dù chỉ diễn ra trong không gian học đường, vẫn là hoạt động đòi hỏi khả năng làm việc nhóm, trong đó, sự phân công công việc theo năng lực và yêu cầu của nhiệm vụ học tập là rất cần thiết.

Ba thành phần cần phải quan tâm nhất trong hoạt động này là: *kịch bản*; *đạo diễn* (người làm việc với kịch bản, diễn viên và các thành viên khác trong nhóm để chuyển hoá văn bản ngôn từ của kịch bản thành một hoạt cảnh trình diễn); *diễn viên* (nhân tố hiện thực hoá ý đồ của kịch bản và đạo diễn trên sân khấu). Tuy nhiên, chỉ diễn viên là thành phần được hiện diện trực tiếp trên sân khấu, mặc dù không có kịch bản và đạo diễn thì diễn viên không thể thực hiện được vai trò của mình.

Người được giao nhiệm vụ đạo diễn cần tư duy về loại hình sân khấu mà mình sẽ lựa chọn để sân khấu hoá tác phẩm văn học. Đó có thể là loại hình sân khấu truyền thống hoặc hiện đại. Trong môi trường học đường, học sinh cũng có thể thể nghiệm các hình thức sân khấu lai ghép như kịch và âm nhạc, kịch và múa,... Việc tính toán dàn dựng sân khấu (trong điều kiện có thể) cũng là việc phải lưu tâm. Chẳng hạn, cần thiết kế phông nền sân khấu như thế nào để làm sống dậy bối cảnh, đặc biệt là những kịch bản lấy bối cảnh đặc thù như thời quá khứ hay không gian thiên nhiên.

Đối với diễn viên, diễn xuất không bao giờ chỉ là việc đọc thoại. Để diễn xuất tốt, diễn viên phải cảm thụ được kịch bản và nhân vật, chỉ khi đó mới có thể hình dung được các cách biểu hiện tính cách, nội tâm hay tư tưởng của nhân vật sao cho có thể gây ấn tượng mạnh với công chúng.

III. CÁC BƯỚC SÂN KHẤU HOÁ TÁC PHẨM VĂN HỌC

Hình thành ý tưởng

Chọn hiện tượng văn học

Bạn có thể chọn một nhân vật, tác phẩm, đoạn trích gây ấn tượng với bạn (gợi mở suy nghĩ, đối thoại, tưởng tượng, sáng tạo) hoặc gần gũi, quen thuộc; có khả năng gợi hứng thú, sự đồng cảm, quan tâm của người xem.

Tìm kiếm ý tưởng sân khấu hoá

Ngoài việc sử dụng các chất liệu sân khấu để minh hoạ cho tác phẩm văn học, bạn cũng có thể phóng tác các tác phẩm văn học theo nhiều cách khác nhau: đối thoại với nhân vật,

đối thoại với tác giả, thay đổi điểm nhìn, kể tiếp câu chuyện, thay đổi kết thúc, thêm vào một nhân vật mới, thay đổi hình tượng nhân vật đã quen thuộc, thay đổi bối cảnh sống của nhân vật,... Tuỳ vào thông điệp mà bạn muốn truyền tải tới người xem, bạn có thể lựa chọn những cách phóng tác khác nhau.

Lựa chọn hình thức biểu diễn

Trình diễn vở kịch một cách trực tiếp trên sân khấu hoặc trình diễn gián tiếp thông qua các video clip, web drama, trang mạng xã hội,... Bạn cũng có thể lựa chọn các hình thức nghệ thuật khác nhau để trình diễn vở kịch như kịch nói, nhạc kịch, kịch hình thể, tuồng, chèo, múa rối,...

Lập dàn ý cho kịch bản

Để lập dàn ý cho kịch bản, cần đặt ra và trả lời một số câu hỏi sau:

– Phần biểu diễn trên sân khấu sẽ chia thành các màn/ hồi như thế nào?

– Các sự kiện được sắp xếp theo trình tự ra sao?

– Tầm quan trọng của từng cảnh là gì?

– Thông điệp bạn muốn truyền tải trên sân khấu là gì?

– Cần sắp xếp các yếu tố sân khấu ra sao để làm nổi bật thông điệp đã xác định?

Viết kịch bản

Kịch bản sân khấu là khâu trung gian để chuyển tác phẩm văn học (một loại hình nghệ thuật dùng để đọc) sang trình diễn sân khấu (một loại hình nghệ thuật nghe nhìn). Việc triển khai kịch bản sân khấu phụ thuộc chặt chẽ vào loại hình nghệ thuật mà bạn sử dụng để trình diễn, ví dụ: kịch bản cho một vở chèo khác với kịch bản cho một vở kịch hình thể. Song nói chung, việc viết kịch bản thường có các thao tác sau:

– Ghi tiêu đề kịch bản, tên tác giả, tác phẩm văn học mà bạn chuyển thể ở phần mở đầu của kịch bản.

– Ghi tiêu đề cảnh mỗi khi chuyển sang cảnh mới.

– Mô tả bối cảnh và hành động: Miêu tả ngắn gọn thời gian, địa điểm, giới thiệu tóm lược về nhân vật, cung cấp những chỉ dẫn về hành động, thái độ, ngữ điệu của nhân vật để có thể cụ thể hoá ý đồ của vở kịch trên sân khấu.

Tập dượt theo kịch bản và chỉnh sửa kịch bản

Quá trình tập dượt kịch bản là quá trình hiện thực hoá các ý tưởng sân khấu. Trong đó, đạo diễn, diễn viên, hoạ sĩ thiết kế,... đều trở thành những người đồng sáng tạo. Vì thế, quá trình tập dượt cũng đồng thời là quá trình sáng tạo và tiếp tục chỉnh sửa kịch bản ban đầu.

Biểu diễn

Mỗi loại hình sân khấu có một ngôn ngữ biểu đạt riêng, song toàn bộ quá trình biểu diễn trên sân khấu phải dựa trên sự hiểu biết và cảm nhận sâu sắc về nhân vật và thông điệp trong vở kịch. Trong quá trình biểu diễn, cần lưu ý:

– Giọng nói trên sân khấu khác với giọng đối thoại trong giao tiếp đời thường, vì đó là giọng của nhân vật.

– Cử chỉ, hành động, hình thể cần lột tả rõ ý chí, động cơ, tính cách của từng nhân vật.

– Phông nền sân khấu mang tính ước lệ, vừa phải lột tả được thông điệp của vở kịch, vừa phải đem lại cho người xem cảm giác đó là không gian tự nhiên.

– Âm thanh, ánh sáng, đạo cụ,... cần được phối hợp để lôi cuốn người xem và góp phần biểu đạt thông điệp của vở diễn.

Lưu ý: Đối với các hình thức sân khấu hoá tác phẩm văn học như ngâm thơ, trình diễn thơ, hát ca khúc phổ thơ, diễn xướng sử thi hay truyện thơ,... có thể không nhất thiết tuân theo các bước trên. Tuy nhiên, vẫn cần định hình ý tưởng, cân nhắc về tính phù hợp của động tác trình diễn, trang phục và các hiệu ứng mà màn trình diễn có thể đem đến cho người thưởng thức.

IV. THỰC HÀNH

1. Thử diễn xuất một kịch bản chèo hoặc tuồng được học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*, tập một.
2. Sân khấu hoá truyện ngắn *Lão Hạc* (Nam Cao), bắt đầu từ lời kể của nhân vật anh con trai lão Hạc.
3. Dàn dựng màn đối thoại giữa một nhân vật là con người hiện đại với nhân vật Ngô Tử Văn trong *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên* (Nguyễn Dữ) nhằm làm rõ lựa chọn của Ngô Tử Văn.
4. Đặt sự kiện được kể trong đoạn trích *Héc-to (Hector) từ biệt Ăng-đrô-mác (Andromache)* vào bối cảnh đời sống đương đại và dàn dựng thành một vở kịch ngắn trên sân khấu.
5. Dàn dựng một màn đối thoại với các nhân vật trong truyện dân gian Việt Nam.

TƯ LIỆU

Vợ chồng A Phủ

(Trích)

Tô Hoài

Tóm tắt: Truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* được Tô Hoài sáng tác vào năm 1952 và cho in trong tập *Truyện Tây Bắc* (1953). Nhân vật trung tâm của truyện ngắn này là Mị và A Phủ, đôi trai gái người Mông ở vùng Hồng Ngài, Tây Bắc. Mị là một cô gái xinh đẹp, tài hoa và yêu chuộng tự do. Vì gia đình có nợ nhà thống lí Pá Tra một khoản tiền từ lâu chưa trả được nên Mị bị A Sử – con trai của thống lí – bắt về làm vợ. Từ đó, Mị phải làm con dâu gạt nợ, chịu sự bóc lột cả về thể chất lẫn tinh thần, sống khổ sở hơn cả trâu ngựa. Thế nhưng, vào một đêm tình mùa xuân, khi nghe tiếng sáo gọi bạn từ xa vẳng tới, Mị đã bồi hồi nhớ về thời thiếu nữ và muốn thoát khỏi cuộc sống ngục tù trong nhà thống lí Pá Tra. Nhưng khát vọng giải thoát và hướng đến tự do của Mị đã bị A Sử dập tắt phũ phàng. Sau đêm ấy, Mị lại trở về với nếp sống lầm lũi, câm lặng, chịu đựng, sống mà như đã chết. A Phủ là một chàng trai mồ côi cha mẹ từ nhỏ, khoẻ mạnh và dũng cảm. Trong hội xuân, A Phủ đã đánh A Sử do bất bình về những hành động gây sự của hắn. Việc này khiến A Phủ bị nhà thống lí Pá Tra bắt phạt vạ 100 đồng bạc. Vì không có tiền nộp phạt, A Phủ phải làm con ở để trừ nợ, được giao việc chính là chăm sóc đàn bò của nhà thống lí. Một lần, do để hổ về mất một con bò, A Phủ bị thống lí Pá Tra trừng phạt, bị trói đứng vào cột trong nhiều ngày giữa trời giá lạnh, không được cho ăn uống, chỉ còn chờ chết. Trước cảnh A Phủ chịu hình phạt tàn nhẫn này, ban đầu Mị thờ ơ, dửng dưng, nhưng khi bất chợt nhìn thấy giọt nước mắt của A Phủ, Mị đã thay đổi. Cô quyết định cởi trói cứu A Phủ, cùng A Phủ bỏ trốn sang Phiềng Sa rồi kết duyên vợ chồng.

Cảnh đêm tình mùa xuân và cảnh Mị cắt dây cởi trói cứu A Phủ được xem là hai trường đoạn đặc sắc, miêu tả sống động những biến chuyển trong tâm lí của nhân vật Mị.

***

Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn, nếu không có bếp lửa sưởi kia thì Mị cũng đến chết héo. Mỗi đêm, Mị đã dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần.

Thường khi đến gà gáy sáng, Mị ngồi dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu thì các chị em trong nhà mới bắt đầu dậy dóm lò bung ngô, nấu cháo lợn. Chỉ chợp mắt được từng lúc, Mị lại thức sưởi lửa suốt đêm. Mỗi đêm, khi nghe tiếng phù phù thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa sưởi bùng lên, cùng lúc ấy thì Mị cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ trừng trừng, mới biết A Phủ còn sống. Mấy đêm nay như thế. Nhưng Mị vẫn thản nhiên thổi lửa,

hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi. Mị vẫn trở dậy, vẫn sưởi, chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chợt về, thấy Mị ngồi đấy, A Sử đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau Mị vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya. Trong nhà đã ngủ yên thì Mị trở dậy thổi lửa. Ngọn lửa bập bùng sáng lên, Mị lé mắt trông sang, thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại. Nhìn thấy tình cảnh như thế, Mị chợt nhớ lại đêm năm trước A Sử trói Mị, Mị cũng phải trói đứng thế kia. Nhiều lần khóc, nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi, nó bắt trói đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết thế. A Phủ... Mị phảng phất nghĩ như vậy.

Đám than đã vạc hẳn lửa. Mị không thổi, cũng không đứng lên. Mị nhớ lại đời mình, Mị lại tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã trốn được rồi, lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị đã cởi trói cho nó, Mị liền phải trói thay vào đấy, Mị phải chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, trong tình cảnh này, làm sao Mị cũng không thấy sợ...

Lúc ấy, trong nhà đã tối bưng, Mị rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt nhưng Mị tưởng như A Phủ đương biết có người bước lại... Mị rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ cứ thở phè từng hơi, không biết mê hay tỉnh. Lần lần, đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì Mị cũng hốt hoảng, Mị chỉ thì thào được một tiếng "Đi ngay...", rồi Mị nghẹn lại. A Phủ bỗng khuỵu xuống, không bước nổi. Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy.

Mị đứng lặng trong bóng tối.

Rồi Mị cũng vụt chạy ra. Trời tối lắm. Nhưng Mị vẫn băng đi. Mị đuổi kịp A Phủ, đã lăn, chạy, chạy xuống tới lưng dốc. Mị nói, thở trong hơi gió thốc lạnh buốt:

– A Phủ cho tôi đi.

A Phủ chưa kịp nói, Mị lại nói:

– Ở đây thì chết mất.

A Phủ chợt hiểu.

Người đàn bà chê chồng đó vừa cứu sống mình.

A Phủ nói: "Đi với tôi". Và hai người lẳng lặng đỡ nhau lao chạy xuống dốc núi.

(**Lược phần cuối:** *Hai người thành vợ chồng và trốn sang Phiềng Sa. Quân Pháp tràn tới, dân Phiềng Sa lại hoang mang lo sợ. A Châu, cán bộ Đảng đã tìm đến. A Phủ kết nghĩa anh em với A Châu. Rồi A Phủ trở thành tiểu đội trưởng du kích, cùng với Mị và đồng đội bảo vệ quê hương.*)

(Theo *Ngữ văn 12*, tập hai,
NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2018, tr. 13 – 14)

CHUYÊN ĐỀ 3

ĐỌC, VIẾT, GIỚI THIỆU MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

Yêu cầu cần đạt

- Biết cách đọc một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.
- Biết cách viết bài giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.
- Biết cách trình bày, giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết.

TRI THỨC TỔNG QUÁT

Thơ

Thơ là dạng thức tổ chức ngôn từ nghệ thuật biểu cảm, có nhạc tính, gần với lời ca, tiếng hát, phân biệt với văn xuôi vốn sử dụng ngôn từ gần với lời nói thông thường. Ý thơ thường hàm súc, cô đọng, xúc cảm trong thơ thường được dồn nén, song thế giới nghệ thuật thơ lại được kiến thiết bởi những hình ảnh, sắc màu sinh động, giàu tính biểu trưng với những phép chuyển nghĩa, những kết hợp ngôn từ ấn tượng, có thể được "lạ hoá", khơi gợi liên tưởng phong phú, do vậy mà đa nghĩa, có nhiều hàm ý. Với tổ chức ngôn từ như thế, thơ có khả năng diễn tả những suy tư, tình cảm mãnh liệt hoặc những rung cảm tinh tế, phức tạp, đôi khi mơ hồ, khó lí giải của con người đối với những hiện tượng xảy ra trong cuộc sống.

Thơ rất đa dạng về loại và thể. Về loại hình sáng tác, có thể phân biệt thơ trữ tình với thơ tự sự (sử thi, truyện thơ,...), kịch thơ, hoạt cảnh thơ. Về thể thơ, có thể phân biệt những thể thơ có thi luật ổn định như thơ lục bát, song thất lục bát, các thể thơ Đường luật, thơ xon-nê (sonnet), thơ hai-cư (haiku),... với thơ tự do, thơ văn xuôi. Về dung lượng, có thể phân biệt bài thơ nhỏ với trường ca. Về đề tài, có thơ ngụ tình (tình cảm giữa con người với con người, với gia đình, quê hương, Tổ quốc,...), thơ thuyết lí (suy tư về những triết lí nhân sinh, đạo đức,...), thơ tả cảnh (thể hiện cảm xúc trước một cảnh thiên nhiên hay khung cảnh nào đó), thơ tức sự (thể hiện cảm xúc, suy tư trước một sự việc, hiện tượng, một tình huống cuộc sống nào đó) hay những dạng phức hợp của các đề tài trên.

Mỗi một thời đại thi ca, cũng như một trào lưu, trường phái thi ca có một vẻ mặt riêng, được xác định bằng những đề tài, chủ đề, thể thơ, hình ảnh thơ, kiểu nhân vật trữ tình, phương thức cấu tứ,... mang tính đặc trưng.

Một số bài thơ có thể được chính tác giả hay người tuyển chọn hợp lại thành **chùm thơ**, dựa trên sự thống nhất hay liên quan với nhau về đề tài, chủ đề, giai đoạn sáng tác, thể loại,...

Tập hợp nhiều bài thơ (có thể xen lẫn cả trường ca) trong một cuốn sách làm thành **tập thơ**.

Tập thơ có nhiều loại:

Tập thơ của một tác giả có thể được chính tác giả hay người biên soạn, nhà xuất bản tuyển lựa theo các tiêu chí khác nhau: thời gian, địa điểm, giai đoạn sáng tác, hoặc loại hình tác phẩm (thể thơ, đề tài, chủ đề, cảm hứng, hình tượng,...). Nhan đề của tập thơ có thể được đặt theo tên một bài thơ, trường ca tiêu biểu nhất, cũng có thể được đặt theo tiêu chí lựa chọn dựa vào tính tiêu biểu của tác phẩm. Vì vậy, nhiều tập thơ có tên là *Tuyển tập*.

Tập thơ của nhiều tác giả được nhóm tác giả hay người biên soạn, nhà xuất bản tuyển lựa. Việc tuyển lựa có thể được tiến hành theo tiêu chí giai đoạn lịch sử, thời đại, thành phần xã hội, lứa tuổi, giới tính, trào lưu, trường phái,... theo tiêu chí loại hình tác phẩm (thể thơ, đề tài, chủ đề, cảm hứng, hình tượng,...). Một tập thơ như thế có khi mang tên một bài thơ, trường ca tiêu biểu được chọn đưa vào sách, nhưng cũng có khi mang tên mới, được đặt trong quá trình làm sách, không gắn với bài cụ thể nào, miễn sao bao quát được vấn đề, khía cạnh chung nào đó của cả tập.

Truyện ngắn

Truyện ngắn thuộc loại hình tự sự, thường được viết bằng văn xuôi, ngắn gọn, súc tích. Hệ thống tình tiết, chi tiết trong truyện ngắn cô đúc, tập trung cao độ vào một câu chuyện diễn ra trong một không gian, thời gian dồn nén, trong đó có thể có một tình huống truyện được "lạ hoá" đến bất thường với một biến cố làm thay đổi cuộc sống của nhân vật. Truyện ngắn thường được tổ chức đơn tuyến, nếu có mở rộng cũng là theo nguyên tắc liên tưởng, tương phản, có thể tỉnh lược những móc nối, những dẫn dắt. Truyện ngắn thường ít nhân vật, ít sự kiện phức tạp, song phông nền, bối cảnh có thể gợi liên tưởng bao quát từ một lát cắt cuộc sống đến cả một đời người, một thời đại, một mô hình cuộc sống.

Truyện ngắn khi đăng tải trên báo, tạp chí thường kì có thể được tác giả hay người tuyển chọn móc nối, nhóm lại với nhau thành truyện ngắn **bộ đôi**, **bộ ba** hay **chùm truyện ngắn**.

Tập hợp nhiều truyện ngắn trong một cuốn sách làm thành **tập truyện ngắn**.

Tập truyện ngắn có thể có các loại:

Tập truyện ngắn của một tác giả là kết quả tuyển lựa của chính tác giả hay người biên soạn, nhà xuất bản theo các tiêu chí: thời gian, địa điểm, giai đoạn sáng tác,...; loại hình tác phẩm (loại truyện, đề tài, chủ đề, cảm hứng, hình tượng,...). Nhan đề của tập truyện ngắn có thể lấy theo nhan đề một truyện nào đó từng được dư luận tán thưởng rộng rãi, cũng có thể lấy tên chung là *Tuyển tập* (theo tiêu chí đã được xác định từ trước).

Tập truyện ngắn của nhiều tác giả được chính nhóm tác giả hay người biên soạn, nhà xuất bản tập hợp theo tiêu chí giai đoạn lịch sử, thời đại, thành phần xã hội, lứa tuổi, giới tính, trào lưu, trường phái,... hay tiêu chí loại hình tác phẩm (loại truyện, đề tài, chủ đề, cảm hứng, hình tượng,...). Nhan đề của tập truyện ngắn có thể là tên một truyện nổi bật, cũng có thể là một tên mới được đặt ra dựa vào điểm chung nào đó giữa các truyện.

Tiểu thuyết

Tiểu thuyết là loại hình tự sự cỡ lớn, có khả năng tạo nên một thế giới nghệ thuật hư cấu bao quát thời gian, không gian sống của nhiều nhân vật. Khác với sử thi, tiểu thuyết có thể bao quát cả cuộc sống cộng đồng, nhưng bao giờ cũng tập trung sự chú ý vào những khía cạnh như cuộc sống sinh hoạt thường ngày, những suy tư, trăn trở, những biến động tâm lí, tính cách của con người đời tư được miêu tả như người đương thời, gần gũi với người đọc.

Mạch truyện kể của tiểu thuyết thường được ngắt thành các chương (hồi) hay được phân ra thành phần, quyển, tập. Không hẳn vì tiểu thuyết có dung lượng lớn mà tác giả phải ngắt mạch kể thành các chương, phần như vậy. Đối với nhiều tiểu thuyết, việc chia chương, phần,... có tác dụng giúp tác giả dễ dàng chuyển từ tuyến truyện này sang tuyến truyện khác, từ nhân vật này sang nhân vật khác, thay đổi giọng kể, điểm nhìn, tạo tương phản đối sánh, trì hoãn hoặc tăng tốc độ sự kiện, hành động, tạo nhịp điệu cho mạch truyện kể.

Một tiểu thuyết có thể có nhiều nhân vật chính và trong số đó, nhân vật nào đóng vai trò quan trọng hơn cả trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm được gọi là **nhân vật trung tâm**. Ở trường hợp tiểu thuyết chỉ có một nhân vật trung tâm, câu chuyện về nhân vật trung tâm đó sẽ đóng vai trò chủ đạo trong cốt truyện. Trường hợp tác phẩm có đến mấy nhân vật trung tâm thì tương quan giữa các nhân vật sẽ cho thấy xung đột cơ bản của tác phẩm hoặc sự đa dạng của những hệ giá trị khác nhau tồn tại đồng thời trong cuộc sống.

Những **nhân vật phụ** không tham gia nhiều vào vận động chung của cốt truyện, song vẫn có thể ít nhiều đóng vai trò tạo phông nền, bối cảnh, vai trò môi giới, xúc tác cho cốt truyện vận động, góp phần làm nổi bật tư tưởng chủ đề của tác phẩm.

Phần 1

ĐỌC MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

I. CÁCH ĐỌC

1. Tìm hiểu thông tin khái quát về cuốn sách

Bạn có thể đọc phiên bản giấy hoặc phiên bản điện tử của cuốn sách. Dù đọc phiên bản nào, trước hết, bạn cần tìm hiểu những thông tin sau:

– Nhan đề cuốn sách, tên tác giả, nhà xuất bản, hình ảnh được vẽ/ chụp trên bìa 1. Đây là những thông tin tạo nên ấn tượng ban đầu của bạn về cuốn sách.

– Năm xuất bản, chân dung tác giả hay phần giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm ở bìa 4 hay các bìa phụ. Thông tin về năm xuất bản có thể làm nảy sinh nhu cầu tìm hiểu sự thay đổi nội dung sách qua các lần xuất bản khác nhau.

– Mục lục được đặt đầu hoặc cuối sách, giúp bạn dễ dàng tra cứu các nội dung trong sách và có được cái nhìn bao quát về cuốn sách (nhờ đọc Mục lục, việc nắm bắt những chủ đề nổi bật của cuốn sách trở nên thuận lợi).

– Lời giới thiệu hoặc Lời nói đầu, Lời tựa: Việc đọc các phần này giúp bạn có được định hướng đọc và tâm thế đọc phù hợp.

Lưu ý: Nhiều tập có lời bạt ở cuối sách. Bạn cần đọc phần này để có thêm căn cứ củng cố phần tổng hợp, đánh giá của mình.

Từ những gợi ý trên, hãy ghi lại những thông tin khái quát về cuốn sách mà bạn chọn đọc.

2. Đọc từng tác phẩm cụ thể

a. Đọc từng bài trong tập thơ

- Cách đọc

– Tập thơ của một tác giả hay của nhiều tác giả đều gồm một số bài thơ, được tác giả hoặc người tổ chức bản thảo sắp xếp có chủ định. Vì thế, bạn nên đọc các bài thơ theo thứ tự trong tập để tiện theo dõi và ghi chép những thông tin cần thiết, thuận lợi cho việc tổng hợp, đánh giá ở phần sau.

– Với tập thơ có tên trùng với tên một bài thơ trong tập, bạn nên đọc trước bài thơ đó để có được hình dung sơ lược về nội dung, cảm hứng chung của tập thơ.

– Đọc lướt một số bài thơ bất kì để có ấn tượng ban đầu về tập thơ trước khi đi vào đọc kĩ từng bài.

– Nếu tác phẩm có thêm kênh hình (tranh, ảnh minh hoạ) thì cần nối kết giữa nội dung của văn bản với hình ảnh để cảm nhận ý nghĩa và sức gợi tả, sự biểu cảm của những hình ảnh gắn với từng văn bản.

• Ghi chép trong quá trình đọc

Khi đọc từng bài thơ, bạn nên ghi chép nhanh, cụ thể các thông tin cơ bản. Nếu ghi chép đầy đủ, theo thứ tự các bài thơ trong tập, bạn sẽ có một tập tư liệu cần thiết về tập thơ, phục vụ cho việc tổng hợp, đánh giá hoặc để triển khai bài viết, trình bày bài nói theo yêu cầu ở phần sau của chuyên đề này. Với từng bài thơ, có thể ghi chép theo các nội dung sau:

– Nội dung cảm xúc của bài thơ

Câu hỏi cần trả lời: Bài thơ bộc lộ cảm xúc hay suy ngẫm về đề tài, vấn đề gì? Đối tượng trữ tình của bài thơ là gì? Nhìn ở cấp độ bao quát nhất, đề tài, vấn đề được chiêm nghiệm hay đối tượng trữ tình của một bài thơ có thể là thiên nhiên, quê hương, đất nước, gia đình, tình bạn, tình yêu, những lựa chọn trong cuộc đời, thái độ con người trước những câu hỏi của kiếp nhân sinh,... Việc xác định đầy đủ đề tài, vấn đề, đối tượng trữ tình của các bài trong một tập thơ sẽ giúp bạn hiểu được những điều cốt lõi khiến tác giả/ các tác giả rung động, trăn trở, thao thức.

– Thể thơ

Thông thường, trong một tập thơ, tác giả/ các tác giả ưa sử dụng một số thể thơ nhất định để sáng tác. Nắm được thể thơ của từng bài, xâu chuỗi lại, bạn sẽ thấy tác giả/ các tác giả ưa thích hoặc có sở trường về thể thơ nào.

– Thời điểm sáng tác

Trong một tập thơ, các bài thơ được sáng tác vào những thời điểm khác nhau, thậm chí, có khi rất xa nhau. Nếu tác giả có ghi rõ thời gian sáng tác, bạn cần lưu lại thông tin này, từ đó tìm hiểu bối cảnh cuộc sống khi bài thơ ra đời. Đó là những yếu tố cần thiết giúp bạn hiểu thêm về bài thơ.

– Thông điệp của bài thơ

Đọc và trả lời câu hỏi: Bài thơ muốn nói điều gì?, bạn sẽ hiểu được những nét chính về thông điệp của nó (thông điệp có khi được trình bày trực tiếp, có khi ngầm ẩn dưới các lớp hình tượng, cần được phát hiện và "gọi" ra bằng ngôn ngữ tường minh). Khi tạm cho là cảm nhận được đầy đủ điều cơ bản mà tác giả/ các tác giả muốn biểu đạt ở tất cả các bài, bạn có điều kiện hiểu được tình cảm, cảm xúc đối với cuộc sống, con người mà tập thơ đã khơi dậy trong tâm hồn bạn.

– Những nét nổi bật về nghệ thuật

Ở mỗi bài, bạn cần chú ý những yếu tố nghệ thuật được tác giả sử dụng thành công. Đó có thể là cách lập tứ, cách kiến tạo biểu tượng, hình ảnh, cách sử dụng những lớp từ vựng và cú pháp riêng, cách lựa chọn những biện pháp tu từ có nhiều nét độc đáo, mới lạ.

– Những câu thơ tiêu biểu

Đọc bài thơ, gặp những câu thơ gây ấn tượng mạnh, bạn cần chép lại. Đó là những câu bộc lộ rõ nhất cảm xúc, tư tưởng của nhân vật trữ tình (chủ thể trữ tình) với nghệ thuật biểu hiện mới mẻ, bất ngờ.

– Mối liên hệ với các bài thơ khác trong tập

Mỗi tập thơ là một chỉnh thể, do vậy, giữa các bài trong tập luôn có mối liên hệ với nhau về ý tưởng, cảm xúc, hình ảnh, từ ngữ,... Bạn cần đọc mỗi bài trong tương quan so sánh để nhận ra những nét ổn định tạo nên sự nhất quán về bút pháp, phong cách, quan niệm nghệ thuật về con người ở mỗi tập thơ, hoặc những nét biến đổi vốn là yếu tố tạo nên sự đa dạng của tổng thể các phong cách hay của từng phong cách cùng hiện diện trong tập thơ.

Lưu ý: Khi đọc từng bài thơ trong tập thơ của một tác giả hay tập thơ của nhiều tác giả, việc ghi chép những thông tin như trên căn bản là giống nhau. Điều cần phân biệt: Ở tập thơ của nhiều tác giả, các thông tin cụ thể được nêu phải gắn với từng người cụ thể. Nắm được điều đó mới có thể đưa ra được những nhận xét, đánh giá có tính chất khái quát về những nét tương đồng và khác biệt giữa các tác giả trong tập thơ.

b. Đọc từng tác phẩm trong tập truyện ngắn

- Cách đọc

Giống như khi đọc một tập thơ, với một tập truyện ngắn, bạn cũng nên đọc tuần tự từng tác phẩm theo sắp xếp của người biên soạn. Bạn hãy đọc lướt một số truyện để có cảm nhận chung, sau đó đọc kĩ từng truyện và ghi chép cụ thể các thông tin cần thiết.

- Ghi chép trong quá trình đọc

Đọc truyện, bạn có thể ghi chép nhanh theo các nội dung sau đây:

– Đề tài của truyện

Đề tài của truyện thể hiện ở bức tranh đời sống được miêu tả. Một số đề tài thường gặp trong tác phẩm truyện: nông thôn, đô thị, lịch sử, chiến tranh, tình yêu, thế sự,...

– Cốt truyện và tình huống truyện

Đọc từng truyện, bạn có thể ghi vắn tắt diễn biến chính của câu chuyện (không cần tóm tắt nội dung truyện một cách đầy đủ). Chính phần lược ghi này giúp bạn nhớ mỗi truyện kể về ai, điều gì – tức là các thông tin quan trọng sẽ giúp cho những phân tích, đánh giá sau đó tránh được tình trạng chung chung. Bạn cũng cần miêu tả được một cách khái quát về

tình huống truyện được nhà văn tạo dựng, đồng thời nêu được các ý cơ bản về ý nghĩa của tình huống đó trong việc bộc lộ tính cách nhân vật, làm nổi bật xung đột chính trong truyện và thể hiện rõ tính đặc thù của phong cách nhà văn.

– Ngôi kể

Bất cứ truyện nào cũng có người kể chuyện ở một ngôi nhất định. Việc chọn ngôi kể luôn được tác giả thực hiện đầy dụng ý. Phạm vi bao quát của từng ngôi kể như thế nào cũng được người viết xác định một cách chủ động. Đây chính là điều cần được đặc biệt lưu ý khi đọc từng truyện ngắn và khi so sánh các truyện trong tập truyện với nhau.

– Nhân vật

Mỗi nhân vật trong truyện đều có những thông tin đáng chú ý: giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, thành phần xã hội,... Bên cạnh đó, nhân vật còn có ngoại hình, hành động, lời nói, nội tâm,... Những điều này cần được ghi ngắn gọn, rõ ràng. Hơn thế nữa, ở mỗi truyện, bạn còn cần chú ý mối quan hệ giữa các nhân vật.

– Không gian và thời gian

Không gian và thời gian trong mỗi truyện đều là những yếu tố được nhà văn miêu tả với ý đồ nghệ thuật rõ rệt và đó chính là không gian, thời gian nghệ thuật. Khi ghi chép, bạn cần chọn được từ ngữ thích hợp để gọi đúng tính chất của không gian, thời gian nghệ thuật được xây dựng trong truyện.

– Ngôn ngữ trần thuật

Tạo nên ngôn ngữ trần thuật trong truyện có lời kể, tả, thông báo, thuyết minh, giải thích; có ngôn ngữ độc thoại, đối thoại,... Tất cả các yếu tố này đều cần được chú ý quan sát. Bạn có thể ghi nhanh ấn tượng tổng hợp của mình hoặc ghi lại ấn tượng về một phương diện nào đó của ngôn ngữ trần thuật.

– Những câu văn tiêu biểu

Mỗi truyện có thể có những câu văn đáng nhớ thuộc lời nhận xét, bình phẩm của người kể chuyện hoặc lời nhân vật. Những câu văn như vậy giúp cho người đọc hiểu thêm về tư tưởng nghệ thuật của tác giả. Cần biết chọn lọc ghi chép một số câu mà bạn cảm thấy tâm đắc.

c. Đọc một cuốn tiểu thuyết

– Đọc theo chương, phần hoặc mạch truyện. Hình dung về bối cảnh trong truyện, các tuyến nhân vật và diễn biến hành động của từng tuyến nhân vật (nhân vật chính, nhân vật trung tâm và các nhân vật phụ,...); các sự kiện (thắt nút, cao trào, mở nút); cách kể chuyện và miêu tả của tác giả. Nếu cốt truyện phức tạp, khó nhớ, bạn có thể tóm tắt theo từng đoạn để khi đọc xong thì có được một bản tóm tắt đầy đủ. Có thể vẽ sơ đồ để nắm bắt được cốt truyện một cách bao quát.

– Trong khi đọc, có thể lấy ra những sự việc, chi tiết tiêu biểu và nêu những ấn tượng, nhận xét ban đầu về chúng.

– Luôn chú ý hình dung và nắm bắt được cảm hứng sáng tạo, quan điểm nhìn nhận, đánh giá con người, sự việc của nhà văn, chú ý nét ổn định và sự biến hoá trong cách kể, tả mà nhà văn đã thể hiện để có cơ sở nhận xét chung về bút pháp, phong cách nghệ thuật của người viết.

3. Đánh giá chung về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một cuốn tiểu thuyết

Từ tư liệu đã ghi chép được trong quá trình đọc từng bài thơ, truyện ngắn hoặc cuốn tiểu thuyết, bạn sẽ tổng hợp lại để đánh giá trên các khía cạnh chủ yếu sau:

– Giá trị chung của tác phẩm

Giá trị chung của một tác phẩm gồm giá trị nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật. Đọc xong tập truyện, tập thơ hay cuốn tiểu thuyết, bạn cần khái quát một cách ngắn gọn điều mà bạn cảm nhận được. Chẳng hạn, đọc *Gió đầu mùa* của Thạch Lam, Khái Hưng nêu ý kiến: "Nếu ta có thể chia ra làm hai dạng nhà văn: nhà văn thiên về tư tưởng và nhà văn thiên về cảm giác, thì tôi quả quyết đặt Thạch Lam vào hạng dưới. Ở chỗ mà người khác dùng tư tưởng, dùng lời có khi rất rậm để tả cảnh, tả tình, ông chỉ nói một cách rất giản dị cái cảm giác của ông. Cái cảm giác ấy bao quát hết tư tưởng của tác giả và của độc giả, nhiều khi đi xa hơn, sâu hơn tư tưởng vì có cái ta cảm thấy mà không thể dùng tư tưởng để mô tả, giải phẫu cái cảm giác của ta ra được, dù là một cái cảm giác nhẹ nhàng, *cái rung động khẽ như cánh bướm non* [...] ấy là một *tình cảm sâu xa*"[1].

– Những nét riêng, những cái mới của tác phẩm

Để nêu những nét riêng của tập thơ, tập truyện ngắn hoặc cuốn tiểu thuyết, bạn cần dựa vào những ghi chép cụ thể, tổng hợp lại bằng những nhận xét, đánh giá khái quát. Ví dụ, về tập *Thơ Thơ* của Xuân Diệu, Thế Lữ nhận định: "Cho nên Xuân Diệu say đắm với tình yêu và hăng hái với mùa xuân, thả mình bơi trong ánh nắng, chất đầy trong bầu tim mây trời thanh sắc. Ông hăm hở đi tìm những nơi sự sống dồi dào tụ lại. Khi ông khao khát vô biên, tuyệt đích, chẳng phải ông muốn lên tới đỉnh cao nhất của sự sống đó sao? Ham yêu, biết yêu, Xuân Diệu muốn tận hưởng tình yêu, vì ông thấy chỉ tình yêu mới gồm được bao nhiêu ý nghĩa"[2].

– Vị trí của tác phẩm trong sự nghiệp của tác giả

Tập thơ, tập truyện hoặc cuốn tiểu thuyết được đọc là một bộ phận trong toàn bộ các sáng tác của nhà thơ, nhà văn. Do đó, cần nêu được vài nét về tương quan giữa nó với các tác phẩm khác, từ đó thấy được vị trí của tác phẩm trong sự nghiệp văn học của tác giả. Muốn nêu được ý này, cần biết đọc rộng thêm về nhiều sáng tác khác của tác giả.

---

(1) Khái Hưng, *Tựa*, in trong Thạch Lam, *Gió đầu mùa*, NXB Hội Nhà văn – Công ti cổ phần Văn hoá và Truyền thông Nhã Nam, Hà Nội, 2014, tr. 14.

(2) Thế Lữ, *Tựa "Thơ Thơ"*, in trong Xuân Diệu, *Thơ Thơ, Gửi hương cho gió*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996, tr. 9.

– Vị trí của tác phẩm trong nền văn học

Đặt tác phẩm được đọc trong bối cảnh phát triển của văn học để nhận ra những đóng góp của nó.

– Ý nghĩa của tác phẩm đối với đời sống đương đại

Việc đọc chỉ thực sự có hiệu quả nếu được thực hiện một cách chủ động. Sự chủ động đó thể hiện rõ ở cách chọn tác phẩm để đọc, chọn vấn đề để nghiền ngẫm. Thật tự nhiên, khi ý thức được điều này là bạn đã bước đầu nhìn ra hoặc có ý thức đánh giá về ý nghĩa của tác phẩm đối với bạn, đối với người đọc hôm nay. Một tác phẩm có thể được viết đã lâu nhưng vẫn có thể khơi gợi trong bạn những suy nghĩ mới về cuộc sống. Rõ ràng, điều này cần được nói ra khi bạn nêu những đánh giá khái quát về tác phẩm vừa đọc.

Tập thơ, tập truyện ngắn hay cuốn tiểu thuyết đã đem lại cho bạn ấn tượng thế nào về chính nó và về cuộc sống?

II. THỰC HÀNH ĐỌC

1. Gợi ý tác phẩm đọc

Chọn đọc một trong các tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết theo gợi ý sau:

- Thơ: Nhiều tác giả (1987), *Tình bạn – Tình yêu – Thơ*, NXB Giáo dục, Hà Nội; Nhiều tác giả (1994), *Tuyển tập thơ lục bát Việt Nam*, NXB Văn hoá, Hà Nội; Lưu Quang Vũ (2010), *Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội; Nguyễn Quang Thiều (2015), *Sự mất ngủ của lửa*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội; Mai Văn Phấn (2018), *Lặng yên cho nước chảy*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội; Nhiều tác giả (2009), *Thơ trẻ 360°*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội;...
- Tập truyện ngắn: An-tôn Sê-khốp (Anton Chekhov, 2012), *Truyện ngắn A.P. Chekhov*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội; O. Hen-ry (O. Henry, 2018), *Tuyển tập O. Hen-ry*, NXB Văn học, Hà Nội; Thạch Lam (2020), *Sợi tóc*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội; Nguyễn Tuân (2014), *Vang bóng một thời*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội; Nguyễn Minh Châu (1985), *Bến quê*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội; Bảo Ninh (2009), *Chuyện xưa kết đi, được chưa?*, NXB Văn học, Hà Nội; Phan Thị Vàng Anh (1993), *Khi người ta trẻ*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội;...
- Tiểu thuyết: Xéc-van-tét (Cervantes, 2004), *Đôn Ki-hô-tê (Don Quijote)*, NXB Văn học, Hà Nội; Đe-ni-ơn Đi-phô (Daniel Defoe, 2021), *Rô-bin-xơn Cru-xô (Robinson Crusoe)*, NXB Văn học, Hà Nội; Mác Tu-ên (Mark Twain, 2019), *Những cuộc phiêu lưu của Tôm Xoi-ơ (Tom Sawyer)*, NXB Văn học, Hà Nội; Giắc Lơn-đơn (Jack London, 1983), *Tiếng gọi nơi hoang dã*, NXB Lao động, Hà Nội; Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri (Antoine de Saint-Exupéry, 2003), *Xứ con người*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội; Ga-vơ-rin Trôi-e-pôn-xki

(Gavriil Troyepolsky, 2021), *Con Bim trắng tai đen*, NXB Văn học, Hà Nội; Y-an Ma-ten (Yann Martel, 2020), *Cuộc đời của Pi*, NXB Văn học, Hà Nội; Phùng Quán (2021), *Tuổi thơ dữ dội*, NXB Kim Đồng, Hà Nội;...

2. Ghi lại kết quả đọc

Bạn có thể ghi lại kết quả đọc theo gợi ý trong phiếu sau:

PHIẾU ĐỌC SÁCH

Người đọc:

I. Thông tin chung về tác phẩm

1. Tên tác phẩm:
2. Thể loại:
3. Tác giả/ Dịch giả:
4. Nhà xuất bản:
5. Nơi xuất bản:
6. Năm xuất bản:
7. Số trang:
8. Khổ sách:

II. Thông tin cụ thể

1. Về tập thơ:

– Đề tài, chủ đề, hình tượng nổi bật, cảm hứng chủ đạo, mạch cảm xúc (suy tư), thông điệp chính

– Tổ chức vần điệu, nhịp điệu, hình ảnh thơ, chi tiết nghệ thuật

– Cách trình bày, thể hiện (có thể cả kênh hình)

2. Về tập truyện ngắn (hay tiểu thuyết):

– Đề tài, chủ đề, bối cảnh không gian, thời gian, cốt truyện, hệ thống nhân vật, hình tượng nổi bật

– Phong cách kể, tả, bình luận; giọng điệu, quan điểm, thái độ của người kể chuyện với nhân vật và sự việc; mức độ thể hiện quan điểm tác giả của người kể chuyện

– Một số chi tiết tiêu biểu

III. Ấn tượng chung của người đọc

– Về yếu tố nghệ thuật nổi bật của tác phẩm

– Về vấn đề cuộc sống được đặt ra, cách giải quyết và thái độ đối với vấn đề đó toát lên từ tác phẩm

– Về ý nghĩa của tác phẩm với cuộc sống cá nhân

Phần 2

VIẾT BÀI VỀ MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

I. MỤC ĐÍCH VIẾT

Viết về một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết là hình thức trình bày kết quả của sự tiếp nhận, thẩm thấu, đánh giá những nội dung đã được đọc bằng ngôn ngữ viết.

Việc viết về một tác phẩm đã đọc có nhằm tới những mục đích khác nhau, hướng đến những đối tượng người đọc khác nhau như:

– Khi thiên về nghiên cứu, viết gắn liền với việc đưa ra những phán đoán, bình phẩm, đánh giá và giải thích về tác phẩm, giúp người đọc nhận ra được những giá trị sâu sắc của tác phẩm. Bài viết lúc này có cấu trúc gần như văn bản nghị luận.

– Khi thiên về thưởng thức, rung cảm, tri âm, viết là bày tỏ những cảm xúc, rung động và trải nghiệm của cá nhân người viết về một số phương diện, giá trị nổi bật của tác phẩm, lấy ra những nét đặc sắc nhất về nội dung và nghệ thuật để bình giá, làm rõ những giá trị thẩm mĩ của văn bản với sự đồng điệu của cái tôi tác giả – người viết. Bài viết lúc này có tính chất của một văn bản kí.

– Khi thiên về giới thiệu, quảng bá, viết là truyền tải đến người đọc những thông tin quan trọng về nội dung và nghệ thuật của văn bản, dấu ấn riêng của tác giả, điểm đặc biệt của văn bản trong quá trình sáng tác hoặc những điểm hấp dẫn về xuất bản,... phù hợp với thị hiếu và sự tiếp nhận của người đọc. Văn bản được tạo lập lúc này thường là văn bản thông tin.

Bạn sẽ hướng tới mục đích nào khi viết về tác phẩm bạn đã đọc?

II. MỘT SỐ HƯỚNG VIẾT BÀI

1. Viết theo hướng nghiên cứu văn học

Để viết bài theo hướng này, người viết phải có sự chuẩn bị công phu, kĩ lưỡng: tìm hiểu từ đặc điểm phong cách của tác giả tới bối cảnh sáng tác của cả thời kì hoặc nền văn học; bên cạnh việc tham khảo nhiều tài liệu nghiên cứu đã có về đối tượng, cần xây dựng được cho mình một quan điểm đánh giá rõ ràng; những luận điểm chính đều phải được triển khai đầy đủ với hệ thống dẫn liệu, bằng chứng phong phú, sát hợp; đảm bảo sự kết hợp nhuần nhị giữa những đánh giá khái quát và phân tích cụ thể, tinh tế, làm nổi bật được nét đặc sắc của đối tượng (tập thơ, tập truyện ngắn hay cuốn tiểu thuyết).

Ngôn ngữ được sử dụng trong bài viết theo hướng này cần đảm bảo tính khách quan, khoa học, nên tiết chế việc biểu lộ cảm xúc chủ quan hay triển khai những liên tưởng, liên hệ "ngoài rìa", ít gắn với trọng tâm của vấn đề được bàn tới.

ĐỌC VĂN BẢN

Tựa "Gió đầu mùa"(*)

Khái Hưng

Viết truyện ngắn nào có khó gì đâu! Một sự xảy ra ở ngoài phố làm rung động trái tim ta, một câu chuyện thuật trong phòng khách làm nở một nụ cười khoái trá trên môi ta, một khu rừng âm u lạnh lẽo, một xóm nhà tranh rải rác dưới ven đồi, một cái quán bán nước, một cái xe với anh phu kéo,... hay không cái gì cả, sự trống rỗng một phút, một giây của tâm hồn. Những cảnh tượng ấy dù trọng dù khinh đều là đầu đề câu chuyện, đều kích thích trí nghĩ ta mà ngấm ngầm tự cấu tạo nên một truyện ngắn. Ta chỉ việc viết lên giấy những điều trông thấy, nghe thấy và những ý tưởng nẩy ra trong thâm tâm ta. Có thế thôi. Cái khó – nếu quả có cái khó – chỉ ở chỗ phải biết có thế thôi.

Tác giả bài tựa đã giới thiệu quan niệm về truyện ngắn của Thạch Lam theo cách nào?

Đó là quan niệm về truyện ngắn của Thạch Lam, tác giả tập truyện *Gió đầu mùa*.

Một gia đình hai vợ chồng trẻ với đứa con đầu lòng mới ra đời, một dãy phố chợ tối tàn với bọn ngụ cư nghèo đói, cái vui sướng của một người thất nghiệp về làng sống với dân quê, sự đùa bỡn oái oăm của duyên số, cái kết quả tai hại của một cơn giận, sức áp bức quyết liệt của sự đói, cái chết đau đớn của người bạn trẻ nghèo. Toàn những chuyện giản dị cả. Muốn tả những sự xảy ra hằng ngày ấy, tác giả không cần đến những tình tiết ngoắt ngoéo, tối tăm, nhiều khi rất trẻ con mà ta thấy nhan nhản trong những truyện kiểu cách, loè loẹt của những nhà văn thiếu thành thực.

Theo tác giả, những câu chuyện được kể trong truyện của Thạch Lam có đặc điểm gì?

Thành thực, đó là đức tính không có không được của nhà văn. Ở Thạch Lam, sự thành thực lại trở nên sự can đảm. Đọc nhiều đoạn văn của Thạch Lam, tôi rùng rợn cả tâm hồn vì sự thành thực (nhất trong truyện *Những ngày mới*). Tôi xin thú thực rằng những điều xét nhận gay go về mình và những người sống chung quanh mình, tôi cũng thường có, song vị tất đã dám viết ra. Nhưng sao lại thế nhỉ? Đáng lẽ bọn nhà văn chúng ta ai ai cũng phải can đảm hơn người thường. Đáng lẽ ta phải

Tác giả đánh giá như thế nào về phẩm chất thành thực trong truyện của Thạch Lam? Qua đánh giá đó, có thể nhận ra quan niệm gì của người viết bài tựa?

(*) Nhan đề văn bản do người biên soạn sách giáo khoa đặt.

mạnh bạo viết nên điều mà mọi người, mà ta, nhất là ta, giấu kĩ ở tận đáy linh hồn, những nỗi băn khoăn, những nỗi vui mừng, lo sợ, tức tối, thèm muốn, ghen ghét đang ẩn náu trong khối óc, trong trái tim ta. Tôi vẫn ước ao có cái can đảm ấy, nhưng không sao có được, cái can đảm mà tôi thấy ở Tôn-xtôi (Tolstoy), mà trong đám văn sĩ mới nước ta tôi thấy ở Thạch Lam.

Lòng ta là một thế giới mênh mông. Nếu ta để trí suy xét của ta len vào các ngách các nơi kín tối, chăm chỉ tìm tòi, ta sẽ thấy nhiều sự mới lạ. Tưởng sống tới trăm tuổi ta cũng không biết thực rõ được lòng ta.

Phái tả chân thường khoe khoang chỉ suy xét theo phương diện khách quan. Nhưng chỉ theo phương diện khách quan liệu có được không? Tả một người giận dữ mà chỉ tả những hiện trạng của sự giận dữ thì bức tranh của ta không thể đầy đủ được. Muốn nó đầy đủ, ta phải hỏi lòng ta, ta phải hỏi kí ức ta xem khi ta tức giận thì ý nghĩ và tính tình ta ra sao, thì cảm giác ta ra sao, hơn thế, ta phải sống lại một cơn giận.

Người chủ động trong truyện *Một cơn giận* của Thạch Lam có thể chỉ là Thạch Lam. Ông tự vẽ ông. Nhưng cũng có thể là bức tranh tả chân hết thảy ai ai trong một cơn giận vô lí giữa lúc ta thấy "lòng ta chán nản và buồn bực, những ngày mà tự nhiên không hiểu sao, ta thấy khó chịu và hay gắt gỏng".

Có lẽ vì không bao giờ rời bỏ phương diện chủ quan nên Thạch Lam dễ làm ta rung động: trước ta, chính ông đã rung động. Tả cái lạnh đầu mùa, ông nhớ ngay tới cảm giác mà ông có "một đêm mưa rào rồi trời bỗng đổi ra gió bấc" (*Gió lạnh đầu mùa*). Ông tả cái ngõ hẻm ở một xóm quê bằng cảm giác của ông khi ông đi qua nơi đó: "một cái cảm giác mát lạnh bỗng trùm lên hai vai. Tâm ngửng đầu lên nhìn: chàng vừa đi vào dưới vòm tre xanh trong ngõ." (*Trở về*). Cả đến một buổi gặt, ông cũng tả bằng cảm giác của ông: "Tân chú ý đưa cái hái cho nhanh nhẹn; mỗi lần bông lúa rung động chạm vào mặt, vào người, mùi lúa chín thơm lại phảng phất lẫn với mùi rạ ướt mới cắt. Mùi thơm đó làm chàng say sưa như men rượu" (*Những ngày mới*).

Tác giả bày tỏ sự đồng cảm với "phương diện chủ quan" trong truyện của Thạch Lam như thế nào? Vì sao có sự đồng cảm đó?

Nếu ta có thể chia ra làm hai dạng nhà văn: nhà văn thiên về tư tưởng và nhà văn thiên về cảm giác, thì tôi quả quyết đặt Thạch Lam vào hạng dưới. Ở chỗ mà người khác dùng tư tưởng, dùng lời có khi rất rậm để tả cảnh, tả tình, ông chỉ nói một cách rất giản dị cái cảm giác của ông. Cái cảm giác ấy bao quát hết tư tưởng của tác giả và của độc giả, nhiều khi

Theo tác giả, Thạch Lam thuộc "dạng nhà văn" nào? Những bằng chứng được nêu lên ở đây là gì?

đi xa hơn, sâu hơn tư tưởng vì có cái ta cảm thấy mà không thể dùng tư tưởng để mô tả, giải phẫu cái cảm giác của ta ra được, dù là một cái cảm giác nhẹ nhàng, "cái rung động khẽ như cánh bướm non" của người cha đứng ngắm đứa con đầu lòng nằm ngủ.

Chính tác giả cũng bảo cho ta biết rằng "cái rung động khẽ như cánh bướm non" ấy là một "tình cảm sâu xa".

Thực vậy, những cảm giác đạm mạc như thế mà ta thấy khắp trong truyện của Thạch Lam đều giấu một tình cảm sâu xa. Tác giả, mà ta tưởng rất điềm tĩnh, kì thực là một người có những tính tình mãnh liệt. Đứng trước sự khốn cùng của bác Lê, tác giả chỉ thủ thỉ nói: "giá cứ có người mướn làm thì cũng không đến nỗi". Nhưng trong cái thủ thỉ ấy ta cảm thấy lòng tức giận sôi lên đến cực điểm. Sau năm, sáu năm xa cách, người con mới giàu có về thăm mẹ già nghèo ở nhà quê, khi hắn ta từ giã bà cụ ra đi, tác giả thản nhiên lạnh lùng viết: "Ra đến ngoài, Tâm nhẹ hẳn mình. Chàng tự cho là đã làm xong bổn phận". Nhưng sự thản nhiên, sự lạnh lùng ấy giấu một tính tình khinh bỉ, một cảm tưởng chua chát không biết đến chừng nào.

Việc nối kết những điều được thể hiện trong sáng tác với đặc điểm con người thực ngoài đời của tác giả có ý nghĩa gì?

Những kẻ giàu có huênh hoang trong bọn trưởng giả như người con trong truyện *Trở về*, Thạch Lam rất ghét, cũng như ông rất yêu, rất thương bọn nghèo đói, bọn bác Lê, anh Sinh, cu Dư,... Ông đem hết tâm hồn ra để ghét, tuy ông chỉ lãnh đạm nói đến họ. Lòng ghét âm thầm và dữ dội của ông có khi làm cho ông thiên lệch. Một lần nghe tôi đọc đến tên một người bạn mới giàu sang, ông chau mày nói: "Ồ! Tôi ghét hắn ta lạ". Tôi chưa kịp hỏi vì lẽ gì thì ông đã tiếp luôn: "Trông cái má hắn ta phinh phính, cái bụng hắn xề xệ!".

Rồi ta sẽ thấy trong những tác phẩm của Thạch Lam rất nhiều nhân vật có cặp má phính và cái bụng xệ.

3/12/1937

(Khái Hưng, *Tựa*, in trong Thạch Lam, *Gió đầu mùa*, Sđd, tr. 11 – 15)

Trả lời câu hỏi

1. Văn bản đã giới thiệu và phân tích những nội dung nổi bật gì của tập truyện *Gió đầu mùa* của Thạch Lam?
2. Xác định dàn ý của bài viết và nhận xét về cách trình bày lí lẽ và bằng chứng của tác giả.
3. Bài viết của Khái Hưng giúp bạn biết điều gì về Thạch Lam và các truyện ngắn của ông trước khi đọc tập truyện *Gió đầu mùa*?

2. Viết theo hướng thưởng thức, trải nghiệm

Đây là lối viết theo kiểu tản văn hoặc tuỳ bút, mà ở đó, người viết bộc lộ cảm nhận, suy nghĩ riêng đối với những nét nổi bật, xuyên suốt về một đặc điểm nội dung hay nghệ thuật, thể hiện giá trị của tác phẩm hoặc phong cách của tác giả – điều làm nên giá trị và sức hấp dẫn của tập thơ, truyện ngắn hoặc tiểu thuyết, đặc biệt ở phương diện thẩm mĩ.

Lối viết này dẫn người viết đến với bút pháp trữ tình, chấm phá, gợi cho người đọc liên tưởng đến nhiều điều cả trong lẫn ngoài tác phẩm. Qua đó, người viết vừa giới thiệu được về tác phẩm, vừa thể hiện cái tôi trữ tình của mình.

ĐỌC VĂN BẢN

Chân trời không bao giờ cũ

Vương Trí Nhàn

Hồ Dzếnh qua đời ở tuổi 75, song quả thật, ông đã ngưng viết trước đó rất lâu. Sau hoà bình lập lại ở miền Bắc (1954) cũng đã có một vài cuốn sách mang tên ông được xuất bản – cả sách sáng tác lẫn sách dịch – có điều chúng không có gì đáng kể và thực sự là trong cuốn *Hồ Dzếnh tác phẩm chọn lọc* làm năm 1987 khi ông còn sống, phần chủ yếu vẫn là tập truyện ngắn *Chân trời cũ* cùng ít bài thơ trong *Quê ngoại*.

Người viết cho biết điều gì về đời văn Hồ Dzếnh?

Bảo rằng về già, Hồ Dzếnh sống trong chờ đợi thì cũng không hẳn. Những gì tâm huyết đã mang cống hiến cho đời và ông sống khá thanh thản. May mà trong trường hợp này lịch sử đã công bằng. Mấy năm trước khi mất, chẳng những Hồ Dzếnh có tuyển tập mang tặng bạn bè mà ông còn có dịp chứng kiến *Chân trời cũ* được in lại ở mấy chỗ, trong sự tha thiết yêu chiều của bạn đọc, nhất là những bạn đã đọc văn Hồ Dzếnh từ lâu, mà không kiếm được sách. Thật là một sự ơn trả nghĩa đền xứng đáng.

Có gì đặc biệt trong cách tác giả ghi nhận giá trị tập truyện ngắn "Chân trời cũ"?

Cuộc đời mỗi nhà văn – cũng giống như cuộc đời mỗi con người – là một cái gì độc đáo, không ai giống ai, và mọi ý muốn người ta áp đặt cho nhau, khuyên bảo nhau, suy cho cùng đều chả mấy nghĩa lí: số phận là cái không ai có thể chọn lựa.

Dẫu sao nghĩ lại thì thấy trừ những kẻ bất tài và lười biếng, ở đây, trong văn chương đại khái có hai cách tồn tại. Một là những tác giả, viết luôn tay, viết rất đều, có khi lại hoạt động trên các thể loại khác nhau, và như có bàn tay vàng, làm gì cũng nổi lên tự nhiên và sự nghiệp toà ngang dãy dọc đồ sộ. Và thứ hai là loại người sống như kẻ lơ đãng,

tâm trí để tận đâu đâu, họ chỉ viết rất ít, cả một đời văn thu gọn trong một vài quyển sách chi đó. Song chỉ thế thôi mà cứ sống mãi trong lòng người yêu văn chương. Không nói đâu xa, ngay trong các nhà văn Việt Nam thế kỉ hai mươi cũng đã thấy có sự phân chia đôi ngả đôi dòng như vậy. Một bên là Khái Hưng, Nguyễn Công Hoan, Xuân Diệu, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Bính,... và bên kia là Thạch Lam, Thanh Tịnh, Nguyễn Nhược Pháp, và lùi về phía sau một chút, là Quang Dũng.

Tác giả suy ngẫm như thế nào về những cách tồn tại trong văn chương?

Cố nhiên, Hồ Dzếnh cũng thuộc cái loại thứ hai chúng ta đang nói. Tên tuổi ông gắn liền với *Chân trời cũ*, ở đó người ta đọc ra tiểu sử, những từng trải riêng của đời sống và cả cách cảm cách nghĩ riêng của Hồ Dzếnh trước cuộc đời này nữa. Mặc dù được viết ra khi tác giả mới 26 tuổi, và chủ yếu nói về những năm tuổi trẻ của một đời người, song *Chân trời cũ* lại có một sự già dặn riêng. Nó là thứ văn chương không có tuổi. Thậm chí – bây giờ đã đến lúc có thể nói được điều này – nó là thứ văn chương viết xong người ta có thể gác bút, có thể buông tay nhắm mắt. Và chỉ nhờ thế, cuốn sách chưa đầy 200 trang đó, mới đủ tư cách để đưa một con người trở thành một tên tuổi vĩnh viễn trong lịch sử văn học.

Tác giả nhìn nhận như thế nào về mối quan hệ giữa cuốn "Chân trời cũ" với tên tuổi của Hồ Dzếnh?

Tìm những từ ngữ khái quát được giá trị cơ bản của cuốn sách.

Những người có dịp gặp Hồ Dzếnh mấy năm cuối đời hẳn còn nhớ ông già trên 70 tuổi ấy luôn luôn có cái vẻ thản nhiên, hình như mọi chuyện "thế sự buồn rầu và cảnh đời hùng tráng" – chữ của Hồ Dzếnh – mình đều đã biết cả rồi, thiệt hơn thế nào cũng được, cuộc sống là thực mà cũng là một cõi hư vô nào đó. Thành thử, ông lại luôn luôn tìm được niềm vui hồn nhiên của mình. Nụ cười ấy đã thường trực trong tâm trí Hồ Dzếnh cho đến khi ông chia tay chúng ta.

(Vương Trí Nhàn, *Chuyện cũ văn chương*, NXB Văn học, Hà Nội, 2001, tr. 89 – 91)

Trả lời câu hỏi

1. Sự đồng cảm của người viết với tác giả Hồ Dzếnh và tập *Chân trời cũ* đã được thể hiện như thế nào trong bài viết?
2. Bài viết đã giúp bạn hiểu như thế nào về mối quan hệ giữa văn và đời? Theo bạn, cách tiếp cận sáng tác từ góc nhìn của tác giả bài viết có đặc điểm và ưu thế gì?
3. Hãy nhận xét về giọng điệu của bài viết và sự phù hợp của nó với đối tượng được nói tới.
4. Sau khi đọc bài viết, bạn có muốn tìm đọc tập truyện ngắn *Chân trời cũ* không? Vì sao?

3. Viết theo hướng giới thiệu, quảng bá

Đây là cách giới thiệu hướng đến mục tiêu gợi ý đọc sách và phát triển thị trường sách. Khi thực hiện mục tiêu này, cần quan tâm đến nhu cầu và đặc điểm của đối tượng tiếp nhận để chọn lối viết phù hợp.

Để quảng bá tác phẩm, thu hút sự chú ý của người đọc, người viết có thể tập trung giới thiệu những nội dung nổi bật nhất của cuốn sách hoặc những điểm đáng chú ý về tác giả, quá trình sáng tác. Cách giới thiệu này giúp người đọc tiếp cận được những thông tin đa dạng có liên quan đến tác phẩm và tác giả trước khi đọc tác phẩm.

Sản phẩm của cách viết này có thể là văn bản thông tin đa phương thức (kết hợp kênh chữ và kênh hình).

ĐỌC VĂN BẢN

Nhà thơ Quang Dũng – khúc song hành thơ và hoạ

Chu Hồng Tiến

Hướng tới kỉ niệm 100 năm ngày sinh Quang Dũng (1921 – 2021), NXB Kim Đồng đã ra mắt tuyển tập "Nhà thơ Quang Dũng – Người mang trong trắng đi tìm thanh cao", tuyển chọn những bài thơ, bức tranh nổi bật của nhà thơ. Cuốn sách do hai tác giả Phương Thảo (con gái của Quang Dũng) và hoạ sĩ Tô Chiêm biên soạn, gồm ba phần chính: 30 bài thơ, 29 bức tranh – là tác phẩm của Quang Dũng và một số bài giới thiệu, phê bình.

Toàn bộ các bài thơ trong tập *Nhà thơ Quang Dũng – Người mang trong trắng đi tìm thanh cao* được in dựa theo bút tích chép tay của ông trong các cuốn sổ, thư từ, tư liệu,... được gia đình và bạn bè ông gìn giữ.

Cách giới thiệu đặt trọng tâm vào những thông tin cơ bản về cuốn sách.

Người mang trong trắng đi tìm thanh cao

Nhà thơ Quang Dũng (1921 – 1988) tên khai sinh là Bùi Đình Diệm, quê gốc ở làng Phượng Trì (nay thuộc Hà Nội). Với cuộc đời cống hiến cho công cuộc kháng chiến và nghệ thuật, ông từng nhận Huân chương Chiến thắng hạng Ba, Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật.

Giới thiệu những nét nổi bật về cuộc đời và sáng tác của tác giả Quang Dũng.

Quang Dũng làm thơ từ tuổi niên thiếu, đến năm mười sáu tuổi đã có thơ đăng báo. Bài thơ *Chiêu Quân* viết năm 1937 với những câu thơ mang dấu ấn thời kì Thơ mới, nhưng vẫn có một sắc thái riêng của Quang Dũng: "Tì bà lanh lảnh buốt cung thương/Tang tình năm ngón sầu dâng lệ.../ Lã chã trời Phiên mưa tuyết xuống/ Chiêu Quân sang Hồ, xừ hồ xang".

Quang Dũng tham gia cách mạng từ ngày Tổng khởi nghĩa 19/8/1945, làm phái viên Phòng quân vụ Bắc Bộ. Kháng chiến bùng nổ, ông làm Chính trị viên phó đại đội vệ binh khu II một thời gian thì được cử đi học lớp Bổ túc quân sự ở Sơn Tây. Đến đầu năm 1947, Quang Dũng gia nhập đoàn quân Tây Tiến mới được thành lập với nhiệm vụ phối hợp cùng bộ đội Lào để bảo vệ biên giới Việt – Lào và đánh tiêu hao lực lượng quân Pháp. Chiến sĩ Tây Tiến là những người hào hoa, vui nhộn ngay cả trong hoàn cảnh rất gian nan. Chính trong môi trường này, Quang Dũng đã có được những bài thơ hay bậc nhất trong nền thơ ca kháng chiến cứu quốc: "Nhớ buổi trung đoàn ta ra đi/ Tháng Chạp màn sương trùm đất nước/ Gió mùa chết héo mạ non xanh/ Sương muối thấm vào bao đạn ướt" (*Những làng đi qua*),...

Có thể nói, con đường số phận đã đưa Quang Dũng đến với đoàn Tây Tiến. Và rồi, tài năng của ông đã khiến một phần đời sống tinh thần của đoàn binh này, qua những bài thơ, bức tranh, còn sống lâu dài trong nền văn học và trong tâm hồn bao thế hệ độc giả.



Kí hoạ đèo Mã Phục của Quang Dũng

Thơ ông như cuộc kiếm tìm khuôn mặt, hình dáng đích thực của tình yêu, của số phận trong cái khốc liệt của chiến tranh. Đời sống kháng chiến trong thơ ca của ông là cuộc đối thoại tràn trề sức trẻ, biến những gian nan, cách xa, lửa đạn thành kỉ niệm của tình yêu thương đùm bọc: "Tiếng hát hành quân vui trong mưa/ Gió bấc về sân buổi tiễn đưa/ Nải chuối tiễn nhau em mới cắt/ Nắm cơm hàng xóm gửi trung đoàn" (*Những làng đi qua*).

Bộc bạch, mô tả hoàn cảnh, không khí kháng chiến, nhưng cái đích đến của nhà thơ là tình yêu và khát vọng hoà bình. Ngập tràn thơ Quang Dũng là thế giới hoang dã cây cỏ, hoa lá, chim muông. Thiên nhiên đã truyền vào thơ ông những âm thanh, sắc màu vang động, những vẻ đẹp lộng lẫy và những bí ẩn kì diệu như cánh đồng, dòng sông, hồ nước, dãy núi, trong một trí tưởng tượng vô tận: "Người đi Châu Mộc chiều sương ấy/ Có thấy hồn lau nẻo bến bờ/ Có nhớ dáng người trên độc mộc/ Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa" (*Tây Tiến*).

Không gian thơ và hoạ

Không gian hội hoạ mà ta cảm nhận được trong thơ Quang Dũng cũng là không gian cảm giác. Ở nhiều bài thơ, qua cách miêu tả đối tượng, cách thức tổ chức câu thơ, dễ thấy yếu tố không gian hội hoạ được gợi lên bởi sự tinh tế của cả thị giác và cảm giác: "Đường ấy đi về qua bóng núi/ Miếu đêm soi lạnh xuống sông dài/ Lay động màn sương trên khói sóng/ Thuyền câu ai gõ mạn xa khơi" (*Đường trăng*).

Những phương diện nổi bật đáng chú ý của cuốn sách.

Cũng vậy, không gian tranh của ông dung dị, khoáng đạt như chứa chất bao nỗi niềm, cảm xúc, cảnh sắc thiên nhiên gắn bó với tâm trạng, và qua đó thể hiện tình cảm của tác giả.



Tranh *Kháng chiến* của Quang Dũng, vẽ năm 1967

Thời niên thiếu, Quang Dũng rất yêu thơ và hội hoạ, được bố mẹ dành cho một buồng riêng trong căn nhà gác thoáng rộng. Ở đó, chính Quang Dũng đã trang trí căn buồng bằng nhiều bức tranh ông tự vẽ, những tranh vẽ trên toan, lồng khung treo lên và cả mấy bức ông vẽ thẳng vào tường (Người mẹ của Quang Dũng vẫn giữ gìn nguyên vẹn những bức vẽ đó đằng đẵng suốt bao năm, khi Quang Dũng đi kháng chiến).

Nhiều bài thơ được thi sĩ vẽ minh hoạ bằng bút chì ngay bên cạnh. Hoạ sĩ Tô Chiêm nhận định: "Ông thích tự làm bìa, minh hoạ cho thơ và bút kí của mình. Dường như người nghệ sĩ tài hoa ấy mong muốn những đứa con tinh thần có được sự hài hoà tuyệt đối".

Tranh Quang Dũng chủ yếu là phong cảnh: *Nhớ Tây Tiến, Đường lên Tây Bắc, Làng ven đê sông Đáy, Mây đầu ô, Dốc Yên Phụ, Vườn đào Nhật Tân, Ba Vì,...* Vẽ là cách để Quang Dũng ghim giữ lại bằng ngôn ngữ tạo hình những cảm xúc trong thơ. Tranh của Quang Dũng dựng nên một thế giới thanh bình và lãng mạn, an hoà, như điều luôn được thể hiện trong thơ, văn của ông (tương tự, trong mỗi bài thơ, trang văn của ông có chứa sẵn một bức tranh, một bản nhạc).

Quang Dũng tựa bóng "mây phiêu lưu, mây lang thang", hồn nhiên viết thơ trên từng tờ giấy vương vãi hoặc trong sổ tay của các bè bạn.

Cách đánh giá về Quang Dũng và các sáng tác của ông.

Cũng vậy, say mê vẽ, vượt thoát tham vọng có tác phẩm để đời, ông vẽ như chỉ để lưu giữ lại kỉ niệm với bờ bãi, sông nước, làng mạc, cỏ cây, con người,... Màu sắc, đường nét như tự do đến với ông nhưng có lẽ chính vì vậy mà các bức hoạ của ông luôn thể hiện được nét riêng, chiếm được trọn vẹn cảm tình của những người mê thơ – hoạ, thích nét tài hoa, tài tử ở những lớp nghệ sĩ đặc biệt như Quang Dũng.

(Theo Chu Hồng Tiến, *Thể thao và Văn hoá*, ngày 13/11/2020)

Trả lời câu hỏi

1. Bài viết đã đưa đến những thông tin gì về cuốn sách?
2. Những nội dung nổi bật nào của cuốn sách đã được tác giả giới thiệu? Cách giới thiệu đó có thể khơi lên ở người đọc những ấn tượng gì về cuốn sách?
3. Cách trình bày, triển khai văn bản này có điểm gì khác so với hai văn bản trên?

III. THỰC HÀNH VIẾT

Chuẩn bị

– Chọn giới thiệu tác phẩm (tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết ở Phần 1; chọn một trong các hướng giới thiệu ở Phần 2).

– Xem lại phiếu đọc sách để hình dung tổng thể:

+ Những thông tin chung về cuốn sách (tên sách, sách của một hay nhiều tác giả, năm xuất bản, xuất xứ, hoàn cảnh ra đời,…).

+ Những nội dung chính của cuốn sách (theo các đặc điểm của tập thơ, tập truyện ngắn hay tiểu thuyết).

+ Những cảm nhận, ấn tượng của người đọc về cuốn sách.

– Xem lại nội dung và yêu cầu của cách viết mà bạn lựa chọn.

Lập dàn ý

Bài viết theo hướng nghiên cứu

Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhận xét chung về những giá trị nổi bật hoặc những nét đặc sắc tạo nên dấu ấn của tác phẩm.

Thân bài: Trình bày tổng quan về những giá trị nổi bật của tác phẩm hoặc từng khía cạnh đáng chú ý về nội dung và nghệ thuật, mỗi ý được giới thiệu cần có trích dẫn cùng một số phân tích cụ thể (về những ví dụ tiêu biểu) để tạo điểm nhấn.

– Với tác phẩm truyện ngắn hoặc tiểu thuyết: Chú ý đến đề tài, chủ đề, các tuyến nhân vật, nghệ thuật xây dựng nhân vật, bút pháp hoặc phong cách của tác giả.

– Với tác phẩm thơ: Chú ý đến mạch cảm xúc, thế giới hình tượng, nghệ thuật xây dựng hình ảnh, bút pháp hoặc phong cách của tác giả.

Kết bài: Đánh giá vị trí của tập thơ hoặc tập truyện ngắn trong sự nghiệp của tác giả và trong nền văn học, nêu những điểm thống nhất trong dư luận của công chúng văn học về sức lôi cuốn của tác phẩm.

Bài viết theo hướng thưởng thức, trải nghiệm

Mở bài: Những ấn tượng đậm nét của người viết về nội dung, nghệ thuật của cuốn sách, về tác giả cuốn sách hoặc một kỉ niệm sâu đậm của cá nhân có liên quan đến tác giả, tác phẩm.

Thân bài: Bộc lộ trực tiếp cảm xúc, suy nghĩ, trải nghiệm của cá nhân người viết về các vấn đề có liên quan trong tác phẩm, qua đó tái hiện những nét nổi bật nhất về nội dung, nghệ thuật hoặc những nét đặc sắc trong phong cách nghệ thuật của tác giả, thể hiện qua các ví dụ tiêu biểu.

Kết bài: Nói về những cảm xúc tiếp nối mà tác phẩm mang lại hay những cảm nhận từ phía độc giả về sức hấp dẫn đặc biệt của tác phẩm.

Bài viết theo hướng giới thiệu, quảng bá

Mở bài: Những thông tin chung về cuốn sách (tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, số đơn vị tác phẩm trong tập thơ, tập truyện, số chương/ phần trong cuốn tiểu thuyết) hoặc những thông tin đặc biệt về cuốn sách (bối cảnh xuất bản, hình thức trình bày,...).

Thân bài: Trình bày những thông tin nổi bật nhất về tác giả, tác phẩm (đề tài chính, thế giới nhân vật, hình tượng trung tâm, khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật) hoặc quá trình sáng tác có thể gây ấn tượng đậm nét đối với người tiếp nhận.

Kết bài: Khái quát những nét độc đáo tạo nên sức hấp dẫn của tác phẩm đối với người đọc.

Khi tổ chức văn bản, có thể sử dụng một số hình thức quen thuộc của văn bản thông tin như: sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu gạch đầu dòng trong văn bản. Văn bản hoàn chỉnh thường là văn bản đa phương thức.

Viết

– Chuẩn bị tâm thế, cảm xúc khi viết bài.

– Chú ý khai thác, vận dụng tối đa những tư liệu thu thập được cũng như những ý nảy sinh trong quá trình đọc đã được ghi chép dưới hình thức phiếu.

– Bài viết có thể do cá nhân hoặc nhóm thực hiện, viết ở lớp hay ở nhà tuỳ theo yêu cầu và điều kiện cụ thể.

Chỉnh sửa, hoàn thiện

– Kiểm tra độ chính xác của những trích dẫn, kể cả trích dẫn từ văn bản văn học được phân tích, đánh giá, giới thiệu lẫn trích dẫn từ những bài nghiên cứu, giới thiệu mà mình đã tham khảo.

– Rà soát lại văn bản về phương diện mạch lạc và liên kết, có thể đảo hay sửa lại các phần, các câu văn làm ảnh hưởng đến tính nhất quán của bài viết.

– Cân nhắc chọn các hình ảnh minh hoạ sao cho bài viết đạt được hiệu quả tác động tối đa.

– Kiểm tra văn bản viết về phương diện chính tả và diễn đạt, đảm bảo cho bài viết đạt được độ chuẩn mực cần có.

IV. BÁO CÁO KẾT QUẢ

1. Hình thức tổ chức

– Đọc và góp ý theo nhóm:

+ Nội dung hoạt động của nhóm được xác định căn cứ vào một trong hai chủ đề trao đổi chính: trao đổi về một kiểu văn bản đã viết (nghị luận, kí, thông tin) hoặc trao đổi về một thể loại được giới thiệu (tập thơ, tập truyện ngắn, tiểu thuyết).

+ Đọc một bài để cả nhóm cùng theo dõi hoặc các cá nhân trong nhóm đổi bài cho nhau để đọc, nhận xét.

+ Dựa vào hệ thống tiêu chí các loại bài để tự đánh giá hoặc đánh giá bài viết của bạn trong nhóm.

– Chọn bài tiêu biểu để đọc và trao đổi trước lớp.

2. Tiêu chí đánh giá bài viết

Để nhận xét, đánh giá bài viết, cần dựa vào những nhóm tiêu chí sau:

– Tiêu chí nhận xét, đánh giá bài viết theo hướng nghiên cứu

STT	Tiêu chí
1	Xác định và trình bày được những vấn đề trọng tâm của tác phẩm.
2	Thể hiện quan điểm và thái độ của người viết về vấn đề được đề cập.
3	Sử dụng lí lẽ, bằng chứng phù hợp để triển khai các ý được nêu trong bài viết.
4	Tổ chức bài văn thành ba phần hợp lí: Mở bài, Thân bài, Kết bài.
5	Sử dụng các phương thức liên kết để tạo sự liền mạch, nhất quán trong từng đoạn và giữa các đoạn.
6	Dùng từ, đặt câu đúng; diễn đạt trong sáng, rõ ràng.
7	Viết đúng chính tả, trình bày bài viết đúng quy cách.

– Tiêu chí nhận xét, đánh giá bài viết theo hướng thưởng thức, trải nghiệm

STT	Tiêu chí
1	Bộc lộ được những cảm xúc, suy nghĩ và trải nghiệm cá nhân về tác phẩm.
2	Làm nổi bật được những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.
3	Tổ chức bài văn linh hoạt, mở bài và kết bài có tính khơi gợi.

4	Sử dụng các phương tiện liên kết để tạo sự liền mạch, nhất quán trong từng đoạn và giữa các đoạn.
5	Sử dụng kết hợp các yếu tố biểu cảm với thuyết minh, nghị luận một cách hiệu quả.
6	Dùng từ, đặt câu đúng; diễn đạt rõ ràng, trong sáng.
7	Viết đúng chính tả, trình bày bài viết đúng quy cách.

– Tiêu chí nhận xét, đánh giá bài viết theo hướng giới thiệu, quảng bá

STT	Tiêu chí
1	Xác định và trình bày, giới thiệu được các thông tin cơ bản về tác phẩm.
2	Thể hiện được nội dung thông tin một cách linh hoạt.
3	Sử dụng các phương pháp trình bày thông tin hợp lí.
4	Tổ chức bài văn thành ba phần hợp lí: Mở bài, Thân bài, Kết bài.
5	Sử dụng các phương tiện liên kết để tạo sự liền mạch, nhất quán trong từng đoạn và giữa các đoạn.
6	Dùng từ, đặt câu đúng; diễn đạt rõ ràng, trong sáng.
7	Viết đúng chính tả, trình bày bài viết đúng quy cách.

1. Sưu tầm những bài viết hay, có giá trị về một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết để mở rộng kiến thức và học hỏi kinh nghiệm viết.
2. Tìm hiểu phong cách viết của những tác giả có bài được sưu tầm ở trên.
3. Viết về một tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết đã đọc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Phần 3 GIỚI THIỆU DƯỚI HÌNH THỨC NÓI VỀ MỘT TẬP THƠ, MỘT TẬP TRUYỆN NGẮN HOẶC MỘT TIỂU THUYẾT

Yêu cầu

- Xác định được mục đích của việc trình bày bài giới thiệu.
- Nêu được các thông tin về tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết: tác giả, tên tác phẩm, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản, lần xuất bản/ tái bản,…
- Trình bày được một số khía cạnh cơ bản về nội dung, nghệ thuật của tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết phù hợp với mục đích của việc giới thiệu.

Trong đời sống văn học, việc giới thiệu một tập thơ, một tập truyện ngắn hoặc một tiểu thuyết có thể được thực hiện theo nhiều hình thức khác nhau, rất phong phú, đa dạng, tuỳ thuộc quy mô, mục đích, sự sáng tạo của người tổ chức. Trình bày bằng hình thức nói phù hợp với hai hướng: giới thiệu quảng bá và đánh giá, phê bình. Hướng trình bày phải được xác định ngay từ đầu để chuẩn bị nội dung và chọn hình thức thể hiện.

Với điều kiện cụ thể ở trường, lớp, bạn có thể thực hiện theo một trong hai hình thức sau đây:

I. TRÌNH BÀY TRƯỚC LỚP

Hình thức tổ chức này tương tự hình thức tổ chức hoạt động Nói và nghe với mỗi bài học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 10*.

1. Chuẩn bị

Chuẩn bị bài nói tiến hành theo hai phương án:

– Phương án 1: Giới thiệu một tập thơ, tập truyện hoặc một cuốn tiểu thuyết chưa được thực hiện ở phần Viết. Đọc kĩ tác phẩm, lập dàn ý cho bài nói.

– Phương án 2: Bài nói thực hiện trên cơ sở bài viết đã có. Tóm tắt bài viết và chuyển bản tóm tắt đó thành dàn ý cho bài nói.

Dàn ý phải có đầy đủ các phần theo bố cục của bài viết. Nội dung của mỗi phần cần tách ý rõ ràng, ý nọ tiếp ý kia theo thứ tự hợp lí, mạch lạc. Để nắm được những thao tác

cơ bản, bạn hãy quan sát cách tóm tắt sau đây đối với lời tựa tập truyện *Gió đầu mùa*.

Mở đầu:

– Giới thiệu quan niệm về truyện ngắn của Thạch Lam – tác giả tập truyện *Gió đầu mùa*.

– Đặc điểm xuyên suốt tập truyện (viết về những chuyện giản dị, những cái xảy ra hằng ngày, không cần đến những tình tiết ngoắt ngoéo).

Triển khai:

– Sự thành thực đến mức trở nên can đảm trong văn Thạch Lam (nêu và phân tích các truyện *Những ngày mới*, *Một cơn giận*,...).

– Những rung động của ngòi bút Thạch Lam và khả năng tác động của nó đến người đọc (làm rõ bằng truyện *Gió lạnh đầu mùa, Trở về, Những ngày mới*).

– Thiên về cảm giác – một đặc điểm nổi bật trong bút pháp truyện ngắn Thạch Lam (phân tích sự tinh tế của việc miêu tả cảm giác nhân vật trong truyện *Nhà mẹ Lê* và *Trở về*).

Kết thúc:

Nhận định một hướng đi của Thạch Lam trong sáng tác.

Lưu ý:

– Ở mỗi phần, mỗi ý, bên cạnh nêu nội dung cơ bản, dẫn chứng tiêu biểu, cần ghi chú cách trình bày, thời gian dành cho từng phần. Những ghi chú như vậy có tác dụng nhắc người nói chủ động, tránh tình trạng nói lan man hoặc tạo ra sự thiên lệch, bất hợp lí giữa các ý khi trình bày.

– Chuẩn bị các phương tiện hỗ trợ: Nếu có điều kiện trình chiếu bằng PowerPoint, cần dựa vào dàn ý để soạn các slide và tập luyện trước. Kiểm tra máy móc trình chiếu, các video, thiết bị âm thanh (nếu có).

2. Trình bày bài giới thiệu

Mở đầu:

– Tìm hiểu trước đối tượng tham dự để có cách chào thưa, xưng hô phù hợp.

– Tự giới thiệu ngắn gọn về bản thân (tên, học sinh lớp, trường,...).

– Nêu mục đích của việc trình bày giới thiệu tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết.

– Nêu các thông tin tổng quát (tên tập sách, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, sự đánh giá của dư luận về tập sách).

Triển khai:

– Bám vào đề cương đã chuẩn bị hoặc trình chiếu slide, lần lượt trình bày từng ý. Nhấn mạnh trọng tâm của vấn đề, thuyết minh rõ ràng, diễn giải, phân tích dẫn chứng ở những

chỗ cần làm sáng tỏ. Trong quá trình trình bày, cần chú ý tương tác với người nghe (qua ánh mắt, khả năng biểu cảm, ngôn ngữ).

– Nếu có video chiếu xen kẽ, cần làm rõ sự kết nối giữa bài giới thiệu và hình ảnh.

– Khi trình bày, tuỳ thái độ, sự phản ứng của người nghe để điều chỉnh, bổ sung thông tin cần thiết.

– Giọng nói to, nhỏ, nhanh, chậm phải phù hợp với thể loại tác phẩm được giới thiệu và nội dung trình bày. Tuyệt đối tránh tình trạng đọc bài viết soạn sẵn.

Kết thúc:

– Khẳng định lại giá trị của tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết và sự cần thiết của việc nắm được các thông tin cơ bản về tập sách đó đối với việc nâng cao chất lượng học tập môn Ngữ văn.

– Sẵn sàng giải đáp những điều người nghe muốn hiểu rõ thêm.

II. TỔ CHỨC SỰ KIỆN

Đây là hoạt động có tính chất của một sinh hoạt câu lạc bộ, vì thế cần phân công nhiệm vụ cụ thể, có sự phối hợp giữa các thành viên dưới sự điều hành chung.

Chuẩn bị:

– Xác định mục tiêu của việc tổ chức hoạt động: Thông thường, hoạt động giới thiệu một tập sách thuộc thể loại nào đó (thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết) cần hướng tới một mục tiêu nhất định, tuỳ vị trí của tác giả và tác phẩm hoặc mối liên hệ giữa tác phẩm với chương trình Ngữ văn Trung học phổ thông.

– Thống nhất về việc chọn tập thơ, tập truyện ngắn, tiểu thuyết để giới thiệu. Hoạt động này được xem như một sự kiện. Do đó, việc chọn tập sách nào để giới thiệu phải dựa trên kết quả đọc, trao đổi, đi đến thống nhất giữa các thành viên trong lớp hoặc trong nhóm. Các bạn cũng có thể nhờ thầy cô định hướng, tư vấn nhằm chọn được cuốn sách hữu ích và thiết thực để giới thiệu.

– Người được giao nhiệm vụ trình bày phải đọc kĩ tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết, trao đổi với nhau để soạn đề cương cho bài giới thiệu.

– Người được giao dẫn chương trình chuẩn bị kịch bản cho buổi giới thiệu.

– Bộ phận phụ trách việc trang trí làm sân khấu, áp phích và chuẩn bị các thiết bị kĩ thuật (máy chiếu, ánh sáng, âm thanh,...).

Triển khai:

Công việc của người dẫn chương trình:

– Giới thiệu thầy cô, khách mời, thành phần tham gia.

– Nêu lí do và mục đích tổ chức sự kiện giới thiệu tập thơ, tập truyện ngắn hoặc tiểu thuyết.

– Giới thiệu và mời diễn giả (các bạn đã nhận nhiệm vụ chuẩn bị đề cương) lên trình bày bài giới thiệu về tập sách.

Công việc của người trình bày:

– Do hình thức này giống kiểu tổ chức sự kiện, nên việc trình bày có thể do một số người đảm trách, mỗi người nói về một khía cạnh của tập thơ, tập truyện hoặc tiểu thuyết.

– Diễn giả dựa vào đề cương và những gì đã chuẩn bị, có thể trình chiếu các slide, kết hợp dùng ngôn ngữ nói để giới thiệu.

– Bằng sự kết nối của người dẫn chương trình, có thể có cuộc trao đổi ngắn giữa diễn giả với cử toạ về khía cạnh nào đó liên quan đến tập sách được giới thiệu. Người trình bày cần giải đáp nhanh gọn một số câu hỏi do người nghe nêu lên.

Kết thúc:

– Tóm tắt lại một số hoạt động đã diễn ra, khẳng định ý nghĩa của việc giới thiệu tập sách.

– Cảm ơn sự có mặt của các thầy cô, các vị khách và những thành phần tham gia khác.

– Tuyên bố kết thúc sự kiện.

1. Chọn một tập thơ, lập đề cương bài giới thiệu và tập trình bày trước nhóm bạn cùng lớp.

2. Chọn một tập truyện ngắn hoặc một cuốn tiểu thuyết để tổ chức một buổi giới thiệu. Phân công các thành viên trong nhóm đảm nhiệm từng khâu (viết kịch bản dẫn chương trình, thiết kế sân khấu, áp phích, làm đề cương trình bày bài nói). Đưa sản phẩm mà các thành viên đã chuẩn bị ra trước nhóm để cùng trao đổi, thảo luận.

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

STT	THUẬT NGỮ	CHUYÊN ĐỀ	TRANG
1	bản kể	1	20, 21
2	báo cáo nghiên cứu	1	4, 5, 19,...
3	bằng chứng	1, 3	41, 80, 89,...
4	bố cục	2, 3	60, 61, 91
5	bối cảnh	1, 2, 3	22, 44, 71,...
6	ca dao	1	7, 8, 24,...
7	cải biên	2	53, 54
8	cái tôi trữ tình	3	81
9	chèo	1, 2	14, 43, 45,...
10	chủ đề	1, 3	23, 37, 68,...
11	chú thích	1	21, 23, 31,...
12	chuyên đề	1, 2, 3	4, 43, 67,...
13	chuyển thể	2	45, 55, 60,...
14	cốt truyện	1, 2, 3	38, 41, 69,...
15	dân ca	1	7, 8, 42,...
16	dị bản	1	15, 19, 31,...
17	diễn xướng	1	14, 39, 64,...
18	đề tài	1	7, 10, 11,...
19	điện ảnh	1, 2	7, 30, 33,...
20	hài kịch	1	37
21	hình ảnh tượng trưng	1	28
22	hình thức diễn xướng	1	38
23	hình tượng	1	4, 7, 29,...
24	hò khoan	1	14
25	hoạt cảnh thơ	3	67
26	hồ sơ tài liệu nghiên cứu	1	18
27	kế hoạch nghiên cứu	1	7, 10

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

STT	THUẬT NGỮ	CHUYÊN ĐỀ	TRANG
28	kết cấu	1	22, 23
29	kết quả nghiên cứu	1	6, 41, 42,...
30	khảo sát	1	5, 31, 34
31	kịch	1, 2	4, 30, 43,...
32	kịch thơ	3	67
33	kịch bản chuyển thể	2	45, 55
34	kịch bản sân khấu	2	46, 55, 60,...
35	kiểu nhân vật	1, 3	8, 20, 68
36	lí lẽ	1, 3	41, 80, 89
37	loại hình nghệ thuật	2	7, 34, 43,...
38	luận điểm	1, 3	6, 21, 77,...
39	lược thuật	1	22, 30, 35
40	múa rối	2	43, 63
41	nghệ thuật ngôn từ	1, 2	4, 43
42	ngôn ngữ hình thể	2	54
43	ngôn ngữ sân khấu	2	43, 44, 55
44	người kể	3	73, 76
45	nhạc kịch	2	43, 55, 63,...
46	nhân vật	1, 2, 3	8, 44, 68,...
47	nhiệm vụ nghiên cứu	1	10, 13
48	nhịp điệu	3	69, 76
49	phỏng vấn	1	5, 13, 14
50	sáng tác dân gian	1	5, 24
51	sân khấu hoá	1, 2	15, 43, 54,...
52	tản văn	3	81
53	tập nghiên cứu	1	4, 7
54	tập truyện ngắn	3	67, 68, 72,...
55	tập thơ	3	67, 68, 70,...
56	thần thoại	1, 3	8, 20, 33,...
57	thể thơ	1, 3	8, 67, 71,...
58	thống kê	1	31, 32, 34

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

STT	THUẬT NGỮ	CHUYÊN ĐỀ	TRANG
59	thơ	1, 2, 3	8, 43, 67,...
60	thơ trữ tình	3	8, 67
61	thơ tự do	3	67
62	thơ tự sự	3	67
63	thơ văn xuôi	3	67
64	thuyết trình	1	4, 41
65	tiểu thuyết	2, 3	45, 67, 69,...
66	tính dị bản	1	4, 5, 19
67	tính diễn xướng	1	4, 5, 19
68	tính hình tượng	1	25
69	tính truyền miệng	1	4, 5, 19
70	tính trữ tình	1	14
71	tình huống truyện	3	72, 73
72	truyện	1, 2, 3	7, 54, 78,...
73	truyện cổ tích	1	7, 15, 20,...
74	truyện ngắn	2, 3	55, 60, 64,...
75	truyện thơ	2, 3	45, 64, 67
76	truyền thuyết	1	8, 9, 20,...
77	tuồng	1, 2	14, 43, 63,...
78	tuỳ bút	3	81
79	tuyển tập	1, 2, 3	20, 41, 81,...
80	văn bản nghị luận	3	77
81	văn học dân gian	1	5, 7, 9,...
82	văn học hiện đại	1	33
83	văn phong khoa học	1	21, 34, 36,...
84	vấn đề	1, 2, 3	4, 53, 89,...
85	vấn đề nghiên cứu	1	5, 9, 11,...
86	vấn đề văn học dân gian	1	4, 7, 9,...
87	vần điệu	3	76

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BẢNG GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ

STT	THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH	CHUYÊN ĐỀ	TRANG
1	bản kể	một hình thức tồn tại của truyện dân gian trên văn bản viết; có nhiều biến thể do được thực hiện bởi những nhà sưu tầm, nghiên cứu khác nhau; ít nhiều mang tính chủ quan của người ghi chép thể hiện ở việc chọn nguồn khai thác, biên tập các tình tiết, chi tiết, sử dụng ngôn ngữ trần thuật,...	1	20, 21
2	báo cáo kết quả nghiên cứu	một hình thức thông tin khoa học, trong đó người nghiên cứu trình bày kết quả nghiên cứu đạt được sau khi kết thúc một đề tài, một dự án nghiên cứu	1	42
3	báo cáo nghiên cứu	một loại văn bản thuộc phong cách khoa học, nhằm trình bày những khám phá và kết luận về một vấn đề nào đó, dựa trên những nghiên cứu từ thực tế với các dữ liệu khách quan, chính xác, đáng tin cậy	1	4, 5, 19,...
4	cải biên	một hình thức sáng tạo nghệ thuật được thực hiện trên cơ sở chuyển thể hoặc nâng cấp một sáng tạo gốc nào đó (phổ biến là tác phẩm nghệ thuật ngôn từ); có tác dụng giúp sáng tạo gốc có khả năng thích ứng tích cực với môi trường đương đại hay không gian nghệ thuật mới	2	53, 54
5	chuyên đề	một loại nội dung học tập chuyên sâu, tập trung vào một vấn đề nào đó, giúp cho người học tăng cường kiến thức và kĩ năng thực hành, biết vận dụng kiến thức để giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu định hướng nghề nghiệp	1, 2, 3	43, 67, 71,...
6	chuyển thể	hình thức sáng tạo đặc thù nhằm tạo ra một vẻ mặt mới, đời sống mới cho văn bản ngôn từ gốc trong không gian tồn tại của các loại hình nghệ thuật khác như sân khấu, điện ảnh,...	1, 2	45, 54, 60,...
7	dị bản	một đơn vị văn bản phân biệt với nhiều đơn vị văn bản khác của cùng một tác phẩm ở ít hay nhiều câu chữ, chi tiết, sự kiện; cũng được hiểu là một hiện tượng chủ yếu thuộc đời sống văn học, hệ quả của việc lưu truyền (sao, in, kể,...) và làm biến đổi diện mạo tác phẩm gốc ở mức độ nhất định một cách vô tình hoặc có chủ ý	1	15, 19, 22,...
8	diễn xướng	hoạt động thể hiện, trình diễn, tạo môi trường sống đích thực, giàu ý nghĩa cho một sáng tác ngôn từ hay sáng tác có sự kết hợp linh hoạt giữa ngôn từ và điệu hát (như ca dao, dân ca) trong các sinh hoạt văn nghệ mang tính cộng đồng	1	14, 38, 39,...
9	đề tài nghiên cứu	một khía cạnh, một mặt nào đó của sự vật, hiện tượng, một phạm vi nào đó của hiện thực khách quan mà ở đó vấn đề nghiên cứu nảy sinh, được phát hiện và đòi hỏi được nghiên cứu	1	5, 29, 42
10	điện ảnh	một loại hình nghệ thuật tổng hợp ra đời muộn (vào cuối thế kỉ XIX), thường được gọi là "nghệ thuật thứ bảy", phát triển mạnh mẽ và có sức hấp dẫn đặc biệt đối với công chúng trong thời đại nghe – nhìn; tác giả là một tập thể gồm nhà biên kịch, đạo diễn, diễn viên, người quay phim, nhạc sĩ, hoạ sĩ, người dựng phim, các chuyên viên kĩ thuật, kinh tế,... trong đó đạo diễn là người đóng vai trò chủ đạo	1, 2	7, 30, 33,...
11	hài kịch	một thể loại kịch dùng cái hài làm nguyên tắc xây dựng các tính cách, tình huống và hành động, nhằm giễu cợt, phê phán cái xấu, cái lố bịch, cái lỗi thời để loại trừ chúng ra khỏi đời sống xã hội một cách nhẹ nhàng, vui vẻ	1	37
12	hoạt cảnh	hình thức nghệ thuật sân khấu gọn nhẹ, cơ động, tái hiện một cảnh sinh hoạt xã hội hay một tình tiết, sự kiện nào đó trong tác phẩm văn học	2, 3	62, 67

STT	THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH	CHUYÊN ĐỀ	TRANG
13	hồ sơ tài liệu nghiên cứu	một tập hợp những tài liệu cần thiết phục vụ cho việc nghiên cứu về một đề tài nào đó do chính người thực hiện đề tài chuẩn bị, sưu tầm; đóng vai trò tích cực trong việc giúp người nghiên cứu hình thành ý tưởng, xây dựng luận điểm nghiên cứu và khai thác các cứ liệu phục vụ cho việc viết báo cáo nghiên cứu	1	18
14	kế hoạch nghiên cứu	sự hình dung bao quát về toàn bộ quá trình nghiên cứu với các bước cụ thể (trong đó có mục tiêu, sản phẩm dự kiến đạt được, thời gian thực hiện,...), thường được thể hiện bằng một văn bản có quy cách trình bày riêng, nói lên sự chủ động của người nghiên cứu trước công việc đang theo đuổi	1	7, 10
15	kết quả nghiên cứu	điều đạt được qua quá trình nghiên cứu hướng theo những mục tiêu nhất định, được trình bày đầy đủ trong báo cáo nghiên cứu hay được tóm tắt trong báo cáo kết quả nghiên cứu	1	6, 41, 42,...
16	kịch	một trong các loại lớn của sáng tác văn học gồm những tác phẩm có thể dùng để đọc hoặc để biểu diễn trên sân khấu, nhờ cách kết cấu đặc thù với sự nổi bật của xung đột, cốt truyện, hành động, đối thoại	1, 2	4, 30, 43,...
17	kịch bản chuyển thể	loại văn bản được tạo ra trong quá trình sáng tạo lại một tác phẩm gốc nào đó để đưa nó vào đời sống của thể loại mới và của không gian sống mới trên sân khấu	2	45, 55
18	kịch bản sân khấu	loại văn bản thể hiện toàn bộ sự hình dung về việc đưa một kịch bản văn học lên sân khấu với những hướng dẫn chi tiết dành cho các đối tượng có liên quan, nhằm làm cho hoạt động này đạt được hiệu quả tối đa	2	46, 60,...
19	kiểu nhân vật	loại nhân vật tồn tại ở nhiều tác phẩm văn học khác nhau, được nhận biết nhờ tính ổn định của các cá thể trong tập hợp (loại) về đặc điểm bên ngoài, tính cách, số phận, đặc biệt là về hàm nghĩa tư tưởng, thẩm mĩ được thể hiện, gửi gắm qua đó	1, 3	8, 20, 68
20	nghệ thuật sân khấu	một loại hình nghệ thuật biểu diễn có lịch sử lâu đời và đang tiếp tục phát triển với nhiều cách tân, có sự tham gia của nhiều thành viên lao động nghệ thuật như nhà văn, nhà biên kịch, đạo diễn, diễn viên,...	2	62
21	ngôn ngữ hình thể	hình thức biểu đạt ý nghĩa của các động tác cơ thể mà diễn viên thực hiện, nhằm chuyển tải một cách sống động những điều muốn nói của kịch bản (bao gồm trong đó tâm trạng, tính cách, số phận,... của nhân vật)	2	54
22	nhiệm vụ nghiên cứu	điều mà công trình khoa học hoặc báo cáo nghiên cứu phải giải quyết để có được những kết quả nghiên cứu mong muốn, do chính tác giả, nhóm tác giả tự đặt ra cho mình hay do sự phân công, giao phó của cấp quản lí đề tài nghiên cứu	1	10, 13
23	sáng tác dân gian	loại hình sáng tác do nhân dân lao động tạo nên suốt chiều dài lịch sử, bao gồm nhiều bộ phận, trong đó bộ phận sáng tác ngôn từ chiếm vị trí quan trọng; tồn tại trong mối quan hệ tương tác tích cực với loại hình văn học viết	1	5, 24
24	sân khấu hoá	hoạt động tạo dựng đời sống sân khấu cho sáng tác nghệ thuật ngôn từ không thuộc loại kịch, thông qua một kịch bản được hình thành từ việc sáng tạo lại tác phẩm gốc theo nhiều mức độ và cách xử lí khác nhau	1, 2	15, 43, 54,...
25	phỏng vấn	hình thức khai thác thông tin được sử dụng phổ biến trong hoạt động báo chí và nghiên cứu khoa học; được thực hiện theo một "sơ đồ" chung: tìm, chọn người phỏng vấn, chuẩn bị nội dung và xác định hình thức phỏng vấn; tiến hành phỏng vấn và ghi chép những thông tin cần thiết cho công việc cụ thể đang làm	1	5, 13, 14
26	phương pháp nghiên cứu	tập hợp những cách thức, thao tác, biện pháp được người nghiên cứu sử dụng để tiến hành khảo sát đối tượng, thu thập thông tin về đối tượng và xử lí các thông tin đó để làm sáng tỏ các kết quả nghiên cứu dự kiến và để hoàn thành được mục tiêu nghiên cứu đề ra	1	5, 7, 42

STT	THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH	CHUYÊN ĐỀ	TRANG
27	tài liệu tham khảo	loại tài liệu chứa đựng các thông tin cần thiết liên quan đến đề tài nghiên cứu, được nhà nghiên cứu hay người viết báo cáo nghiên cứu khai thác, sử dụng; thường được kê thành một danh mục đặt cuối công trình hay báo cáo nghiên cứu	1	6, 11, 19,...
28	tập nghiên cứu	một loại hình hoạt động học tập trong nhà trường hướng tới việc giúp người học làm quen với công tác nghiên cứu, thông qua việc thực hiện một số đề tài vừa sức nhưng phải đảm bảo những yêu cầu khoa học cơ bản	1	4, 7
29	tập thơ	một tập hợp nhiều đơn vị bài thơ của một hay nhiều tác giả, được tuyển chọn theo những tiêu chí nhất định, có nhan đề trùng với tên một bài thơ tiêu biểu trong tập hay được đặt mới bởi người tổ chức bản thảo	3	67, 68, 70,...
30	tập truyện ngắn	một tập hợp nhiều đơn vị truyện ngắn của một hay nhiều tác giả, được tuyển chọn theo những tiêu chí nhất định, có nhan đề trùng với tên một truyện ngắn tiêu biểu trong tập hay được đặt mới bởi người tổ chức bản thảo	3	67, 68, 72,...
31	tiểu thuyết	một hình thức tự sự cỡ lớn có khả năng phản ánh hiện thực đời sống ở mọi giới hạn không gian và thời gian, thể hiện được nhiều tính cách, số phận khác nhau trên những bối cảnh đa dạng của thời đại, lịch sử; là thể loại có vị trí quan trọng bậc nhất trong nền văn học hiện đại mà cách tư duy về đời sống của nó chi phối mạnh sáng tác của nhiều thể loại văn học khác	2, 3	45, 67, 69,...
32	tính dị bản	một trong những tính chất quan trọng của các sáng tác ngôn từ dân gian, kết quả của hoạt động sáng tạo tập thể (nhiều người thuộc nhiều thời cùng tham gia) và phương thức phổ biến, lưu giữ bằng con đường truyền miệng; được thể hiện rõ nét qua sự tồn tại của nhiều bản kể, bản ghi chép, lưu truyền về cùng một tác phẩm "gốc"	1	4, 5, 19
33	tính truyền miệng	một trong những tính chất quan trọng của các sáng tác ngôn từ dân gian, thể hiện một điều kiện lưu giữ, phổ biến sáng tác mang tính đặc thù; có quan hệ mật thiết với tính tập thể, tính dị bản	1	4, 5, 19
34	truyện ngắn	một hình thức tự sự cỡ nhỏ chủ yếu được viết bằng văn xuôi, có khả năng thể hiện được nhiều vấn đề của đời sống với những sự kiện, cảnh ngộ, số phận, tính cách khác nhau; chủ yếu trần thuật về những sự kiện, tình huống, hành động mang tính nổi bật, thể hiện được bản chất của hiện thực, con người theo góc nhìn của nhà văn; có thể được người đọc tiếp thu liền một mạch trong thời gian ngắn	2, 3	55, 60, 64,...
35	tuyển tập	loại ấn phẩm gồm những sáng tác được xem là tiêu biểu của một tác giả hay nhiều tác giả, do chính tác giả, nhóm tác giả hay người khác lựa chọn, tập hợp theo một tiêu chí nào đó; rất có ý nghĩa đối với việc tổng kết một đời văn, một thời kì, giai đoạn văn học hay ghi nhận một thành tựu sáng tác có giá trị	1, 2, 3	20, 52, 68,...
36	văn học dân gian	loại hình sáng tác ngôn từ của nhân dân lao động, hình thành từ thời xa xưa nhưng vẫn tiếp tục phát triển đến ngày nay; gồm các bộ phận như tự sự dân gian, trữ tình dân gian; có những tính chất đặc thù như tính nguyên hợp, tính tập thể, tính truyền miệng, tính diễn xướng, tính dị bản; thể hiện một cách sinh động đời sống của nhân dân trong trường kì lịch sử; có mối quan hệ hai chiều mang tính tích cực với văn học viết	1	4, 5, 7,...
37	văn phong khoa học	văn phong được dùng trong văn bản khoa học, báo cáo nghiên cứu; phân biệt với văn phong trong văn bản nghệ thuật, văn bản hành chính, văn bản trao đổi thông tin thông thường; có đặc điểm chung là khách quan, khúc chiết, sáng rõ, thể hiện tư duy logic của người nghiên cứu	1	21, 34, 36,...
38	vấn đề nghiên cứu	câu hỏi yêu cầu phải được trả lời khi người nghiên cứu đứng trước mâu thuẫn giữa tính hạn chế của tri thức khoa học hiện có với yêu cầu phát triển tri thức đó ở trình độ cao hơn	1	5, 9, 14,...

BẢNG TRA CỨU MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT

STT	YẾU TỐ HÁN VIỆT	NGHĨA YẾU TỐ HÁN VIỆT
1	bá	làm lan rộng, truyền đi: *truyền bá, quảng bá, bá cáo,...*
2	bài	- sắp xếp, sắp đặt: *bài trí, an bài, bài binh bố trận,...* - gạt ra, đuổi đi, chê bai: *bài bác, bài trừ, bài xích,...*
3	biên	- soạn, thu thập để viết thành sách: *chủ biên, biên soạn,...* - sách vở, ghi chép: *biên mục, biên thư,...*
4	cấu	- xây dựng, làm ra, dựng nên: *cấu tạo, cấu trúc, cấu tứ,...* - sắp xếp, hệ thống, tổ chức: *kết cấu, cơ cấu,...*
5	cứu	- nghiên cứu, tra hỏi cho đến gốc: *kê cứu, tra cứu, nghiên cứu,...* - xét đến cùng tột: *cứu cánh, truy cứu,...*
6	hoạt	- sống động, linh động: *hoạt bát, hoạt cảnh, hoạt náo, hoạt động,...* - sống, cuộc sống: *sinh hoạt, hoạt lực, hoạt huyết,...*
7	huống	- tình hình, trạng thái, tình cảnh: *cảnh huống, tình huống, trạng huống,...* - phương chi, huống chi, nữa là: *huống hồ, hà huống* (huống chi),...
8	khảo	- nghiên cứu, xem xét: *khảo cổ, biên khảo, khảo cứu, khảo nghiệm, khảo tả, khảo dị,...* - thi cử, kiểm tra, sát hạch: *khảo thí, đặc khảo* (kì thi đặc biệt),...
9	mục	- con mắt, thấy, nhìn: *mục kính, chú mục,...* - bảng liệt kê các phần trong sách vở, tài liệu: *mục lục, biên mục, thư mục,...* - điều khoản, phần: *hạng mục, điều mục,...* - danh xưng, tiêu đề: *danh mục, đề mục,...*
10	nghiên	tìm tòi, nghiền ngẫm: *điều nghiên, nghiên cứu,...*
11	nguyên	- cánh đồng, chỗ đất rộng và bằng phẳng: *bình nguyên, cao nguyên, thảo nguyên,...* - mở đầu, cái đầu tiên, ban sơ, vốn là: *nguyên bản, nguyên hợp, nguyên sinh, nguyên văn, nguyên chất, bản nguyên, suy nguyên,...*
12	nhan	- dáng mặt, vẻ mặt: *dung nhan, nhan sắc,...* - chữ đề trên đầu sách, trên biển hiệu: *nhan đề, bi nhan* (tên bài văn bia),...
13	phỏng	bắt chước, làm theo: *mô phỏng, phỏng tạo,...*
14	quảng	- rộng, rộng lớn: *quảng trường, quảng đại,...* - phổ biến, truyền bá: *quảng bá, quảng cáo,...*
15	tài	- vật liệu, nguyên liệu: *tài nguyên, tài vật,...* - tư liệu: *tài liệu, giáo tài,...*

STT	YẾU TỐ HÁN VIỆT	NGHĨA YẾU TỐ HÁN VIỆT
16	thẩm	xét đoán, xét hỏi, tra cứu kĩ lưỡng: *thẩm bình, thẩm định, thẩm xét, thẩm tra, phúc thẩm,...*
17	thức	- biết, sự hiểu biết: *kiến thức, thường thức, tri thức,...* - tư tưởng, suy nghĩ sâu xa: *ý thức, tâm thức,...*
18	thoại	- lời nói, ngôn ngữ, nói chuyện: *đối thoại, hội thoại, đàm thoại,...* - chuyện, câu chuyện: *thoại bản, thần thoại, huyền thoại,...*
19	thưởng	- khen, thưởng thức: *phong thưởng, tặng thưởng,...* - xem, ngắm: *thưởng thức, thưởng ngoạn,...*
20	tiết	- đốt, đoạn, phần: *tiết mục, chương tiết,...* - sự, việc: *chi tiết, tình tiết,...* - chí khí, tư cách: *phẩm tiết, tiết tháo, danh tiết,...*
21	tư	- nghĩ, suy nghĩ, thuộc về hoạt động của trí óc: *tư duy, tư tưởng, suy tư, trầm tư,...* - nhớ, mong, hoài niệm, tâm tình, thuộc về động thái nội tâm: *tâm tư, tương tư,...* - (một âm là *tứ*) ý muốn biểu đạt ra, cách nghĩ và cách chiếm lĩnh mới về đối tượng: *ý tứ, cấu tứ, thi tứ,...*
22	trí (1)	- trí khôn, sự hiểu biết: *trí thức, trí tuệ, mưu trí,...* - thông minh, giỏi giang: *tài trí, đại trí,...*
23	trí (2)	đặt, để: *an trí, bài trí, bố trí, trang trí, vị trí,...*
24	vấn	- hỏi: *vấn đáp, phản vấn, phỏng vấn,...* - tra xét: *thẩm vấn, truy vấn,...*
25	xướng	- nêu ra, đề ra, khởi phát: *đề xướng, xướng xuất, khởi xướng, thủ xướng,...* - hát, làm thơ: *xướng ca, xướng hoạ,...*

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

STT	PHIÊN ÂM	TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI	CHUYÊN ĐỀ	TRANG
1	Ăng-đrô-mác	Andromache	2	64
2	Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri	Antoine de Saint-Exupéry	3	75
3	An-tôn Sê-khốp	Anton Chekhov	3	75
4	Béc-tôn Bờ-rếch	Bertolt Brecht	2	61
5	Co-neo	Cornell	1	17
6	Đe-ni-ơn Đi-phô	Daniel Defoe	3	75
7	Đôn Ki-hô-tê	Don Quijote	3	75
8	Ga-vơ-rin Trôi-e-pôn-xki	Gavriil Troyepolsky	3	75
9	Giắc Lơn-đơn	Jack London	3	75
10	Gờ-rim	Grimm	1	8
11	hai-cư	haiku	3	67
12	Héc-to	Hector	2	64
13	Lép Tôn-xtôi	Lev Tolstoy	3	79
14	Mác	Marx	1	40
15	Mác Tu-ên	Mark Twain	3	75
16	Mắc-xim Go-rơ-ki	Maksim Gorky	1	4
17	O. Hen-ry	O. Henry	3	75
18	Pa-ri	Paris	2	45
19	Rô-bin-xơn Cru-xô	Robinson Crusoe	3	75
20	Tôm Xoi-ơ	Tom Sawyer	3	75
21	Vích-to Huy-gô	Victor Hugo	2	45
22	Xéc-van-tét	Cervantes	3	75
23	Xi-ta	Sita	2	52
24	xon-nê	sonnet	3	67
25	Y-an Ma-ten	Yann Martel	3	76

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: VŨ THỊ VÂN – NGUYỄN THỊ KIM HẰNG
Biên tập tái bản: NGUYỄN THỊ SÁNG
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: PHẠM THỊ MINH THU
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – VŨ THỊ THANH TÂM
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tranh bìa: Nguyễn Tư Nghiêm, *Múa cổ*, tranh bột màu, 105 x 75 cm,
in trong *Tranh Nguyễn Tư Nghiêm trong sưu tập Nguyễn Thu Giang*,
NXB Mỹ thuật, Hà Nội, 1994

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP NGỮ VĂN 10

Mã số: G1HHXV003h26
In ..... bản, (QĐ .....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/128-09/GD
Số QĐXB: .../..... ngày ... tháng ... năm .....
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: 978-604-0-31114-6



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 10, tập một
2. Ngữ văn 10, tập hai
3. Chuyên đề học tập Ngữ văn 10
4. Toán 10, tập một
5. Toán 10, tập hai
6. Chuyên đề học tập Toán 10
7. Lịch sử 10
8. Chuyên đề học tập Lịch sử 10
9. Địa lí 10
10. Chuyên đề học tập Địa lí 10
11. Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
12. Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10
13. Vật lí 10
14. Chuyên đề học tập Vật lí 10
15. Hoá học 10
16. Chuyên đề học tập Hoá học 10
17. Sinh học 10
18. Chuyên đề học tập Sinh học 10
19. Công nghệ 10 – Thiết kế và Công nghệ
20. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 – Thiết kế và Công nghệ
21. Công nghệ 10 – Công nghệ trồng trọt
22. Chuyên đề học tập Công nghệ 10 – Công nghệ trồng trọt
23. Tin học 10
24. Chuyên đề học tập Tin học 10 – Định hướng Tin học ứng dụng
25. Chuyên đề học tập Tin học 10 – Định hướng Khoa học máy tính
26. Mĩ thuật 10 – Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện
27. Mĩ thuật 10 – Thiết kế đồ hoạ
28. Mĩ thuật 10 – Thiết kế thời trang
29. Mĩ thuật 10 – Thiết kế mĩ thuật sân khấu, điện ảnh
30. Mĩ thuật 10 – Lí luận và lịch sử mĩ thuật
31. Mĩ thuật 10 – Điêu khắc
32. Mĩ thuật 10 – Kiến trúc
33. Mĩ thuật 10 – Hội hoạ
34. Mĩ thuật 10 – Đồ hoạ (tranh in)
35. Mĩ thuật 10 – Thiết kế công nghiệp
36. Chuyên đề học tập Mĩ thuật 10
37. Âm nhạc 10
38. Chuyên đề học tập Âm nhạc 10
39. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10
40. Giáo dục thể chất 10 – Bóng chuyền
41. Giáo dục thể chất 10 – Bóng đá
42. Giáo dục thể chất 10 – Cầu lông
43. Giáo dục thể chất 10 – Bóng rổ
44. Giáo dục quốc phòng và an ninh 10
45. Tiếng Anh 10 – Global Success – Sách học sinh

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-31114-6

9 786040 311146

Giá: 12.900 đ